TƯ TƯỞNG

CƠ QUAN LUẬN THUYẾT CỦA VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

THÍCH MINH CHÂU
KIM ĐỊNH
VŨ VĂN MẪU
TÔN THẤT THIỆN
BỬU LỊCH
NGUYỄN XUÂN LẠI
NGÔ TRỌNG ANH
PHẠM CÔNG THIỆN

1969 **3**

Đặc biệt về Xã Hội Học và Chính Trị Học

TRUNG TÂM HỌC LIỆU THƯ VIỆN VẠN HẠNH
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Tư Tưởng

CƠ QUAN
LUẬN THUYẾT
VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

Chủ nhiệm
T.T. THÍCH MINH CHÂU

Toàn ban biên tập

G.S. DƯƠNG THIỆU TỐNG G.S. LÊ TÔN NGHIÊM
G.S. NGÔ TRỌNG ANH G.S. VŨ KHẮC KHOAN
G.S. BỬU LỊCH G.S. TÔN THẤT THIỆN
VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA TOÀN BAN GIÁO SƯ
VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

TRUNG TÂM PHIÊN DỊCH HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

BỘ MỚI
Số 3

ngày 1 tháng 8
1969

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH
222, Trương Minh Giảng, Saigon

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Tư Tưởng bộ mới số 3

đặc biệt về vấn đề :

XÃ HỘI HỌC và

CHÍNH TRỊ HỌC

do G.S. TÔN THẤT THIỆN phụ trách

Các bài đăng trong tư tưởng là quan điểm biệt lập của người cộng tác chứ không hẳn là quan điểm chính thức của Viện Đại Học VẠN HẠNH.

Ngân phiếu, thư bảo đảm xin đề :

Ông Nguyễn Hữu Danh (Phòng Giảng huấn)

Viện Đại Học Vạn Hạnh

222, Trương Minh Giảng — Saigon

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

XÃ HỘI HỌC PHÁP NGÀY NAY

Émile Durkheim (1858-1917) đã đặt nền móng cho xã hội học xem như một khoa học có phương pháp và đối tượng riêng biệt. Nhưng Marcel Mauss (1872-1950) người kế nghiệp Durkheim, có ảnh hưởng sâu và rộng nhất trong giới xã hội học hiện nay. Ông ta xem xã hội học như một môn học mà «nguyên tắc và cứu cánh là quan sát toàn diện những đoàn thể và những động thái của chúng» (*Sociologie et Anthropologie*, 1950, tr. 276). Xã hội học là một môn học tổng hợp về những hiện tượng xã hội toàn diện. Những hiện tượng này «vừa có tính chất pháp lý, kinh tế, tôn giáo, thẩm mỹ, hình thái» (nt, tr, 274). «Chỉ nhờ nhận định và quan sát một toàn thể mà ta mới có thể nhận thức được cái chính yếu, sự chuyển động toàn diện, khía cạnh sống động, khoảnh khắc chóng qua trong lúc ấy xã hội và con người ý thức lấy mình... Trong sự quan sát cụ thể đời sống xã hội ấy ta có thể tìm thấy nhiều sự kiện mới...» (nt, tr. 275-276). Và tác giả thêm rằng, như thế xã hội học, sử học và tâm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

lý học có thể cộng tác với nhau để phong phú hóa khoa học xã hội. Chính quan điểm tổng hợp này về đối tượng (hiện tượng xã hội toàn diện), cũng như về phương pháp (sự hợp tác với những khoa học xã-hội khác, nhất là với sử học và tâm-lý học), là những đường nét và xu hướng nổi bật nhất của xã-hội học Pháp trong những công trình lý thuyết căn bản và trong những công trình chuyên khảo cụ thể.

Ta hãy xét đến xu-hướng, và sự biến-chuyển của xã-hội học Pháp từ năm 1945 đến những năm gần đây qua: I. những công-trình lý-thuyết căn-bản, nhất là của Georges Gurvitch (1894-1966), và Claude Lévi-Strauss (1908), 2. những công-trình khảo-cứu và điều-tra cụ thể, 3. những tổ-chức: cơ-quan hay trung-tâm khảo-cứu.

LÝ-THUYẾT CĂN-BẢN

Chủ-trương xã-hội-học của G. Gurvitch là đa-hình đa-diện (pluralisme sociologique). Thực-tại xã-hội gồm có nhiều hiện tượng xã-hội toàn-diện sắp xếp theo chiều ngang. Mỗi một hiện tượng ấy được làm thành bởi những giai-tầng xếp theo chiều dọc, hay sâu, từ hình-thái ngoại-diện, đến những tổ-chức, đến những thái-độ tập-thể đều-đặn, đến những hệ-thống vai-trò xã-hội, đến những ký-hiệu xã-hội, đến những thái-độ tập-thể xáo-động, canh-tân và tái-tạo, đến những ý-tưởng và giá-trị tập-thể, và sau cũng là những trạng-thái và hành-vi tâm-lý tập thể. Những giai-tầng này có liên-hệ mật-thiết với nhau. Ví dụ: giữa hiện-tượng tôn-giáo và những hiện-tượng không tôn giáo có những tương-quan theo chiều ngang và dọc, vì một đẳng trong mỗi một hiện-tượng ấy, có liên-quan biện-chứng giữa những giai-tầng khác nhau, từ hình-thái đến tâm lý tập thể, và đẳng khác ở mỗi một giai-tầng nhất-định, có những liên-hệ biện-chứng giữa bên này là những tổ-chức tôn-giáo,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

bên kia là những doàn-thể kinh-tế và những giai-cấp xã-hội; hoặc là ở một giai-tầng nhất-định khác, có tương-quan biện-chứng giữa những ký-hiệu tôn-giáo và những giá-trị kinh-tế; xã-hội, văn-hóa. Nói cách khác, có tương-quan biện-chứng giữa cơ-cấu và giá-trị, và những hiện-tượng xã-hội toàn diện như là được xếp-đặt song-song với nhau, thế nào cho mỗi một giai-tầng nhất-định ở một hiện-tượng xã-hội này, tương-ứng với một giai-tầng nhất-định ở ngang nó trong những hiện-tượng xã-hội toàn-diện kia. Tác-giả gọi đó là quan-điểm tương-đồng hay hỗ-tương (réciprocité de perspectives), và xã-hội-học theo chiều sâu (sociologie en profondeur).

Lý-thuyết này là đoạn-khúc (discontinuisme), vì phân-biệt nhiều điển-loại xã-hội khác nhau: a. điển-loại xã-hội vi-tiểu là toàn thể những tương-quan trừu-tượng và chính-yếu nhất, giữa những cá-nhân hay những tập-thể. b. điển-loại đoàn-thể xã-hội xếp-đặt theo mười lăm tiêu-chuẩn: chức-vụ, kích thước, nội-dung, nhịp-độ biến-chuyển... c. điển loại toàn-thể xã-hội được phân-chia thành những: 1. xã-hội sơ-khai, 2. xã hội thần-quyền, 3. xã-hội phụ-quyền, 4. xã-hội phong-kiến, 5. xã-hội tiền tư-bản, 6. xã-hội dân-chủ tự-do hay tư-bản cạnh-tranh. Ông ta còn thêm rằng, hiện nay trên thế-giới có sự cạnh-tranh giữa những toàn-thể xã-hội sau: 7. xã hội tư-bản chỉ-huy và rất phát-triển, 8. xã-hội phát-xít mà căn bản là tổ-chức văn-phòng thơ-lại, 9. xã hội hoạch-định theo nguyên-lý quốc- gia tập-sản, 10. xã-hội hoạch-định theo nguyên-lý tập-sản đa-diện. Chủ-trương vừa phác-hoạ sơ-sài trên đây, tác giả gọi là điển-loại-học-xã-hội (typologie sociologique).

Lý-thuyết này còn có những tính-chất tương-đối, biện-chứng, thực-nghiệm... mà chúng tôi không xét đến chi-tiết trong phạm-vi nhỏ hẹp này.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT THÂN NỮ
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Những nhân-định của tác-giả, về tương-quan đặc-biệt giữa xã hội-học và tâm-lý học một đẳng, và sử-học đẳng khác, nên được đào sâu trong một dịp khác. Ông ta nhấn mạnh trên sự cọng-tác và sự phân-biệt thiết-yếu giữa ba môn học ấy. Về phương-diện này, ta cần so-sánh trong một bài khác, quan-niệm của Gurvitch với những chủ-trương nổi bật ở Hoa-kỳ hầu như giản-lược xã-hội-học thành một thứ tâm lý học xã hội rộng lớn, hoặc xem xã hội học như một khoa-học hình-thức về bản chất tổng quát của những tập thể con người, và như thế phủ nhận tính chất lịch sử của những sự kiện xã hội (xem chẳng hạn P. Lazarsfeld và T. Parsons.)

Mặc dù đây là công-trình lý-thuyết vào hạng quan-trọng và lớn-lao nhất, đã làm nồng-cốt cho nhiều cuộc điều-tra nghiên cứu cụ thể (nhất là của một R. Bastide chẳng hạn), nhưng quan niệm này không những phức tạp một cách gần như vô-ích, mà còn hình-thức nữa, hai đặc-điểm này đi đôi với nhau (lý-thuyết thiếu giản-dị gọn-gàng, nên khó giúp ích cho điều tra cụ thể (xem nhận định của Lévi-Strauss về điều kiện và tính chất của một lý thuyết trong *Anthropologie Structurale*); thiếu những sự kiện cụ thể dẫn chứng). Đôi khi ta có cảm tưởng, Gurvitch bàn luận về bản chất xã hội hơn là cung cấp cho những nhà nghiên cứu cụ thể những công cụ khảo sát, mặc dù hoài bảo của ông là nối liền lý thuyết và khảo cứu cụ thể. (Độc giả muốn có những khái niệm chi tiết hơn về lý thuyết của nhà xã-hội-học này xin tham-khảo những tác-phẩm sau đây của ông ta: *Essais de Sociologie*, 1939; *La Vocation Actuelle de la Sociologie*, 2 vol, 1957; *Déterminismes Sociaux et Liberté Humaine*, 1963; *Dialectique et Sociologie*, 1962.. Ngoài ra chúng tôi có trình-bày sơ-lược lý thuyết của

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thảo Viên
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nhà xã hội học này trong cuốn sách về *Giai cấp Xã Hội*, Saigon, 1968, và trong bài giảng ronéo *Xã-Hội-Học Nhập Môn*, Đại học Saigon, 1968.)

Song-song với sự nghiên-cứu tổng-quát một vấn đề xã hội-học *(Les Structures Elémentaires de la Parenté*, 1949), và sự xây cất nền móng lý thuyết cho khoa học xã hội và nhân-chủng *(Anthropologie Structurale*, 1958), Cl. Lévi-Strauss đã sống gần sống với một bộ-lạc Nam-Mỹ Nambikwara để điều tra cụ thể *(La Vie Familiale et Sociale des Indiens Nambikwara*, 1948). Sau đó ông ta khai triển và áp dụng quan-niệm lý-thuyết của mình trong nhiều địa hạt, nhất là tư-tưởng, huyền-thoại (*Le Totémisme Aujourd' hui*, 1962; *La Pensée Sauvage*, 1962; *Le Cru et le Cuit*, 1964; Du *Miel aux Cendres*, 1966...)

Tên tuổi Lévi-Strauss được gắn liền với phương-pháp phân tích cơ-cấu trong khoa-học nhân-văn và xã-hội. Kỷ thật ông ta đã khai sáng và dẫn đầu trường- phái cơ-cấu này. Khởi đầu, ông ta nghiên cứu những hệ-thống thân-tộc. Từ đó ông khám-phá sự hiện-hữu của những cơ cấu hay cơ-cấu xã-hội. Sau đấy, Lévi-Strauss đã vươn lên trên địa-hạt thân-tộc, và áp dụng phân-tích cơ-cấu cho những lĩnh-vực văn-hóa xã-hội khác. Hãy giới hạn trong công-trình phân-tích thân-tộc của tác-giả ấy. Ông ta viết: «Tôi đã áp-dụng một phương-pháp phân-tích tương-tự cho sự nghiên-cứu tổ-chức xã-hội và nhất là những qui-luật hôn nhân và hệ thống thân tộc. Nhờ đó tôi có thể xác định rằng toàn-thể những qui-luật hôn-nhân quan-sát được trong xã-hội loài người không thể được sắp xếp-như người ta thường làm-thành những phạm trù tạp nhạp ô hợp như là: cấm đoán loạn luân, những loại hôn nhân

HUE QUANG
https://tieulun.hopto.org

khuyến khích, v...v. Tất cả những qui luật ấy đều là những phương-cách bảo-đảm và điều-hành sự lưu-thông trao-đổi đàn-bà con gái trong đoàn-thể xã-hội, nghĩa là thay thế một hệ-thống quan-hệ huyết-tộc nguồn-gốc sinh-lý bởi một hệ-thống liên-minh xã-hội. Mỗi khi đã phát-biểu giả-thiết khoa-học ấy rồi, ta chỉ cần bắt tay vào nghiên cứu một cách toán học tất cả những loại trao đổi có thể quan niệm được giữa n thành phần xã hội để suy diễn ra những qui luật hôn-nhân áp-dụng thật sự trong xã hội. Cùng một lúc ta khám-phá ra những qui-luật khác áp-dụng trong những xã-hội hiện nay chưa quan-sát được. Sau cùng ta thấu-hiểu được chức-vụ, cách điều-hành của những hình-thức khác nhau, và tương-quan giữa chúng nó.

Hơn nữa giả thiết khởi đầu đã được chứng nghiệm bởi sự chứng minh — hoàn toàn diễn-dịch và tiền nghiệm — rằng tất cả những thể-cách hỗ-tương nhân-loại-học cổ-điển quen-thuộc (thể-cách dựa trên tổ-chức nhị-phân và hôn-nhân trao-đổi giữa 2 thành-phần hay một bội-số của 2) làm thành những trường-hợp đặc-biệt của một hình-thức hỗ-tương tổng quát hơn, giữa bất kỳ một số thành-phần nào .. Nhờ phân-tích lý-thuyết đành thức, chúng-tôi đã góp-nhặt những tài-liệu rải-rác cho thấy sự phổ biến rộng lớn của hệ thống này. Đồng thời, chúng tôi có thể giải thích những đặc tính chung cho một số đông những qui luật hôn nhân: như thể hôn nhân khuyến-khích với chị em họ tréo nhị-phương hay đơn-phương bên cha hay bên mẹ. Những tập-tục trước đây khó hiểu bây giờ trở thành rõ ràng lúc ta giản-lược chúng thành những phương thức khác nhau của định luật trao đổi. Rồi những định luật này có thể giản lược thành những tương quan căn bản giữa địa-cứ và tử-hệ » (*Anthropologie Structurale*, tr. 68-69). (Độc giả muốn có những ý niệm bổ túc về đề tài thân tộc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN-NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

và phương-pháp phân-tích cơ cấu, có thể xem cuốn sách nhỏ của chúng tôi: *Vấn-đề Thân-Tộc*, 1966, và *Nhân-Chủng-Học*, bài giảng ronéo, Đại học Vạn Hạnh 1968-69, tr. 88-135).

Giản-lược sự tạp-nhạp thành một hệ-thống có trật-tự và duy nhất. Thật vậy dữ-kiện thân tộc xuất hiện một cách hỗ đồ và ô-hợp, không những vì những khía-cạnh, phương diện và yếu tố không ăn khớp nhau, mà còn được thực hiện hoàn toàn khác nhau tùy theo xã hội: danh xưng; thái-độ đối với thân thuộc, hoặc là tránh xa, hoặc là thân mật hay thù nghịch; những khía-cạnh kinh tế, chính trị, lễ nghi; qui luật thừa-kế, tử-hệ; thế hệ; cấm-đoán loạn-luân phổ-quát nhưng trương độ khác nhau tùy theo xã hội; những qui luật hôn nhân cấm đoán, khuyến khích hay bắt buộc.

Tất cả những sự kiện hay khía cạnh này đều có ảnh hưởng trên nhau, nhưng cái này không định-đoạt cái kia một cách dích-xác. Ví-dụ biết được danh-xưng không cho ta biết được thái-độ đối-xử hay phong-tục hôn-nhân, hoặc biết được tử-hệ không nhất thiết cho ta suy diễn cách thừa kế... Cl. Lévi-Strauss không chấp-nhận sự tạp-nhạp, mà chẳng chịu khi thì đề-cao yếu-tố này, lúc đề-cao yếu-tố kia. Ông ta đã nắm lấy qui-luật phổ-quát nhất trong phạm-vi thân-tộc, phổ quát theo nghĩa là được tuân theo và áp-dụng trong tất cả những xã-hội của loài người, không có ngoại-lệ, đó là qui luật cấm-đoán loạn-luân. Qui-luật này quan-trọng nhất là ở khía-cạnh tích-cực của nó: không có người đàn ông nào có quyền lấy em gái mình, hay con gái mình làm vợ, hầu nhường lại người phụ nữ ấy cho một tiểu-gia-đình khác. Mỗi một người đàn ông đều không được kết-hôn trong tiểu-gia-đình mình, nhưng được kết-hôn trong một tiểu-gia-đình khác. Vậy bản-chất của những qui-luật hôn-nhân, thấu-hiểu được

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

từ qui-luật căn-bản và tối-thượng: cấm-đoán loạn-luân, là cho phép điều hành và tổ chức sự trao đổi đàn bà con gái trong một tập-thể, một cách công-bình và quân-bình. Vậy tất cả những cuộc hôn-nhân trong một tập-thể đều có liên-đới với nhau vì làm thành một hệ-thống. Như thế ở đây, lập-luận từ nguồn-gốc đến những phương-cách khác nhau, ta cũng lại tìm thấy bản chất và công-dụng của một hệ-thống thân-tộc, là sự trao-đổi.

Cơ-cấu thân-tộc, và những cơ-cấu khác được khám-phá nhờ áp-dụng phương-pháp Ngữ-học cơ-cấu của F. de Saussure và Troubetzkoï, và nhờ Toán-học cận đại. Trong *Les Structures Elémentaires de la Parenté*, nhà toán-học A. Weil đã giúp Lévi-Strauss đặt hệ-thống thân-tộc Murngin thành những công-thức và phương-trình toán-học. Phương-pháp toán-học ấy đang được tiếp-tục áp-dụng cho những lĩnh vực khác với sự hợp-tác của những nhà toán-học và nhất là của một Th. Guilbaud chẳng hạn. Toán học cận-đại này đã được áp-dụng vào kinh-tế-học với Von Neumann và Morgenstern *(Theory of games)*, vào Tâm-lý-học với Louis Guttman. (Xem chi-tiết trong một bài của Lévi-Strauss: Les Mathématiques de L'homme. *Bulletin International des Sciences Sociales*. vol. VI. no. 4, 1954, tr. 643-653).

Nguồn gốc xuất phát của những cơ cấu trên là tiềm thức, trong phần sinh-hoạt tri-thức của nó. «Sinh-hoạt tiềm-thức có công dụng đặt những hình thái cho một nội dung, và những hình thái căn bản này đều giống nhau hết thảy dù ở trong tri thức của người xưa hay nay, của người sơ khai hay văn minh». («Histoire et Ethnologie», *Revue de Métaphysique et de Morale*. LIV. 3-4, tháng 7-10, 1949, tr. 386). Vậy phải cố gắng đạt đến cơ-cấu tiềm-thức, hạ-tầng của mọi định-chế hay tập-quán, hầu

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

tìm thấy một mô hình duy nhất, có tác dụng trong nhiều hoàn cảnh, địa-phương và thời-đại khác nhau, dưới vô số những qui luật văn hóa xuất hiện một cách bỗn loạn. Cùng một quan điểm ấy được áp-dụng vào vấn đề vật tổ để đi đến kết luận là, tiềm-ẩn dưới phong-tục ấy có «sinh hoạt trí-thức mà những đặc-tính không có thể là phản-ảnh của tổ-chức xã-hội cụ-thể». (*Le Totémisme Aujourd' hui*, tr. 138). Vậy ở đây cũng như ở nơi khác, dưới những tương-quan cụ-thể, phải tìm kiếm cơ cấu tiềm-ẩn và vô-thức, bằng cách thiết-lập những mô-hình trừu-tượng và tiền-nghiệm.

Trong viễn-tượng ấy, Lévi-Strauss không từ khước lịch sử. Ông ta viết: «Tất cả đều có tính-chất lịch-sử, và ngay cả sự phân-tích những cơ-cấu đồng-thời bắt-buộc phải chiếu-cố đến lịch-sử; vì cho thấy, những định-chế thay-đổi như thế nào nên sử-học cho phép rút ra cơ-cấu thường-trực, những liên-hệ hỗ-tương và đối-lập tiềm-thức phải hiện-diện ngay trong những xã-hội không biết đến định chế đang được cứu xét... Chỉ có sự phát-triển lịch-sử mới cho phép ước-lượng những tương quan giữa những yếu-tố hiện-tại. («Histoire et Ethnologie», trong số *Revue de Métaphysique et de Morale*, dẫn-chứng trên). Tuy-nhiên, lịch-sử không phải là điểm đến, nhưng chỉ là điểm đi, điểm khởi-đầu. Cần đến lịch-sử để «sưu-tầm hết thảy những yếu-tố của một cơ-cấu nào đó, thuộc hay không thuộc vào con người. Thay vì sự tìm kiếm một lý giải phải kết thúc bởi lịch sử như là điểm đến của nó, trái lại lịch sử là khởi điểm cho mọi cuộc điều tra về nguyên-lý... nghiên-cứu cái gì cũng cần đến lịch-sử nhưng với điều kiện là phải vượt ra ngoài lịch-sử» (*La Pensée Sauvage*, tr, 347-348).

Sự trình bày bắt buộc phải sơ sài của chúng tôi, có thể ít nhất cho thấy rằng lý thuyết của tác giả này

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

mặc dầu đạt đến một trình độ trừu tượng hóa rất cao và dích xác, nhưng vẫn trung thành với ý định trường cửu của xã hội học Pháp là sự cọng tác mật thiết giữa những ngành khảo cứu xã hội văn hóa khác nhau (trong tư-tưởng của tác-giả: ngữ-học, sử-học, tâm lý học, toán học...) và tính-chất tổng-hợp của xã-hội-học, kêu gọi đến toán-học cận-đại như một phương-tiện hay một công-cụ để thống-nhất và kết-hợp những quan-điểm hay yếu-tố quá khác nhau và rời-rạc. Cùng một ý-định hợp-tác và tổng-hợp ấy được tìm thấy trong lý-thuyết của Gurvitch, nhưng lẽ dĩ-nhiên là với những sắc-thái khác.

Lý-thuyết và phương-pháp của Cl. Lévi-Strauss, đã gây nhiều ảnh-hưởng trong giới bác-học nói chung, và nói riêng trong giới xã-hội học và nhân-chủng-học, ví-dụ ở Pháp với những Louis Dumont, Jean Pouillon, Dan Sperber... ở Bỉ với Luc de Heusch... và ở Anh và Mỹ với Rodney Needham và Edmund Leach. Tuy-nhiên loại lý thuyết và phương pháp này thường bị phê-bình là trừu tượng và hình-thức, đến nỗi gạt bỏ nhiều khía cạnh có màu-sắc phong-phú của hiện-tượng nhân-văn và xã hội ra ngoài. Người ta còn đợi chờ chủ-trương này để cập những vấn-đề cụ-thể, và linh động hơn như chính- trị, tôn giáo... chẳng hạn.

CHUYÊN KHẢO VÀ ĐIỀU TRA CỤ THỂ.

CƠ QUAN VÀ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Ngoài công trình lý thuyết, xã hội học Pháp từ năm 1945, đã xúc tiến nhiều công cuộc điều tra cụ thể. Nhiều cơ quan và trung tâm được thành lập như: Viện Xã-Hội

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Học (Institut Français de Sociologie), Trung Tâm Khảo Cứu Xã-Hội-Học (Centre d' Etudes Sociologiques) được trung tâm khảo-cứu khoa-học bảo-trợ. Trung tâm này đã tổ chức nhiều tuần-lễ hội-thảo với những đề-tài: Kỹ Nghệ Hóa và Kỹ Thuật Gia (Industrialisation et Technocratie) (1949), Thành-Thị và Nông-Thôn (Villes et Campagnes 1953), Xã-Hội-Học Gia-Đình Cận-Đại Đối-Chiếu (Sociologie Comparée de la Famille Contemporaine, 1955). Trung-tâm này cũng bảo-trợ và chỉ-huy nhiều cuộc điều-tra, trong tất cả những ngành xã hội học và tâm lý học xã hội. Thí dụ Xã-Hội-Học Thành-Thị: R. Tréanton. Điều-tra thành phố, Troyes (Enquête sur l' Agglomération Troyenne); Xã-Hội Học-Kỹ-Nghệ: M. Crozier, Viên-Chức và Tiểu Công Chức ở Pháp (Les Employés et Petits Fonctionnaires en France); A. Touraine, Thái-Độ Thợ-Thuyền đối với Cần Lao và Xã Hội (Les Attitudes des Ouvriers d'Industrie à l' égard du Travail et de la Société); Xã-Hội-Học Gia-Đình: L. Brams, Gia-Đình Thợ-Thuyền từ 50 năm nay (La Famille Ouvrière depuis 50 Ans); A. Michel, Điều tra về những gia đình sống ở phòng mướn (Recherches sur les Ménages habitant dans les Meublés); Xã Hội Học Tôn Giáo: Henri Desroches, Giáo Phái và Không Tưởng (Enquêtes sur les Sectes et les Utopies); Fr. Isambert, Thái-Độ Tôn-Giáo của Thợ Thuyền (Les Attitudes Religieuses de la Classe Ouvrière); Xã Hội Học Tội-Phạm: A. Davidovitch, Tội Xâm Phạm Quyền Sở Hữu (Crimes et Délits contre les Propriétés); Tâm Lý Học Xã Hội: P. Fouilhé, Báo Chí Nhi Đồng (La Presse Enfantine); C. Andrieux, Sự Thay Đổi Nhân Cách của Giới Phụ Nữ (Les Transformations de la Structure de la Pesronnalité Féminine); Xã Hội Học Ý Thức Hệ: Mitrani, Tâm Lý Giới Kỹ-Thuật-Gia Thơ-Lại (La Mentalité Technobureaucratique); Xã-Hội-Học Mác-Xít: M. Rubel, Xã-Hội

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Học của Marx (Recherches sur la Sociologie de K. Marx).

Nhiều cuộc điều tra nghiên cứu cụ thể khác được xúc tiến tại Viện quốc gia dân số học (Institut National d' Etudes Démographiques), tại Viện Nhân Chủng Học và Bảo Tàng Viện (Institut d' Ethnologie, Musée de l' Homme), tại Viện Thăm Dò Dư Luận (Institut Français d' Opinion Publique), tại Cơ Quan Nghiên Cứu Chính Trị Học (Fondation Nationale des Sciences Politiques). Trường Cao Học Thực Hành cũng thành lập bên cạnh ngành nghiên cứu tôn giáo, một ngành khảo cứu kinh tế và xã hội.

Đây là vài cơ-quan khảo-cứu khác, địa-phương hay tư-nhân: Viện Xã-Hội-Học Kinh-Tế và Tâm-Lý-Học Dân Tộc (Institut de Sociologie Économique et de Psychologie des Peuples) (Le Havre). Nhóm Kinh-Tế và Nhân-Văn (Économie et Humanisme) nối-tiếp, và tối tân hóa phương pháp-và kỹ-thuật điều-tra của Fr. Le Play. Linh-mục L. J Lebret giám-đốc nhóm ấy, đã xuất-bản một bộ sách hướng dẫn điều tra xã-hội (*Guide Pratique de L' Enquête Sociale*) gồm có tập I là sách cầm tay của nhà điều tra *(Manuel de L' Enquêteur)*, tập II là Điều tra nông thôn *(L'Enquête Rurale, l' Analyse de la Commune et du Canton)*, tập III là Điều-tra thành-thị *(L' Enquête Urbaine, l' Analyse du Quartier et de la Ville)*.

Marcel Maget đã xuất bản một cuốn sách hết sức phong-phú, trình-bày tất cả những kỹ-thuật, những công-cụ, những phương-pháp... dùng trong nhân-chủng-học, và nay áp dụng vào xã hội văn minh kỹ nghệ, Guide d' Étude des Comportements Culturels.

Một tạp-chí Xã-Hội-Học Âu-châu, viết bằng tiếng Anh,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Mỹ, Đức, Pháp được xuất-bản mà chủ nhiệm là R. Aron. Nhiều tạp chí khác có liên quan đến những ngành xã hội-học chuyên-biệt: Tạp-Chí Kinh-Tế-Học-Áp-Dụng, mà chủ-nhiệm là Fr. Perroux *(Cahiers de L'Institut de Science Économique Appliquée)*; Tạp chí Xã Hội Học Cần Lao, chủ nhiệm là G.Friedmann *(Revue de Sociologie du Travail)*; Một tạp-chí nghiên-cứu hiện-tượng mà người Mỹ gọi là mass-communications: sách vở, báo chí, truyền-đơn, vô tuyến-truyền-thanh và truyền-hình, những phương-tiện truyền-thanh và truyền-hình khác...

Trong lĩnh-vực Dân-Số-Học, trước hết nên kể đến những công-trình của Viện Quốc-Gia Dân-Số-học (Institut National d' Études Démographiques) sưu-tập trong bộ sách *Travaux et Documents*, và tạp chí *Population*. Vị giám đốc của Viện này, Alfred Sauvy là tác-giả của hai tập sách quan-trọng về lý-thuyết dân-số *(Théorie Générale de la Population)*. Trong tập đầu tác-giả thiết-lập những định-luật tổng-quát và trừu-tượng, trong tập II, ông ta đặt tương quan giữa định luật ấy với hiện tượng xã hội sống động: một dân tộc trưởng thành và đến tuổi già như thế nào, yếu tố xã hội của sự chết, sự sinh đẻ, chính sách dân số. Pierre George, trong Địa Lý Dân số Nhập Môn, 1951 *(Introduction à l'Étude Géographique de la Population du Monde)*, phối hiệp Dân Số Học và Địa Lý, và thay vào khái niệm «lối sống», khái niệm hệ thống tổ chức kinh tế và xã hội.

Trong lãnh vực Xã hội học thành thị: Ch.Bettelheim và Suz.Frère đã điều tra thành phố Auxerre, 1950; kết quả cho thấy rằng, dù là một thành phố trung bình nó cũng có nhiều liên hệ với bên ngoài, và 3/4 dân số của nó ở những địa phương khác đến. Với sự chỉ huy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

của P.H.Chombart de Lauwe, thành phố Ba lê và phụ cận, 1952, được nghiên cứu *(Paris et l'Agglomération Parisienne)*. Kết quả cho thấy những sự phân chia khu vực cũng tùy thuộc vào biểu tượng tâm lý tập thể. Pierre George với tác phẩm Thành thị, 1952, *(La Ville)*, đã phân loại những thành thị: thành thị chợ búa trong nền kinh tế nông thôn, thành thị thương mại ở giai đoạn tiền tư bản, thành phố kỹ nghệ trong chế độ tư bản, thành phố «xã hội» ở Nga sô viết và Đông âu, thành thị «thuộc địa». Trong loại chót này, G.Balandier đã điều tra một thành phố Phi châu, les Brazzavilles noires, 1955; ông ta cho thấy 2 loại vấn đề được đặt ra trong trường hợp này, là trước hết những vấn đề thành thị đặc biệt, và sau đó là vấn đề chuyển tiếp sang một cơ cấu xã hội mới: người dân thành thị «thuộc địa» tiếp tục sống theo những tập tục và biểu tượng cổ truyền, những chính đảng thuần túy không có hiệu lực bằng những giáo phái có màu sắc chính trị.

Trong lãnh-vực Xã-Hội-Học Nông-Thôn: J. Garavel trong *Les Paysans de Morette*, 1948, cho thấy trong một nền văn-minh kỹ-thuật, nông dân tiếp-tục sống theo lề-lối cổ-truyền. L. Bernot và R. Blancart trong *Nouville, Village Français*, 1953, đã khảo-cứu những tương-quan giữa cá tính và thái-độ tập-thể. Henri Mendras đã đối-chiếu làng Novis (Aveyron) với một cộng-đồng Hoa-kỳ Virgin. Xuyên qua sự đối-chiếu ấy, ta thấy được một hiện-tượng chung cho những xã-hội Tây-Phương cận-đại, đó là sự cơ-giới hóa và thành-thị-hóa tăng dần. Những vấn-đề tổng-quát ấy được đề-cập bởi H. Lefebvre trong bài: Vấn-Đề-Xã Hội-Học Nông-Thôn, Cộng-Đồng Nông-Dân và Những Vấn Đề Xã-Hội và Lịch-Sử của nó *(Problèmes de Sociologie*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Rurale : La Communauté Paysanne et ses Problèmes Historico Sociologiques), Nông Dân và Máy Móc *(Le Paysan et la Machine).*

Trong lĩnh vực Xã Hội Học Kinh Tế và Xã Hội Học Kỹ Nghệ: Công trình của G. Friedmann là quan trọng nhất. Ngay từ năm 1936, ông ta đã nói đến một cuộc cách mệnh kỹ nghệ thứ hai, do sự phát triển của năng lực sản xuất. Nhưng ông còn chú ý hơn nữa đến yếu tố nhân bản trong tiến trình sản xuất, và bày tỏ niềm lo âu của ông trước tiến bộ kỹ thuật, dù xảy ra ở chế độ nào đi nữa. Tác phẩm cuối cùng của ông: Cần Lao Vụn Vỡ *(Le Travail en Miettes),* cho thấy ảnh hưởng của sự phân tán cần lao thành những động tác vụn vỡ máy móc, trên sự khủng hoảng hiện nay của con người. Lạc quan hơn, J. Fourastié phân biệt ba khu vực kinh tế chính yếu, và cho rằng, nếu tiến bộ kỹ thuật không đồng nghĩa với tiến bộ xã hội, thì ít nhất nó đi theo cùng một chiều hướng, bằng cách nâng cao mức sống và giải thoát con người khỏi cần lao nhọc nhằn. Ông ta là tác giả của: *Le Grand Espoir du XXè Siècle,* 1949; *Machinisme et Bien-Etre,* 1951; *Révolution à l' Ouest,* 1957; *La Productivité; La Civilisation de 1975; Histoire de Demain; L' Economie Française dans le Monde.* Paul Combe, phỏng theo phương pháp quan sát khách quan và lượng số của Simiand, đã viết tác phẩm: Mức Sống và Tiến Bộ Kỹ Thuật ở Pháp Từ Năm 1860 *(Niveau de Vie et Progrès Technique en France depuis 1860).* Thêm vào đó là những cuộc điều tra của P. Naville về: Đời sống cần lao *(La Vie de Travail,* 1954); của A. Girard về: Phát Triển Kinh Tế và Sự Lưu Động của Giới Cần Lao *(Développement Economique et Mobilité des Travailleurs,* 1956); điều tra của Verry về Kỹ Nghệ Dát Kim

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

(*Les Laminoirs Ardennais*, 1955), của A. Touraine về Sự Biến Chuyển của Cần Lao trong hảng Renault (*L' Evolution du Travail Ouvrier aux Usines Renault*, 1955); của Isambert Jamati về Kỹ Nghệ Đồng Hồ ở Besançon l' *Industrie Horlogère dans la Région de Besançon*, 1955) cho thấy tương quan giữa thủ công nghệ và đại kỹ nghệ. Cuộc điều tra về Cần Lao của Giới Phụ nữ và Việc Làm Tại Nhà (*Travail Féminin et Travail à Domicile*, 1956) cho thấy phụ nữ vẫn tiếp tục làm tại nhà những công việc may vá... P.H. Chombart de Lauwe lại điều tra về Đời Sống Hằng Ngày của Những Gia Đình Thợ Thuyền (*La Vie Quotidienne des Familles Ouvrières*, 1956). A. Vexliard điều tra về hạng Người Sống Lang Thang Hành Khất (*Introduction à la Sociologie du Vagabondage*; *Le Clochard*, 1957). Một bộ sách quan trọng gồm hai tập, về xã hội học cần lao được xuất bản năm 1961 (*Traité de Sociologie du Travail*), với sự phối hiệp của G. Friedmann và P. Naville.

Trong lĩnh vực Xã Hội Học Gia Đình: *Renouveau des Idées sur la Famille*, 1954, và, *Sociologie Comparée de la Famille Contemporaine*, cho thấy những cơ cấu gia đình thay đổi tùy theo những giới xã hội, sự đổi thay của chức vụ gia đình, và sự «cô lập» của gia đình trong xã hội kỹ nghệ. Một cuộc điều tra khác của G. Duplessis: Về Hôn Nhân ở Pháp (*Les Mariages en France*, 1954).

Trong lĩnh vực Xã Hội Học Tôn Giáo: Người đem lại nhiều khái niệm mới cho ngành này, là Gabriel Le Bras trong *Études de Sociologie Religieuse* (1955-1956, 2 tập). Đối tượng nghiên cứu là sự hành đạo, và tương quan giữa hành đạo và toàn thể sinh hoạt xã hội: phong tục, đời sống gia đình, thái độ chính trị, nghề

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nghiệp... Những cọng tác viên của ông ta là: Boulard, Fr. Isambert, Zeegers, Leclercq... Nghiên Cứu Địa Phương: Hành dạo ở Ba lê của Y. Daniel (*Aspects de la Pratique Religieuse à Paris*, 1952); Grenoble, Xã Hội Học Tôn Giáo (*Grenoble, Essai de Sociologie Religieuse*, 1953) của J. Perrot. Ngày hôm nay, người ta còn điều tra những tôn giáo không phải là Thiên chúa giáo. Ví dụ, Khảo Sát về Tôn Giáo của Người Bambara (*Essai sur la Religion Bambara*) của G. Dieterlen; Sự Cúng Tế ở Xã Hội A Rập (*Le Sacrifice chez les Arabes*, 1955) của J. Chelhod; và những tác phẩm quan trọng của R. Bastide, ngoài *Éléments de Sociologie Religieuse* ra, như Tôn giáo Phi châu ở Ba tây (*Les Religions Africaines au Brésil*, 1960), tác phẩm này không những nghiên cứu về tôn giáo, mà còn nghiên cứu một địa hạt xã hội và nhân chủng học mới, đó là sự tiếp xúc giữa những nền văn minh khác nhau. Kể thêm tác phẩm của J. Cazeneuve, Nghi Lễ và Hoàn Cảnh Con Người (*Les Rites et la Condition Humaine*, 1958).

Trong lĩnh vực Xã Hội Học Tuyển cử: Người khai sáng ngành này là A. Siegfried, đã cùng với F. Goguel, Ch. Morazé, M. Duverger... điều khiển nhiều công cuộc khảo cứu như: *Études de Sociologie Electorale*, 1946; *Géographie des Elections Françaises de 1870 à 1951*. Chính A. Siegfried trong Địa Lý Chính Trị Miền Ardèche (*Géographie Politique de l'Ardèche*) đã cho thấy ảnh hưởng của quá khứ trên ý thức chính trị hiện tại. Nhiều tác phẩm khác như: Lực Lượng Tôn Giáo và Sinh Hoạt Chính Trị của Siegfried (*Les Forces Religieuses et la Vie Politique*, 1952), của G. E. Lavau: Chính Đảng và Thực Tại Xã hội (*Partis Politiques et Réalités Sociales*,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

1953), của M. Duverger: Chính Đảng và Giai Cấp Xã Hội (*Partis Politiques et Classes Sociales*, 1955)... cho thấy liên quan giữa xu hướng chính trị với tôn giáo, yếu tố quốc gia, giai cấp... Tác phẩm của Ch. Morazé: Nước Pháp Tư Sản (*La France Bourgeoise*, 1946), và M. Duverger: Chính Đảng (*Les Partis Politiques*, 1951), về tinh thần gần giống với những cuộc nghiên cứu dư luận. Jean Stoetzel, giám đốc viện thăm dò dư luận, là người khai sáng những cuộc điều tra này, tập trung trong tạp chí: Thăm Dò Dư Luận Pháp (*Sondages de l'Opinion Publique Française*); và là tác giả của hai tập sách: Lý Thuyết về Dư Luận, và Nghiên Cứu Thực Nghiệm Dư Luận(*Théorie des Opinions*; *L' Etude Expérimentale des Opinions*, 1943).

Trong lĩnh vực Tâm Lý Học Xã Hội: đáng kể nhất là những tác phẩm của R. Bastide: Xã Hội Học và Phân Tâm Học (*Sociologie et Psychanalyse*, 1950); của R. Girod: Thái độ tập thể và những Tương Quan Giữa Những Con Người (*Attitudes Collectives et Relations Humaines*, 1953). Trong tác phẩm này, người ta phân tích và xác định giá trị của cái mà Kurt Lewin gọi là social field, đồng thời người ta nhận định về tầm quan trọng của hai cuộc điều tra của Mỹ: *An American Dilemma* và *The American Soldier*. Một tác phẩm quan trọng khác là của M. Dufrenne: Khái Niệm Nhân Cách Căn Bản (*Le Concept de Personnalité de Base*, 1953); trong sách này tác giả cho thấy rằng nhân cách căn bản không những có tính chất xã hội mà còn lịch sử nữa.

Cuối cùng lý thuyết mác xít được nhiều nhà kinh tế học và xã hội học nghiên cứu. Ví dụ: J. Marchal, Khảo Luận Lý Thuyết Mác *Xít* (*Deux Essais sur le Marxisme*,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thái Hạo HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

1955); H.C Desroches, Ý Nghĩa của Lý Thuyết Mác Xít (*Signification du Marxisme*, 1949); Bigo, Lý Thuyết Mác Xít và Chủ Trương Nhân Bản (*Marxisme et Humanisme*, 1954); H. Chambre, Lý Thuyết Mác Xít ở Nga Sô (*Le Marxisme en Union Soviétique*, 1955); J. Y. Calvez, Tư Tưởng K. Marx (*La Pensée de K. Marx*, 1956); P. Naville, Từ Vong Thân đến Hưởng Thụ: sự hình thành của xã hội học cần lao trong tư tưởng của Marx và Engels (*De l' Aliénation à la jouissance: Genèse de la Sociologie du Travail chez Marx et Engels*, 1957). Tất cả những tác phẩm này muốn phản ứng lại quan niệm giáo điều và lạc hậu mà ta thường có về Marx. Hai triết gia mác xít H. Lefebvre trong: Những vấn đề Mác Xít hiện tại (*Problèmes Actuels du Marxisme*, 1958), và P. Fougeyrollas trong: Xét Lại Lý Thuyết Mác Xít (*Le Marxisme en Question*), cũng có ý định hiện đại hóa tư tưởng mác xít.

Bây giờ đã đến lúc đưa ra vài nhận định tổng quát về Xã hội học Pháp, sau khi đã duyệt qua những công trình chuyên khảo và điều tra cụ thể. Georges Gurvitch từng xem lý thuyết của mình như một công cụ hướng dẫn nghiên cứu cụ thể, ông ta quan niệm hai lĩnh vực ấy phải nối liền với nhau. Hiện nay, ở những nước mà xã hội học thịnh hành nhất như ở Pháp và Hoa kỳ... điều kiện lý tưởng ấy chưa thực hiện được. Sau khi từ khước tất cả các học thuyết triết lý và xã hội của những Comte, Spencer và Marx..., kỳ thật là sự bế tắc của xã hội học xem như một khoa học quan sát và thực nghiệm, phải chăng ngày nay xã hội học đang đi vào con đường « điều tra để điều tra », như một nhà xã hội học Hoạ kỳ, Wright Mills đã châm biếm? Ý ông ta muốn nói rằng xu hướng « thực nghiệm và phân tích » ngày nay đã làm cho xã hội

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI VỊ HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

học quên hẳn mục tiêu và cứu cánh của mình, là tìm hiểu con người và xã hội. Trong giới hạn xã hội học không tìm cách đặt, và giải quyết những vấn đề chính yếu của con người sống trong tập thể, mà chỉ còn là một môn học càng ngày càng phô trương những kỹ thuật tinh vi hơn, để đạt đến những kết quả tầm thường, trong giới hạn ấy, lý thuyết và điều tra cụ thể làm thành hai vũ trụ biệt lập không có, hay ít có tương quan với nhau.

Tuy nhiên, duyệt qua những công trình chuyên khảo và điều tra cụ thể trong những năm gần đây, cho ta nhận định rằng, không những xã hội học đã soi sáng nhiều khía cạnh trong cuộc sống tập thể của xã hội Pháp, nhờ hướng dẫn khảo cứu theo những chủ đề có ý nghĩa, mà môn học ấy còn tiến đến một trình độ trưởng thành, nhờ sự cộng tác với nhiều khoa học xã hội khác, và ngược lại vì những khoa học này đã dần dần thấm nhiễm một tinh thần có thể gọi là xã hội học. Trước khi kết thúc bài này, hãy xét đến hai khía cạnh ấy, là sự hợp tác liên khoa, và ảnh hưởng của tinh thần xã hội học.

Xã hội học có những liên hệ chặc chẽ nhất với địa lý và sử học. Không thể nào quan niệm được Dân Số Học, Xã Hội Học Thành Thị, Xã Hội Học Tôn Giáo, Xã Hội Học Tuyển Cử... hoàn toàn độc lập với Địa Lý. Trước khi tổng kê tất cả những liên hệ giữa hai khoa học ấy trong: Gặp gỡ giữa Địa Lý và Xã Hội Học (*Rencontres de la Géographie et de la Sociologie*, 1957), Max Sorre đã lưu ý những nhà địa lý về sự cần thiết quan sát và khảo cứu những thực tại xã hội: « kỹ thuật của cuộc sống tập thể, cơ cấu kinh tế, xã hội và chính trị » (*Fondements de la Géographie Humaine*, 4 tập, 1943-1952). Đối với Sử

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Học, ta chỉ cần nhắc lại trường hợp của Xã Hội Học Chính Trị cho thấy rằng sự phân phối những ý thức chính trị hiện tại phụ thuộc vào những yếu tố lịch sử.

Ngược lại có ảnh hưởng của Xã Hội Học đối với những Khoa Học Xã Hội khác, những khoa học này thấm nhiễm một tinh thần xã hội học. F. Braudel trong: Địa Trung Hải dưới Triều Philippe II (*La Méditerranée et le Monde Méditerranéen à l' Epoque de Philippe II*, 1949), đã dung hòa những quan niệm Địa Lý, Sử Học, và Xã Hội Học. L. Gernet lại cho thấy những khía cạnh Xã Hội Học trong tương quan giữa pháp lý và xã hội, trong khái niệm giá trị, trong ý niệm thời gian, trong kinh tế, khi nói đến xã hội Hy lạp. M. Sorre còn nhận định rằng, đối tượng khảo cứu không phải là cá nhân mà lại là đoàn thể và thành tích của đoàn thể, chỉ trong đoàn thể xã hội, những nỗ lực cá nhân mới được bảo đảm hiệu lực và duy trì.

Cho đến Luật học và Kinh tế học cũng chịu ảnh hưởng của Xã Hội Học. H. Lévi Bruhl, giáo sư đại học Luật Khoa Ba lê, đã viết một cuốn sách nhan đề: Khía Cạnh Xã Hội Học của Luật Pháp (*Aspects Sociologiques du Droit*, 1955). Môn Xã Hội Học Pháp Lý bắt đầu được dạy tại Đại Học Luật Khoa Ba Lê. Kinh Tế Học Cổ Điển chỉ quan niệm những cá nhân, và sự kiện trừu tượng. Trái lại kinh tế gia J. Marchal, chẳng hạn, nhận thấy những đoàn thể có đặc tính riêng biệt. Trong tác phẩm: Phân Phối Lợi Tức Quốc Gia (*La Répartition du Revenu National*, 2 tập 1958), viết cùng với M. J. Lecaillon, ông ta cho thấy những thành phần tham dự trực tiếp vào sự phân phối ấy, trên bình diện đại tượng, không phải là những cá nhân, mà lại là những định chế như những hiệp hội vô danh, những công

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ty khai thác quốc doanh, hoặc là những gia đình, nghĩa là những đoàn thể. Ông ta còn nhắc rằng, sự hội nhập những yếu tố xã hội học vào lý thuyết kinh tế là cần thiết và tế nhị. A. Marchal nhận định rằng, chính tinh thần xã hội học là đặc tính của tư tưởng kinh tế Pháp, so với tư tưởng kinh tế Anh Mỹ (xem Phương pháp Khoa học và Kinh tế học, *Méthode Scientifique et Science Economique*, 2 tập, 1952 và 1955).

BỬU LỊCH

TIỂU LUẬN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

VÀI Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÀNG XÃ VIỆTNAM

Đề cập đến một phương pháp hướng dẫn để nghiên cứu một vấn đề, dù vấn đề đó thuộc địa hạt nào đi nữa, tác giả đề nghị không bao giờ xa lánh được cái cảm tưởng hoài nghi với chính mình — thiếu sót, chủ quan, bảo thủ, mà càng tiến lại gần hơn với ý tưởng cho rằng phương pháp trình bày sẽ là đối tượng của ít nhiều ngược đãi trong một thời gian dài ngắn để rồi hoặc trở thành một chân giá trị, mang nhiều tính chất khuôn mẫu phổ quát, hoặc sẽ tan biến trong lãnh đạm lãng quên.

Nghĩ như vậy không có nghĩa là tự dựng lên một chướng ngại vật cho hướng vươn tới sáng tạo, cũng không làm giao thoa ý chí của chính mình muốn dấn thân vào cuộc hành trình nghiên cứu, mà chỉ nhằm mục đích nhắc nhở người viết đặt lại vị trí khiêm tốn của mình để rồi cẩn trọng hơn trong suy tư. Vấn đề đặt ra có thể sai nhưng không hề cẩu thả, và như vậy, một yên ổn về tinh

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thần trách nhiệm nhất định phải đến và với tất cả sự bảo đảm hoàn hảo nhất.

Muốn nghiên cứu một vấn đề chúng ta phải đặt tiêu chuẩn khảo hướng, chọn thái độ và ấn định mục tiêu theo đuổi, cùng kỹ thuật thích nghi nhất phải áp dụng. Nói khác đi vấn đề đặt ra phải được khảo sát dưới nhãn quan nào: của nhà khảo cổ? một sử gia? một kinh tế gia? một triết gia?... Tiếp đến, chúng ta phải tự vấn về mục đích của công cuộc nghiên cứu: nghiên cứu nhằm mục đích giải thích? mô tả? phê bình? cải thiện?... Nghiên cứu làng xã Việt Nam theo nhãn quan của nhà xã hội học cũng đòi hỏi một số qui luật, một số kỹ thuật, một phương pháp thích dụng mà từ trước đến nay khoa học xã hội vẫn thường dùng trong công cuộc khảo cứu. Phạm vi của bài khảo luận này không cho phép chúng tôi trình bày tỉ mỉ các chi tiết về phương pháp khoa học xã hội; chúng tôi chỉ gợi lại những điểm xét cần thiết cho công cuộc nghiên cứu về nông thôn Việt Nam mà thôi. Mỗi quốc gia đều có một đặc tính cá biệt về nhân văn, địa lý, phong tục, ngôn ngữ vì vậy nên việc áp dụng một cách máy móc phương pháp nghiên cứu của các chuyên viên ngoại quốc tại nông thôn Việt Nam, chúng ta sẽ gặp rất nhiều trở ngại, nếu không muốn bảo là khó thành công. Có lẽ vì vậy mà giá trị kết quả công bố về cuộc điền tra nông thôn của vài nhóm chuyên viên ngoại quốc tại Việt Nam thường ít được đón nhận nồng nhiệt.

Vậy phương pháp khoa học xã hội là gì?

A. PHƯƠNG PHÁP KHOA HỌC XÃ HỘI

Rời bỏ triết học, khoa học xã hội đã tự phân tán dần

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

dần thành nhiều ngành chuyên biệt như xã hội học, nhân chủng học, nhân loại học, tâm lý xã hội học, kinh tế học, dân số học, chính trị học, sử địa học; tuy nhiên giữa các môn học đó vẫn còn nhiều tương quan vì cùng một nguồn gốc lúc ban đầu.

Phương pháp trong khoa học xã hội có thể được định nghĩa theo nhiều quan điểm.

Theo quan điểm triết học thì phương pháp là tổng hợp những qui tắc dựa trên nền tảng suy luận nhằm mục đích phụng sự cho hành trình đi tìm chân lý. Ngược lại với tính chất siêu việt và trừu tượng của quan điểm triết học chúng ta thấy có quan điểm thực nghiệm; theo lập trường của học phái nầy phương pháp không gì khác là thái độ cụ thể của con người trước đối tượng nhằm mục đích hướng dẫn chúng ta trong công cuộc khảo cứu, ấn định dứt khoát lập trường theo đuổi dựa vào một số kỹ thuật đặt trên căn bản nghiệm chứng. Nhưng theo quan điểm thông thường thì phương pháp là dụng cụ, là một phương tiện được vận dụng để giải thích một số sự kiện muốn nghiên cứu. Riêng trong lãnh vực kỹ thuật, thể thức để nghiên cứu một vấn đề lại được gọi là phương pháp.

Người ta thường nhầm lẫn phương pháp và kỹ thuật khi đặt để vấn đề trong công cuộc nghiên cứu. Sự thật khác hẳn, phương pháp nếu được xem là một câu hỏi, thì kỹ thuật là một phương tiện để trả lời. Phương pháp là sinh hoạt trong trình độ tổng quát, là quan niệm của trí tuệ, một quan niệm bao trùm lên sự phối hợp của nhiều kỹ thuật; trong khi đó kỹ thuật chỉ là một trợ dụng cụ giúp cho phương pháp hoàn tất mục đích theo đuổi.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nếu nghiên cứu kỹ lưỡng lý thuyết phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội người ta thấy có những khuynh hướng chống đối nhau. Cuộc xung đột nầy thường thấy bột phát giữa khuynh hướng thực nghiệm với duy lý, giữa diễn dịch với quy nạp và giữa phẩm chất với số lượng. Từ xưa các triết gia thường vận dụng lý trí để suy luận, cố gắng đưa vào trí tuệ để giải thích các sự kiện, bỏ quên khả năng nhận thức bằng giác quan. Phương pháp duy lý nầy không xử dụng đối tượng bên ngoài bằng kỹ thuật quan sát, ví dụ toán học là khoa duy lý thuần túy nhất. Lối suy luận của phương pháp duy lý là lối suy luận diễn dịch, đi từ tổng hợp đến cá biệt. Ngược lại với khuynh hướng duy lý, khuynh hướng thực nghiệm đặt tất cả niềm tin vào kỹ thuật quan sát; kết quả quan sát chỉ có giá trị khi đã được kiểm nhận. Khuynh hướng nầy áp dụng phương pháp qui nạp, suy luận từng trường hợp cách biệt đến tổng quát. Theo Znaniecki thì có hai loại quy nạp: — quy nạp phân tích và quy nạp số lượng. Quy nạp số lượng thường dùng phương pháp thống kê, tính số lượng rồi tổng quát hóa. Phương pháp quy nạp phân tích, trái lại, tổng quát hóa các trường hợp đã phân tích, đã rút tỉa những đặc tính chung của nhiều trường hợp cụ thể cá biệt. Về hai khuynh hướng phẩm chất và khuynh hướng số lượng, người ta vẫn thường thấy phát hiện nhiều chống đối lẫn nhau: Phái thực dụng vẫn tin tưởng vào những số lượng tìm thấy bên ngoài con người như hành động, tính tình, đối xử, giao ngộ để xây dựng những định luật tâm lý cá nhân. Trong khi đó, phái duy lý lại ngã theo chiều hướng phẩm chất và cho rằng không thể dùng sự quan sát trong việc nghiên cứu một cơ cấu quá phức tạp như xã hội.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Trong một cuộc nghiên cứu về xã hội, phương pháp thực nghiệm diễn tiến theo ba giai đoạn: quan sát sự kiện, ấn định giả thuyết, kiểm chứng kết quả.

Trong giai đoạn quan sát, nhà xã hội học rất cần trọng tiếp nhận các sự kiện, ông ta phải nhờ đến khái niệm cao độ để nhận thức các sự vật trong khung cảnh nghiên cứu, vì khái niệm cao độ ngoài khả năng lựa chọn cảm giác để mô tả sự vật còn có tác dụng hướng dẫn sự quan sát và tiên liệu những sự kiện xảy ra. Sau đó nhà nghiên cứu còn phải nghĩ đến các dụng cụ quan sát: máy ghi âm, máy hình, máy quay phim v.v... và đặc biệt trong khoa học xã hội, ngoài giác quan, ngôn ngữ là một dụng cụ được xử dụng trong kỹ thuật phỏng vấn có nhiều tác dụng nhất cho giai đoạn quan sát.

Tiếp đến là giai đoạn lập giả thuyết. Giả thuyết là tiền thân của định luật, là dự thảo của định luật được thiết lập qua sự giải thích một số sự kiện thật có ý nghĩa rồi được diễn dịch thành hình. Có loại giả thuyết được thiết lập căn cứ trên những sự kiện có tính cách đồng hạn, người ta ghi nhận nhịp độ đều đặn của sự kiện, lấy tỷ lệ và đặt giả thuyết, ví dụ nạn ly dị thường xảy ra ở giai cấp trưởng giả hơn là ở giai cấp thợ thuyền. Có loại giả thuyết lại thiết lập căn cứ trên mối tương quan hợp lý bắt nguồn từ những nhận xét thực nghiệm, ví dụ đồng bào thượng vẫn có tiếng quen sống một cuộc sống thiên nhiên, tự do phóng khoáng.

Sau cùng là giai đoạn kiểm chứng. Giả thuyết có thể kiểm chứng bằng cuộc thí nghiệm tạo lập, nghĩa là

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tạo ra một trường hợp giả tạo để kiểm soát các yếu tố. Lối kiểm chứng này thường được xử dụng trong khoa vật lý học, nhưng đối với khoa học xã hội thì người ta thường kiểm nhận qua hậu quả của những nguyên nhân mà người ta cho đó là lối kiểm nhận hậu nghiệm, ví dụ người ta xác nhận rằng bệnh ung thư là hậu quả của việc hút thuốc lá chẳng hạn.

Một khi nhà nghiên cứu đã lựa chọn cho chính mình một phương pháp rồi, thì lúc bấy giờ phần kỹ thuật sẽ được linh động áp dụng để thực hiện công tác nghiên cứu. Phương pháp và kỹ thuật là hai phần riêng biệt nhưng luôn luôn hỗ tương tác dụng lẫn nhau. Một phương pháp không thể thiếu phần kỹ thuật; và kỹ thuật không thể ứng dụng phi phương pháp. Khoa học xã hội trong tiến trình nghiên cứu, dù áp dụng phương pháp nào đi nữa, thì kỹ thuật vẫn là phương tiện thiết yếu không thể thiếu sót được.

Trong công cuộc nghiên cứu làng xã Việt Nam, chúng tôi chú trọng đặc biệt về phần kỹ thuật, vì sau khi xác định được khái niệm khảo hướng tất nhiên phương pháp được xem như đã giải quyết, phần còn lại để xét chính là kỹ thuật điều tra.

B PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LÀNG XÃ VIỆT NAM

Trong kỹ thuật điều tra chúng ta phải đề cập đến ba phần: sự tiếp nhận tài liệu, phỏng vấn và quan sát.

Vấn đề tiếp nhận và thu thập tài liệu rất cần thiết cho việc nghiên cứu. Tại Việt Nam, nguồn gốc tài liệu về nông thôn có thể phát xuất từ:

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Văn khố công: Tức là những tài liệu chính thức của chính quyền liên quan đến đời sống nông thôn. Từ trước đến nay chúng ta thấy nhiều tài liệu về nông thôn có giá trị phát xuất từ Bộ Xây dựng nông thôn, Bộ Kinh tế, Bộ Công dân vụ, Bộ Thông tin, Bộ Phát triển sắc tộc... Các cơ quan công quyền này đều có nghiên cứu về các vấn đề xã hội tâm lý nông thôn để thu hoạch được kết quả khả quan trong công tác hoạt động. Chúng ta cũng không nên bỏ sót các tài liệu khảo cứu có giá trị của Viện Thống Kê quốc gia Việt Nam, nhóm «Economie et Humanisme» (Kinh tế và Nhân bản) tại Ngân hàng quốc gia, phái đoàn cố vấn Đại học Michigan (Michigan State University advisory group) tại Học viện quốc gia hành chánh.

Các tài liệu tư nhân cũng không kém phần giá trị có thể tìm thấy ở các nghiệp đoàn, hội buôn, chính đảng, hội thể thao, mỹ thuật, kỹ thuật, văn hoá xã hội; các bài xã luận, các thiên khảo cứu của các giáo sư đại học, các luận án tiến sĩ vv...

Báo chí cũng là nguồn tài liệu quí báu phản ảnh phần nào thực trạng của xã hội nông thôn, dư luận, phản ứng.

Sách vở, quảng cáo, đài phát thanh, đài vô tuyến truyền hình, phim ảnh, các quyền niên giám, đặc biệt nhất là ca dao, hát nói, vè là những tài liệu mang nhiều sắc thái đặc thù nhất về nông thôn.

Tài liệu sau đó phải được phân tích thật khách quan về tính cách xác thực của nó, sự kiện nêu lên có đúng không, tài liệu có giá trị đến mực độ nào. Phải

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT MIỀN NAM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tìm biết ngoại cảnh của tài liệu, tức là tìm hiểu bối cảnh, nơi xuất xứ, hoàn cảnh mà sự kiện đã xảy ra. Trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam, lại cần tìm hiểu dụng ý của tác giả trong các tài liệu, nếu không chúng ta sẽ bị lừa gạt qua những tài liệu mà dụng ý người viết muốn tiến thân bằng cách nêu lên vấn đề xã hội khác với thực tế, có thể những sự kiện nêu lên đã được lạc quan hoá hay bị bi đát hoá theo dụng dích trục lợi cho mình; như vậy chúng ta có thể tránh được cái thiên kiến của chính mình mà cũng gạt ra ngoài được cái chủ quan của tác giả. Có một số tác giả khi viết một bài nghiên cứu về nông thôn đã đào bới tỉ mỉ các tầng lớp xã hội (social stratification) nhưng khốn nỗi các từng lớp xã hội nầy không chút nào thực tế mà thật ra là sản phẩm của trí tưởng tượng khi ngồi tại phòng giấy ở nhà. Ngoại cảnh của tài liệu sẽ giúp chúng ta phê phán được phần nào giá trị của tài liệu đó. Trong phương pháp phân tích tài liệu, ông Lasarsfeld đã cho ta câu hỏi sau đây: «Ai nói gì, nói cho ai nghe, và với kết quả như thế nào? » (qui dit quoi, à qui, avec quel résultat?).

Đến nay người ta có khuynh hướng dùng phương pháp định lượng để phân tích tài liệu, đây là một phương pháp thật khách quan vì người ta đã dùng máy móc để phân tích. Nhưng gần đây hơn tại Âu Mỹ người ta áp dụng một «phương pháp phân tích nội dung» nhất là sau tác phẩm «Content analysis in the communication research» (Barelson) thì phương pháp nầy trở nên rất thịnh hành. Với phương pháp nầy nhà nghiên cứu phân đoạn tài liệu thành nhiều phần, nghiên cứu tư tưởng xong xếp loại và hệ thống hóa theo mục tiêu muốn phân tích. Tại Việt Nam, một quốc gia đang bị chiến tranh tàn phá,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT PHẬT NỘI Thái Việt HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hàng ngày nhiều cuộc hành quân quân sự xuyên qua khắp nẻo thôn xã Việt Nam, do đó tin tức về chiến sự hiện nay là một nguồn tài liệu phong phú cho công cuộc nghiên cứu thôn xã Việt Nam. Tài liệu trong nhiều trường hợp rất hữu dụng suốt tiến trình nghiên cứu, ngay từ phút đầu nếu tài liệu trở thành đối tượng tra cứu say sưa đối với nhà nghiên cứu thì chính tài liệu sẽ gợi lên nguồn cảm hứng cho sự thăng hoa sáng tạo, càng tiếp nhận càng thấy ham thích hứng khởi, sáng kiến từ đó trở nên dồi dào sung mãn hơn bao giờ hết. Khi công việc nghiên cứu đã tiến hành, tài liệu còn giúp rất nhiều trong việc quyết định phạm vi nghiên cứu, địa hạt nghiên cứu, thời gian nghiên cứu nhờ đó nhà nghiên cứu rất bén nhạy trong sự linh động biến dổi phương pháp, thay đổi phương tiện quan sát điều tra v.v... Sau cùng tài liệu cũng có thể bổ túc và điều chỉnh kết quả nghiên cứu của mình.

KỸ THUẬT ĐIỀU TRA

Kỹ thuật điều tra về xã hội tuy đã có từ đời thượng cổ ở Hy lạp và Ai cập song phải đến giai đoạn trước cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Anh quốc vào thế kỷ 18 mới được phát triển. Trước điều kiện sinh sống khốn khổ của dân Anh, các nhà xã hội học cố gắng điều tra để tìm một cải thiện cho lớp người nghèo đói, đặc biệt là lớp thợ thuyền. Trong số các nhà điều tra xã hội nổi danh có John Howard (cải tiến đời sống lao tù) Booth (chuyên về giới thợ thuyền Luân đôn). Dần dần các phương pháp điều tra được áp dụng trong nhiều lãnh vực công cũng như tư, và kỹ thuật áp dụng không có gì thay đổi. Ở Anh quốc có viện nghiên

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

cứu dư luận quần chúng (British Broadcasting compagny Audience Research) chuyên nghiên cứu về sở thích, ý kiến của thính giả đài BBC, tại Pháp quốc cơ quan điều tra xã hội tư nhân là (Institut Français d'Opinion Publique); tại Mỹ quốc Viện Lou Harris và Gallup rất nổi tiếng, ngoài nhiệm vụ thăm dò dư luận, còn nhằm tạo dư luận làm hậu thuẫn cho công cuộc cải thiện xã hội tại Mỹ quốc. Tại Việt Nam có Viện Quốc Gia Thống Kê. Vào năm 1956 viện đã thực hiện cuộc điều tra dân số Saigon - Chợ lớn và kết quả được công bố trong tài liệu «Enquête démographique à Saigon - Chợlơn».

Nói về các giai đoạn điều tra chúng ta thấy, bất luận cuộc điều tra thuộc lãnh vực khoa học nào cũng cần phải được thực hiện tuần tự qua nhiều giai đoạn: giai đoạn quan niệm, giai đoạn ấn định phạm vi điều tra hay khu vực địa lý điều tra, ấn định dân số điều tra và thời gian thực hiện, giai đoạn sau cùng gồm các vấn đề giới thiệu, xin phép, ngân sách, nhân viên v.v...

Trong giai đoạn quan niệm nhà điều tra phải có một quan niệm rõ rệt về vấn đề; nghĩa là minh định rõ ràng những nguyên do hối thúc việc điều tra: điều tra cho một công trình nghiên cứu nào? với những dự tính gì? cho nhu cầu cấp bách nào? hay vì sở thích cá nhân? Định được quan niệm tức là đặt đúng mực độ giá trị của công cuộc điều tra. Tiên khởi điều tra viên chỉ có một ý niệm rất sơ lược về vấn đề, do đó điều tra viên phải cố gắng tập trung sở năng để đạt cho bằng được mục tiêu theo dõi. Điều tra viên phải tiên liệu kết quả điều tra có thể đạt đến mức độ nào? những trở ngại gì? phương tiện ra sao? thời cơ có thuận tiện không? phương pháp kỹ thuật ra sao? Tiếp

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

đến điều tra viên phải phân công, lập thời khóa biểu hoạt động, ghi rõ từng chi tiết phải làm; lưu ý những điểm nào quan trọng, những điểm nào thứ yếu, cố tránh thói quen tham lam mở rộng phạm vi điều tra không cần thiết.

Ấn định phạm vi điều tra hay khu vực địa lý điều tra. Cuộc điều tra thường được giới hạn trên phương diện địa lý: điều tra một vùng, một tỉnh, một quận, một làng vv... Ranh giới hành chánh thường được xem như ranh giới giới hạn, cũng có thể ranh giới tự mình phân định theo nhu cầu điều tra, ví dụ hai xã ráp ranh nhau cùng một tôn giáo, một tập quán nên nhập thành một khu vực địa lý cho tiện việc điều tra. Đối với cuộc điều tra có kiểm nhận (nghĩa là thực hiện cuộc điều tra hai lần) việc điều tra sẽ thực hiện tuần tự theo làng địa đầu nằm trên lộ trình cho đến làng cuối; Để kiểm nhận, cuộc điều tra lần thứ hai sẽ bắt đầu từ làng cuối đến làng địa đầu; nếu cuộc điều tra chỉ trù liệu thực hiện một lần thì việc điều tra sẽ khởi sự từ làng cuối lộ trình đi lần trở lại làng đầu, như vậy điều tra viên có thể trên chuyến đi từ làng địa đầu đến làng cuối đủ thì giờ để quan sát sơ lược, thêm bớt, sửa đổi lịch trình điều tra của mình để thích nghi với thực tế.

Ấn định dân số điều tra và thời gian thực hiện. Dân số điều tra có thể có nhiều hạng, nhiều giai cấp, địa vị khác nhau. Cuộc điều tra có thể nhằm vào một nhóm đại diện hoặc toàn thể dân làng, nên phải chọn người nào có đủ những nét đặc thù khả dĩ làm khuôn mẫu đại diện cho một nhóm, một tập thể, ví dụ điều tra viên chỉ nhằm đối tượng thu hẹp trong khuôn khổ một số dân hoạt động

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

(population active) hoặc tuổi hoạt động (âge actif) chứ không nới rộng cho dân số toàn khu vực.

Về thời gian điều tra cũng phải được ấn định rõ ràng, trong bao lâu công việc điều tra phải được hoàn tất. Có những cuộc điều tra kéo dài trong tương lai và đôi khi lại quay ngược về quá khứ (đó là cuộc điều tra so sánh để làm phát hiện thái độ thay đổi giữa hai hoàn cảnh mới và cũ). Tránh kéo dài cuộc điều tra vì có đôi trường hợp khi công bố kết quả thì dân làng đã thiên di đến một vùng khác.

Sau cùng điều tra viên nên lưu ý một vài điểm, tuy nhỏ nhặt, những thiếu dự tính cũng có thể gây trở ngại cho việc điều tra: đó là vấn đề giới thiệu, xin phép điều tra, ngân sách, tuyển chọn nhân viên, chuẩn bị dân chúng tiếp nhận cuộc điều tra mà không quá ngỡ ngàng.

Kỹ thuật thăm dò (sondage) giúp cho điều tra viên một số dữ kiện bằng vào đó điều tra viên có thể suy đoán được kết quả. Trước tiên điều tra viên phải chọn mẫu điều tra khả dĩ đại diện được cho toàn thể họ muốn điều tra, ví dụ để biết phản ứng của nông dân đối với định chế cải tổ hành chánh xã theo sắc lệnh 045/SLNV ngày 1-4-1969 vừa rồi người ta thường áp dụng kỹ thuật thăm dò.

Tại Việt Nam các mẫu điều tra thường dựa theo tiêu chuẩn tuổi tác hoặc chức tước trong làng, ít khi theo tiêu chuẩn trình độ văn hoá vì phần đông người có chút học thức thường rời làng lên thành thị mưu sống hoặc tiếp tục học hành, khi thành tài cũng không mấy ai trở về làng cũ để hoạt động. Về thăm dò chúng ta có hai

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phương pháp: thăm dò rủi may và thăm dò thực nghiệm.

Phương pháp thăm dò rủi may (Sondage aléatoivrandom sampling). Đây là một phương pháp nên áp dụng tại Việt Nam, vì theo phương pháp này chúng ta có nhiều hy vọng gạt bỏ được sở thích chủ quan của nhà nghiên cứu thường có khuynh hướng chọn những mẫu người điều tra thích hợp với ý mình hơn, và như vậy có thể mất đi phần nào tính cách xác xuất (probabilité). Theo phương pháp này nhà nghiên cứu sẽ rút thăm để định đoạt số người điều tra liệt kê trong bản danh sách kiểm tra dân số, hoặc xử dụng những bản số Kendall, Babington Smith, Fisher và Yates lập sẵn.

Trái với phương pháp rủi may, người ta có phương pháp thăm dò thực nghiệm (sondage empirique). Phương pháp nầy không chọn từng cá nhân để thăm dò nhưng lại chọn một số mẫu đại diện cho những nhóm do nhà nghiên cứu tự ý phân chia theo tiêu chuẩn tuổi tác, nghề nghiệp, gia đình, thân tộc .v.v...

Trong kỹ thuật rủi may chúng ta cũng nên để ý đến lối thăm dò theo phương pháp lộ trình, đây cũng là một phương pháp nên áp dụng cho việc nghiên cứu làng xã Việt Nam. Theo phương pháp nầy nhà nghiên cứu có thể cắt đoạn lộ trình thành từng 50 thước, 100 thước và cứ một khoảng cách như vậy sẽ phỏng vấn một người, hoặc có thể cứ 10 nhà hay 15 nhà lại phỏng vấn một người trong gia đình

KỸ THUẬT PHỎNG VẤN

Ngoài kỹ thuật thăm dò nhà nghiên cứu còn áp dụng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

kỹ thuật phỏng vấn. Kỹ thuật nầy gặp nhiều trở ngại vì phần đông dân quê không biết chữ để có thể trả lời những câu hỏi viết chính xác; ngay cả cuộc phỏng vấn theo thể thức đàm thoại cũng không đạt được kết quả vì người dân quê rất ngại ngùng trước những kỹ thuật phỏng vấn xa lạ đối với họ. Cuộc tiếp xúc chỉ có thể đạt được nhiều kết quả khi gầy được thiện cảm, cởi mở với người đối thoại. Đối với dân quê Việt Nam nên áp dụng những câu hỏi ngắn soạn trước (câu hỏi đó làm thế nào để đáp viên chỉ trả lời «có» và «không»; tuy nhiên trong mười câu hỏi nên có hai câu hỏi tự do (câu hỏi mở) để đáp viên tự do trả lời. Theo phản ứng tâm lý tự nhiên, người ta thường tự vệ, trốn tránh chống lại ảnh hưởng của người khác khi tiếp xúc; vậy nên khó dò được mặt trong của người đối diện. Lại nữa người dân quê rất nhút nhát, hoặc thường hay lý sự dông dài, không thích chuyện trò với người lạ, vì thế vấn đề giao ngộ thường vấp phải nhiều khó khăn. Họ rất hoài nghi những kẻ xa lạ đến làng, ý nghĩ đầu tiên của họ đối với những người đến phỏng vấn là cho rằng những người nầy đến với mục đích trục lợi riêng tư; do đó đáp viên thường nói quanh co không thật tình. Trước thái độ nầy tư cách của phóng viên thật là tế nhị, họ phải tỏ ra rất lễ phép, lịch sự để khai thác phút sơ ngộ mà người dân quê vì phép xã giao thường rất chân thành. Cần nên lưu ý các yếu tố thành công khác như sốt sắn, gợi sự chú ý, gây tự tin cho đáp viên, lợi dụng ý muốn thổ lộ tâm tình, luôn luôn tỏ ra hiểu biết, có thái độ trung lập giữa các ý kiến, ăn mặc giản dị, ăn nói thích nghi, kiên nhẫn.

Ngoài ra một số qui tắc phải được áp dụng trong

HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

khi phỏng vấn: tránh ồn ào, tìm những nơi kín đáo để tâm tình; những câu hỏi về sự kiện (questions de fact) có thể xen kẻ lời giải thích, nhưng những câu hỏi về ý kiến (questions d'opinion) không nên giải thích và đưa ý kiến mình vào câu chuyện, vì lẽ đối với đáp viên lưới trả lời họ thường dựa theo ý của phỏng vấn viên, đối với người không có ý kiến họ sẽ trả lời đúng theo ý kiến của người phỏng vấn; trong cả hai trường hợp ý kiến của họ tức là ý kiến của chính phỏng vấn viên. Tóm lại kỹ thuật phỏng vấn xét kỹ có thể là một nghệ thuật vậy.

KỸ THUẬT QUAN SÁT

Kỹ thuật sau cùng trong vấn đề điều tra là quan sát. Quan sát có thể thực hiện dưới hình thức tham dự (observation participante). Có lẽ hình thức nầy thật thích hợp cho việc nghiên cứu làng xã Việt Nam. Quan sát viên trong trường hợp nầy phải tham dự vào đoàn thể xã hội mình quan sát; sự tham dự có thể mật thiết lâu dài, hoặc hời hợt ngắn ngủi. Hình thức tham dự rất thích hợp với các nhà nhân chủng học, họ thường hòa mình vào tập thể, tham dự lâu dài nhằm gây được tin nhiệm với dân bản xứ. Khi đã trở nên tự nhiên nhà nhân chủng học bắt đầu quan sát. Lối quan sát nầy thường đòi hỏi quan sát viên những đặc tính đặc biệt như trực giác, óc tinh tế và nhất là tinh thần hiểu biết. Họ đến sinh sống luôn trong tập thể đó nhiều năm, ví dụ ông White vào năm 1937 đã đến sinh sống ba năm tại một thành phố phía Đông nước Mỹ, mở cuộc điều tra về «xã hội đầu đường» (Street Corner Society); ông Laurence Wylie, một giáo sư Mỹ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đã cùng vợ con đến tại một làng bên Pháp chung sống với dân làng trên một năm để nghiên cứu vấn đề « Làng xã ở Pháp ».

Về hình thức quan sát phóng sự (observation reportage) cũng là một hình thức quan sát tham dự, nhưng chỉ quan sát một sự kiện xảy ra trong một đoản kỳ rồi chấm dứt, ví dụ một cuộc bầu cử, một cuộc trưng cầu dân ý.

* * *

Để kết luận phần khảo luận này, chúng tôi muốn nhấn mạnh vào hai điểm :

— Giá trị kết quả công bố của một công cuộc khảo sát.

— Trách nhiệm tinh thần của kế hoạch cải tiến xã hội dựa trên kết quả công bố đó.

Nói một cách khác, chúng tôi muốn đặt câu hỏi tại sao từ trước đến đến nay kế hoạch cải tiến nông thôn Việt Nam có nhiều thất bại hơn là kết quả; phải chăng kết quả công bố của một công cuộc khảo sát thiếu giá trị, hoặc giả người làm kế hoạch không hề bận tâm đến trách nhiệm tinh thần có thể qui trách cho họ về những hậu quả vào một thời gian sau khi kế hoạch thực hiện chăng?

Không thể có một kế hoạch khi thiếu những điều kiện nguyên nhân; cái nguyên nhân ở đây phải được hiểu là căn bệnh của phương pháp chữa trị. Chẩn bệnh để tìm căn nguyên con bệnh, thì dàng nầy khoa học xã hội cũng thế: nghiên cứu điều tra các hiện tượng là để tìm nguyên nhân căn bệnh xã hội của nghèo đói, dốt nát, bệnh hoạn. Do đó công cuộc nghiên cứu có một tầm quan trọng đặc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

biệt đối với kế hoạch cải tiến nông thôn, vì giá trị của kế hoạch sẽ tùy thuộc vào biến số chính xác của công cuộc nghiên cứu, nói một cách khác kế hoạch sẽ xuất hiện theo qui luật lệ đới theo kết quả của cuộc nghiên cứu.

Như thế thì yếu tố nào sẽ đóng góp vào kết quả chính xác của một cuộc nghiên cứu? Đến đây có người sẽ vội cho rằng giá trị kết quả của một công cuộc nghiên cứu sẽ căn cứ vào phương pháp chính xác, và kỹ thuật tinh xảo. Chúng tôi nghĩ rằng phương pháp và kỹ thuật tự nó chỉ có một giá trị tương đối, vì rằng mỗi người có một phương pháp, một kỹ thuật riêng biệt, nhưng vấn đề quan trọng là mức độ thích nghi của việc đem áp dụng phương pháp và kỹ thuật vào khung cảnh làng mạc Việt Nam. Sau đây ta hãy nghe I.Loyd W. Woodruff tác giả tập «Nghiên cứu một cộng đồng thôn xã Việt Nam» trong bài tựa đã nêu lên một khía cạnh phức tạp của vấn đề «Khi tập nghiên cứu nầy sang tới giai đoạn xuất bản thì tại Khánh hậu đang có nhiều cải cách trong nền hành chánh xã, cho nên những dữ kiện đã trở thành lỗi thời quá sự dự liệu trước của chúng tôi. Đây là một trong những cạm bẫy cho những nhà nghiên cứu các khoa học xã hội lưu tâm mô tả những định chế hiện hữu, nhất là những định chế của một quốc gia đang phát triển». Có lẽ tình trạng biến đổi thường xuyên tại nông thôn Việt Nam và hỗn trạng do chiến tranh gây nên là những duyên cớ chính cho sự thất bại của các kế hoạch cải tiến nông thôn. Tuy nhiên, ngoài ra chúng ta cũng phải qui lỗi đó một phần lớn cho công cuộc nghiên cứu cẩu thả thiếu thích nghi; ví dụ đoàn chuyên viên nghiên cứu các buông thượng, sau một thời gian đã công bố kết quả: đồng bào thượng cần quần áo, đồng bào thượng thích

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thuốc men, muốn được giúp phương tiện canh tác v.v...; thế là một kế hoạch được soạn thảo theo chiều hướng của nhận định trên được đem ra thi hành; kết quả thật mỉa mai: quần áo được đồng bào thượng xé thành mảnh làm khố che thân dưới, thuốc vứt đi không chịu uống vì tin vào thần linh hơn dược phẩm, các phương tiện canh tác trở thành vô nghĩa vì đồng bào thượng sau một thời gian chừng hai ba mùa canh tác lại bỏ bễ đến sinh sống tại một vùng khác; họ bỏ lại tất cả, và đi đến vùng đất mới họ lại dùng sức lao động và các phương tiện tự túc (moyens de fortune) để canh phá một vùng đất hoang mới. Xem vậy chúng ta thấy ngay kế hoạch thất bại vì cuộc nghiên cứu không chính xác. Kết quả không chính xác là vì thông dịch viên người thượng đã đưa tất cả ý kiến của anh ta vào cuộc phỏng vấn. Do đó chúng ta có thể xác định rằng biến số giá trị chính xác của công cuộc nghiên cứu là hàm số một phần thành quả của kế hoạch. Phần thành quả của kế hoạch còn lại là: kế hoạch hay và người thừa hành giỏi. Ở đây chúng tôi không muốn đề cập đến cấp thừa hành máy móc của một thời đã qua trong kế hoạch dinh điền với những vườn cam sây trái trong ngày cố Tổng Thống Diệm kinh lý; nhưng chúng tôi muốn nói đến người soạn thảo kế hoạch, nói khác đi chúng tôi muốn nhấn mạnh về khía cạnh tinh thần của vấn đề soạn thảo kế hoạch. Ở nước ta trong lãnh vực công cũng như tư, ít ai để ý đến vấn đề tinh thần nầy. Một kế hoạch soạn thảo xong, được cấp trên chấp thuận là phủi tay; hậu quả ra sao không cần biết. Người ta có cảm tưởng kế hoạch soạn thảo là để thỏa mãn tư kiến của cấp trên. Đôi khi biết là sai, là thiếu thực tế nhưng muốn chiều lòng thượng cấp nên đành miễn cưỡng chấp nhận. Thái độ vô trách nhiệm nầy không chỉ tìm thấy ở

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

cấp thừa hành soạn thảo kế hoạch mà ngay cả cấp bộ chịu trách nhiệm trực tiếp việc ban hành kế hoạch cũng tỏ ra vô tư không kém. Nếu tệ trạng nầy ngày nào còn được dinh dưỡng trong bộ máy hành chánh công quyền thì ngày đó còn nhiều bất hạnh khôn lường xâm phạm quốc gia Việt Nam. Bởi lẽ kế hoạch được thiết lập trên căn bản vô thưởng vô phạt đó thì còn trông cậy gì vào kết quả khi đem ra thực hiện, chỉ phí phạm nhân vật lực và công quỹ mà thôi. Đến đây chúng tôi xin nhấn mạnh một điều là chúng tôi không dám lạm bàn đến khía cạnh tinh thần nầy đối với những kế hoạch gia khả kính, không hề bỏ sót khía cạnh trách nhiệm tinh thần khi phác họa kế hoạch, và ngay cả những năm tháng sau đó khi kế hoạch được thực hiện các vị đó cũng không khỏi canh cánh bên lòng mối ưu tư về thành quả của kế hoạch. Dĩ nhiên không phải kế hoạch nào cũng thành công; tuy nhiên thái độ ưu tư của những người có trách nhiệm tinh thần về sự thất bại nếu có đã nói lên được cái ý nghĩa của những cố gắng thầm kín về tinh thần đáng kể đối với một sản phẩm trí tuệ đã hoàn thành, mà còn là những kinh nghiệm qui báu cho những sáng tạo trong tương lai của họ; còn đối với những người vô trách nhiệm không phải vì vậy mà xem đó là một duyên cớ để biện minh cho thái độ buông xuôi phó thác của mình.

Lợi dụng sự đối chiếu hai trường hợp vô trách nhiệm về tinh thần và cái giá trị sáng ngời của nhà soạn thảo kế hoạch khả tính, luôn luôn suy tư về thành quả; có lẽ chúng tôi đã nói lên được cái ý nghĩa sâu xa của điều chúng tôi mong ước được nói; và mong rằng đừng bao giờ sự thiếu sót về tinh thần đáng buồn đó còn tái diễn trong tương lai.

NGUYỄN XUÂN LẠI

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

NHO HỌC VÀ VẤN ĐỀ CẢI TẠO XÃ HỘI VIỆTNAM

Muốn cải tạo một xã hội thì việc phải lo trước nhất là tìm cho nó một hướng tiến, một cơ sở tinh thần đặng làm hồn sống bơm sinh lực vào các ngành ngọn. Cơ sở tinh thần vì được với con tim: chưa hề có tim yếu mà người khoẻ. Cũng thế không thể có xã hội lành mạnh mà thiếu một cơ cấu tâm linh ràng buộc mọi phần tử trong xã hội lại thành một sức mạnh để hướng tới mục tiêu. Cơ cấu càng vững thì sức mạnh càng gia tăng và do đó sự cải tạo trở thành hiệu nghiệm. Cho nên điều phải nghĩ tới trước hết là tìm ra một cơ sở tinh thần để làm nòng cốt. Và tất nhiên chúng ta sẽ hỏi cơ sở tinh thần nào đây cho xã hội ta?

Xã hội là *hội* hợp để làm nên *xã*. Theo tự dạng thì chữ *xã* 社 bao hàm hai ý niệm, một là bộ chữ *thị* chỉ tâm linh thuộc thời gian hay tru, hai là bộ *thổ*

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

chỉ phần tài sản thuộc không gian hay vũ. Hai yếu tố đó là hai cột cái chống đỡ xã hội, nên xã hội phải trông nom vun tưới để cả hai đều hiện diện nơi mọi xã viên. Nói khác mục đích căn bản của xã hội là làm thế nào cho mọi phần tử làm thành xã hội đều được tham dự trong hai tính chất tâm linh và thổ sản. Nói cụ thể là người dân con một nước nào cũng phải được hướng dẫn trong việc tu luyện thân tâm để làm tăng trưởng cái đại ngã tâm linh trong con người và được hưởng môi trường thuận lợi cho sự phát triển những đức tính cũng như sự suy tư của mình đến hết cỡ có thể của nó, đồng thời lại có được phần tài sản tương đối cân xứng để sống cái sống tiểu ngã xác thân. Một khoa xã hội học chân thực nghĩa là không phải chỉ là thứ học vấn suông để biết xem các xã hội đã tổ chức ra sao có bao nhiêu loại... Nhưng cần nhất là phải đưa tới một sự hiện thực vào cơ cấu xã hội cái lý tưởng tốt nhất, thì nhất định không thể đi ra ngoài hai nhu yếu căn bổn trên đây, đến nỗi khi một xã hội hay một triều đại không chu toàn nổi nhiệm vụ đó thì Nho giáo kêu là vô đạo thì dụ nói Vua Trụ vô đạo «trụ vô đạo». Học giả Legge đã dịch chữ vô đạo rất hay bằng vô nguyên lý. Trụ vô đạo dịch là «trụ is unprincipled». Dầu các nhà xã hội, kinh tế, luật gia hay chính giới có thành tâm phục vụ dân nước tới đâu nhưng nếu vì không nhìn ra cơ cấu tinh thần ám hợp để đạt hai mục tiêu trên thì đều là vô nguyên, tắc, nói chữ Nho là vô đạo, hiểu là vô nhân đạo nghĩa là không theo đạo làm người. Vì theo quan niệm Việt Nho thì con người được cấu thành do thiên địa «Nhơn giả kỳ *thiên địa* chi đức» chữ *Thiên*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ở đây biểu thị tâm linh thuộc thời gian, chữ *Địa* biểu thị tài sản thuộc không gian. Theo luật liên đới căn cơ vũ trụ thì *không* và *thời* phải nối kết mới làm nên vũ trụ. Nói khác cái luật của vũ trụ là vũ và trụ không được li dị, nhưng phải luôn luôn thấm thấu kết liên thì vũ trụ mới chu toàn được sứ mạng của nó, tức *vũ* mới trải dài ra làm không gian, nói kiểu xã hội là mới có quân phân tài sản đồng đều và *trụ* mới là «vô hồ xứ giả» tức không ở đâu hẳn để không đâu không ở, nghĩa là rất hiệu nghiệm. Nhưng bạn hỏi nếu trụ không ở đâu cả thì làm sao thấy được? Thưa phải căn cứ vào luật vũ trụ hỗ trợ từ đợt căn cơ và theo đó chỉ việc cần xem việc tựu thành nơi *vũ* thì sẽ hiểu ra phần *trụ*: khi *vũ* được *trụ* linh động thì nó đi theo luật «bình bình» của Hồng Phạm, nói cụ thể là có sự quân phân tài sản. Trái lại khi tài sản tích lũy vào tay một thiểu số thì đó là ứ đọng, là trái sứ mệnh của vũ, do đó mà ta có thể kết luận vũ không được trụ đi kèm. Nói khác, hễ tài sản phân chia đồng đều thì hiểu là vũ có trụ, còn khi quá chênh lệch thì vũ trụ chia li. Vũ không được sự nâng đỡ của trụ, mà chính trụ lại cũng bị to vo một mình nên chẳng làm được tròn sứ mạng là «vô hồ xứ giả» nói kiểu xã hội là người trong xã hội không được «tự do» vì tự do là hiện thân chân thực của *trụ*, của «vô hồ xứ giả» tức không ở đâu cả mà không đâu không ở nên là tự do. Khi trụ chia li, thì tài sản phân chia không đều, tự do *mất mát*, và như vậy là không phải xã hội khi hiểu chữ xã với nghĩa uyên nguyên có *thị* tâm linh

có *thổ binh* sản.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Khi thời với không nối kết thi trụ tâm linh được «gói ghém» ngay trong vũ tức trong mọi việc mà việc nền móng của xã hội là binh sản. Khi xã hội có «đạo» thì người nào cũng có tài sản, vì người nào cũng có tâm linh cũng có yếu tố *thị* nên cần có chữ *thổ (sản)* để làm môi trường thấm thấu cho tâm linh. Đó là đại đề mấy nét về quan niệm xã hội có đạo tức được tổ chức theo luật vũ trụ đã bàn trong hai quyển *Vũ trụ nhân linh* và *Chữ Thời* (độc nhất là chương Hồng Phạm). Đó là hai quyển nhằm đặt nền tảng cho các thể chế xã hội con người sẽ được khai triển về sau. Ở đây chỉ nói sơ qua để móc nối vào những suy tư đại khái thuộc xã hội học trong phạm vi bài này.

Vậy khi ta đã biết đại đề về hai yếu tố căn bản của một xã hội lý tưởng như thế thì bây giờ đến việc nhìn tổng quát trên các xã hội để thử tìm xem có chăng một nền triết thuyết hay đức lý nào khả dĩ đáp ứng được hai nhu yếu căn bản gói trong hai chữ *thị* và *thổ*? Chúng ta hãy rảo qua vài ba nền triết lý được nhiều người biết đến hơn hết đó là các triết thuyết Tây Âu, hiện đang được học hỏi nhiều nhất trong các trường sở của xã hội. Ai cũng biết rằng cho đến nay triết Tây vẫn theo bén gót Platon kể cả những người đả phá Platon như Nietzsche hay Heidegger nghĩa là cuối cùng họ không có những câu kết luận ăm hợp cho thế giới con người thực hay nếu có thì chúng lại phải đưa nhau lên trời hay nơi nào đó ngoài thế giới chúng ta đang ở mới có khả năng hiện thực. Bởi vì Platon đã đặt nền móng triết trên thế giới linh tượng hay đúng hơn là ý niệm. Đặt móng có nghĩa là dồn hết tinh ba sinh lực chú ý vào đấy, còn lại cho thế giới khả giác có phần thừa thãi. Nói khác phần tâm thức cao nhất thì dành cho thế giới tưởng hay tượng (phantas-

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thái Hà HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

magorie ou concept) còn lại cho thế giới ăn làm giao liên của con người sống thực trong xã hội chỉ có phần bì phu gọi là lương tri (le bon sens) tức là cái tri thức thế tục mà sản phẩm của nó mà Phật kêu là thế đế. Thế đế là cái biết lưng chừng nên Minh triết Đông phương không cho là biết. Tuy nhiên nó cần thiết cho hết mọi người để sống đở cái sống thế trần, thu gọn trong xác thân, đặng chờ đợi sự hướng dẫn của cái biết chân thực sẽ do triết cống hiến. Vậy mà các triết học gia đã không nhận ra chỗ đó nên lấy đại ngay cái biết thế tục làm cơ sở, tuy có hệ thống hóa đơn cái biết thường nghiệm nhưng lại kém ở chỗ khác. Cái tri thường nghiệm tuy chỉ là bì phu nhưng cũng phải đủ mặt: một chút *ý*

một chút *tinh*

một chút *chi*.

Vậy mới ích cho đời sống là cái gồm cả ba, nghĩa là toàn thể và tuy đó là cái toàn thể bì phu nông cạn, nhưng vẫn là toàn thể, nếu không thì vô ích cho đời sống vốn là toàn thể nên cần hướng dẫn bằng cái biết toàn thể. Tuy nhiên vẫn là bì phu nên cần triết phải đưa tới căn để cái biết đó, và đấy là ý hướng của mọi triết thuyết. Thế nhưng triết học lý niệm đã thất bại vì ngay từ khởi điểm họ đã phạm một lỗi lầm tai hại là đã tự tách lìa khỏi toàn thể để đi vào một chiều; họ đã trừu tượng nghĩa là thoát ra khỏi toàn thể để đi tìm toàn thể. Nói theo ngôn ngữ «Chữ Thời» là đi tìm *trụ* bên ngoài *vũ*. Nói theo tiếng của Husserl họ đã «giảm trừ» hết tất cả để chỉ chú ý đến một khía cạnh. Và dù danh từ Reduction mới do Husserl đưa vào với cái nghĩa chân thực là «qui hồi»... nhưng trong thực tế thì đã có ngay tự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đầu, từ Socrates, Platon tất cả đều đã réduction theo nghĩa giảm trừ kể cả Husserl cũng chỉ là giảm trừ mặc dầu nhằm «qui hồi» trong ý hướng. Khốn nỗi trong thực tế chẳng có chi là giảm trừ hoặc là trừu tượng cả mà chỉ có toàn thể tức cụ thể, đến nỗi xã hội loài người cũng sống trong cái toàn thể mặc dầu là toàn thể bì phu. Vì thế khi triết nói về cái đã bị giảm trừ, có nghĩa là đã bị phần mớ hoá, thì tất nhiên xã hội hay những con người sống thực trong xã hội không hiểu được những điều triết học nói ra. Mà giả có hiểu thì cũng vô ích vì nó là phần mớ không hợp cho đời sống vốn là toàn thể. Vậy là cái biết triết học đã kém cái tri thức thường nghiệm ở chỗ giảm trừ, ở chỗ chặt ra be bét, nó hơn thế đế ở chỗ có tổ chức nhưng lại kém thế đế ở chỗ giảm trừ, nên bù đi sắm lại vẫn còn là thế đế ròng. Mà đã thế đế thì làm sao chu toàn nổi việc của diệu đế. Nói theo «Chữ Thời» thì thế thời làm sao đáp ứng nổi nhu yếu tâm linh thuộc Hòa thời tức hòa *trụ* vào *vũ*. Và thế là triết trở thành bất lực không thể làm tim óc cho xã hội được. Bởi vậy để đáp ứng nhu yếu tâm linh, xã hội phải cậy tới tôn giáo bù đắp được đến đâu hay đến đó. Marx có lần đã nói: vì thế giới thiếu tim óc nên tôn giáo phải làm tim óc thay cho. Đến nay Tây Âu chối bỏ tôn giáo thì xã hội trở thành con thuyền không lái. Và cho mãi tới nay triết học chưa tìm đâu ra được một chủ đạo nào cả. Những lý thuyết kinh tế hay chính trị hoặc cả ý hệ nữa không phải là chủ đạo. Chủ đạo phải là nền triết lý được móc nối với minh triết. Cái đó các xã hội Tây âu chưa có nên tất cả đều loay hoay sống trên sự quân bình kinh tế giữa các phe nhóm cũng như giữa các quốc gia, một sự quân bình được thiết lập cũng như duy trì hoàn toàn bằng mọi

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI HÒA HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hình thức võ lực chứ không có chút tâm linh gì trong đó cả. Bạn hỏi thế tại sao sự tổ chức xã hội của họ lại hay hơn bên ta nhiều, nói cụ thể thợ thuyền bên đó cũng có xe hơi nhà lầu thì như vậy là có quân phân tài sản rồi chứ? mà tài sản đã bình quân thì là dấu có sự hiện diện của trụ trong vũ nói khác là có một đạo lý, một cơ sở tinh thần, nếu không làm sao có được sự công bằng xã hội như vậy.

Thưa rằng đó là ý nghĩ thông thường của hết mọi người và chính ý nghĩ đó đã khiến chúng ta khâm phục Tây Âu và cố gắng theo họ, và cũng xin nói ngay rằng sự khâm phục và cố theo đó có lý. Tuy nhiên đó chỉ là cái lý bên ngoài, khi đi vào sâu tức xét về lâu về dài qua nhiều thế kỷ trước, chúng ta mới nhận ra rằng triết Tây đã thất bại đưa trụ vào vũ, nói cụ thể là không thiết lập nổi một chính thuyết quân phân tài sản. Vì lý tưởng ở phần *thổ* này là phải bình sản theo nghĩa co giãn là sự giầu nghèo không được quá chênh lệch ít ra từ trong hiến pháp từ trong triết lý. Còn việc thực thi nếu thất bại thì do hạ cấp làm liều thuộc hành pháp. Việc triết lý xã hội là phải lo từ *nền móng*, từ hiến chương để có bình sản, hay nói theo nay phải có một sự công bình xã hội. Tôi gạch dưới chữ nền móng là có ý nói tới phần căn để, phần siêu hình, chứ còn ở đợt luân lý lên mặt dậy đời thì chúng ta đã nghe điếc con ráy từ bao thế kỷ. Nhưng vô ích vì không đi tới móng nền, cho nên mới là nói để mà nói, còn trong thực trạng thì ý niệm quân bình xã hội đã vắng bóng cho tới đầu thế kỷ 20, bởi chừng xuyên qua bao ngàn năm trước vẫn chỉ là sự thống ngự của quan niệm tuyệt đối về tư sản. Đó là quan niệm

TỔNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đã gây nên sự tích lũy tài sản trong tay một thiểu số, gây nên cảnh chênh lệch giầu nghèo quá đáng. Chính nó đã là cha đẻ ra thể chế nô lệ là sự cùng tột của chênh lệch, thế mà cả hai quan niệm tư sản và thể chế nô lệ, đã được duy trì cho tới tận thế kỷ 19 là vì được sự ưng chuẩn bênh vực của triết học. Đến nay thì chế độ nô lệ đã được bãi bỏ, sự chênh lệch đã không còn phơi mặt ra nhiều lắm bên Âu Mỹ nữa. Nhưng xét kỹ thì không phải là nó đã hết nhưng là vì nó đã dồi trọng tâm bằng gỡ sự chênh lệch bất công ra khỏi vai nô lệ thợ thuyền Tây Âu để đặt lên đầu cổ các thuộc địa lúc trước và hiện nay được đổi tên là tiểu nhược quốc. Hiện nay thợ thuyền Tây Âu không còn phải làm việc 14 hay 12 giờ một ngày với cái lương chết đói, với cái nhà lụp xụp... thì chính là một phần nhờ xương máu của vài ba trăm triệu người Á, Phi, Úc... đã bị tước đoạt sản nghiệp và cả sự sống còn. Như vậy sự chênh lệch và nô lệ trong xã hội do Tây Âu kiến tạo vẫn còn nhưng di chuyển tự Tây Âu ra các nước Á Phi và hiện nay vẫn được duy trì cách tế vi, thi dụ: tăng giá bán sản phẩm mà lại hạ giá mua nguyên liệu. Đó là một trong những phương thế hay nhất để giam giữ các tiểu nhược quốc lại trong địa vị bần hàn đặng thế chân cho những nô lệ, những nông nô, những thợ thuyền bên Âu châu lúc trước. Nói thế có nghĩa là sự sung túc của thợ thuyền bên Âu châu không phải là công lao của triết học, mà là hậu quả của hơi nước, của thịnh cường, nhất là cường dầu mỏi của thịnh, của quân sự chính trị, nó đã đánh bùn sang ao chứ không thực giải phóng. Thực giải phóng thì không đem đau khổ của người da trắng đổ lên đầu các da màu như vậy. Cho nên đó chỉ là việc của

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

cơ khi, của chính trị mà không là của triết lý. Bởi chưng để đạt sự giải phóng chân thực thì không có triết lý không xong. Vậy mà triết học lý niệm đã không đưa ra được một nền triết lý chân thực nào cả. Quyển tư bản của Karl Marx đã đạt một thành công vượt mức thì chính vì nó đã nói lên, trí hô lên tất cả sự chênh lệch kinh khủng đang đè nặng trên đầu cổ thợ thuyền Âu châu lúc đó. Chỉ có thế thôi chứ tuyệt nhiên chẳng có gì khoa học, hay triết lý lao động chi hết, vì thế nó đã không giải phóng được con người, cho nên khi thợ thuyền Âu châu thoát được thì đến lượt các tiểu nhược quốc lãnh đủ. Và như vậy là chưa có thành công nào cả về phía triết lý xã hội. Và đó là sự thất bại thứ hai thuộc kinh tế vốn gắn liền với thất bại thứ nhất về tâm linh: và như thế thì luật «liên đới uyên nguyên giữa vũ và trụ» vẫn còn thực mãi, mà bộ mặt sung túc của Tây Âu không thể che đậy sự thất bại tự nền móng ít ra với những con mắt nhìn sâu.

Và vì thế chúng ta có thể nói là người cộng sản có quá đủ lý do để làm cách mạng, nhưng chúng ta cũng phải xét xem cộng sản đã thành công tới đâu. Và người ta giật mình cái thót nhận ngay ra rằng cộng sản là một sản phẩm của Tây Âu nên giống mẹ nó từ cái lông đến cái tóc, nghĩa là toàn hướng về sau này mà bỏ quên con người đang sống ở đây và bây giờ trong xương thịt. Vì thế không còn gì thiết thực bằng cộng sản mà té ra lại toàn nhìn về tương lai đâu đâu. Lý do căn để của mâu thuẫn này là vì cộng sản chưa biết tới luật liên đới căn cơ giữa vũ và trụ, nên đã giẫm lên trụ để đạt vũ, nói khác: vì muốn cho phần vũ được thành đạt người cộng sản đã hy sinh trụ, tức hy sinh phần

TIEULUN
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tâm linh để lo chu toàn phần bình sản. Nhưng làm thế là phạm vào luật liên đới căn cơ giữa hai yếu tố vũ và trụ, sẽ nhất định thất bại và quả thật sự thất bại đã phơi bầy ra quá chán chường: trong các nước cộng sản không những đầy nhóc chênh lệnh bất công như trước mà còn tệ hơn xưa ở chỗ được nhà nước duy trì bằng các thứ định chế, bằng từng sư đoàn cán bộ. Còn giữa các nước cộng sản anh em với nhau thì cũng diễn lại cái trò mua rẻ bán đắt giữa mẫu quốc với thuộc địa xưa. Nga bắt Tiệp phải nằm trong liên hệ kinh tế của Nga có nghĩa là một lối cường quốc bóc lột tiểu nhược quốc: mua rẻ nguyên liệu bán đắt sản phẩm... và thế là tệ hơn cả Tây Âu thuộc thế giới tự do ở chỗ bên thế giới tự do chỉ có tiểu nhược quốc lãnh nhận ác quả của sự thất bại kia, còn ở các nước cộng sản chính người trong mẫu quốc cũng lại phải gánh chịu như muôn đời tổ tiên của họ lúc trước.

Đó là mấy nét về xã hội Tây Âu tuy rất quyết định nhưng lại nằm ngầm nên dễ khuất mắt, vì đó mà khi thẩm định về tình hình khả quan Âu Mỹ người ta thường qui hết công cho triết học, xã hội học, cho văn hóa v.v.... để rồi lao đầu vào học với niềm thâm tín rằng hễ thâu nạp được các lý thuyết xã hội, kinh tế, chính trị, triết học của Tây Âu với các định chế của họ là tự nhiên nước ta cũng văn minh cường thịnh sung túc như họ. Và vì yên trí như vậy nên ít mấy người nhìn ra xã hội Tây Âu hiện nay đang như con thuyền không lái, thiếu hẳn một nền chủ đạo soi đường mà vì thế lực của Tây Âu trùm lên khắp thế giới, nên cảnh lạc lõng đó cũng đang trở thành tình trạng của hết mọi xã hội hiện nay, một thứ xã hội mà trong đó con người sống xô bồ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI VIỆT HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

gặp chăng hay chớ, thiếu hẳn nguyên tắc, nên nếu phải dùng tiếng xưa thì là một thứ xã hội vô đạo. Phải, thế giới con người hôm nay vô đạo, và sự vô đạo ấy gây nên do sự thất bại của triết học. Chính triết học làm cho xã hội chúng ta trở nên vô đạo, hay nói đúng hơn vì triết học thất bại nên thế giới ngày nay có quá nhiều đạo nhưng toàn là đạo trời, đạo đất, đạo cốt, đạo tiên, và cả đạo thờ ý niệm chứ còn đạo làm người thì tuyệt không. Mà bởi không phải là đạo người, nên đã biến người thành nô lệ dưới muôn vẻ quyến rũ, đủ sức đánh lừa cả muôn vạn «tri thức» chạy theo, vì thế con người thời đại tuy nằm giữa muôn vàn tiện nghi tân tiến của khoa học mà vẫn rên la thống khổ. Hi vọng những tiếng rên la đó sẽ mở mắt các nhà lãnh đạo xã hội chúng ta.

Các điều đã nói trên đây về triết Tây Âu cũng có thể thay đổi hình thái để áp dụng vào xã hội Ấn Độ nơi những người Aryen đã nhập nội hầu toàn thể cơ cấu xã hội cổ truyền Tây Âu, một thứ xã hội xây trên phân ranh đẳng cấp và đặc ân và vì thế khỏi cần bàn thêm.

Như thế là hôm nay cất bước lên đường tìm thuốc chữa trị xã hội Việt Nam chúng ta biết trước rằng chúng ta sẽ học được rất ít với các môn triết lý ngoại bang. Mặc dầu về đàng học vấn như xã hội học và một số sáng kiến chúng ta có thể mượn cũng như sự nghiên cứu gợi cho nhiều hứng suy tư tìm tòi, nhưng bấy nhiêu mới là tùy phụ chi tiết tuy rất cần thiết trong thời đại văn minh hiện nay, nhưng vẫn không nên lẫn với nền móng. Mà đã là khoa học cho thấu triệt thì không thể bỏ qua nền móng. Vậy thì nền móng đó phải tìm ở đâu khác chứ không

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phải ở những nơi còn phơi cái thất bại ra như kia.

Tìm ở đâu bây giờ? Thưa đó là câu hỏi cần được thế hệ hôm nay đi tìm đáp số... Riêng về Nho giáo chúng tôi nhận thấy có hai đặc điểm khác với triết thuyết Tây Âu, xin được giới thiệu vắn tắt ở đây:

Điểm thứ nhất là không đặt nền móng cả xã hội lẫn siêu hình hay triết học ở trên thế giới xa xôi, nhưng đặt ngay trong cõi người ta, nghĩa là trong anh trong chị, trong vợ trong chồng. «Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ» chứ không có «tạo đoan hồ thế giới linh tượng nào cả». Nên những câu kết luận được thực thi hay ít ra có thể thực thi ngay trong thế giới của con người có xương có thịt ở đây và bây giờ. Bạn sẽ bĩu môi! chao ôi đạo chi mà hẹp hòi chỉ bằng cái giường bình khung thế? Thưa rằng khởi đoan chỉ có nghĩa là bắt đầu, tức còn đi nữa, đi xuyên qua làng rồi nước, rồi quốc tế để cuối cùng «sát hồ thiên địa» nghĩa là đi đến vũ trụ chi vô cùng. Nói khác xã hội Việt Nho khởi từ gia đình có thể gọi là vũ nhưng lại tận cùng ở thiện có thể gọi là trụ. Vì thế mà có.

Điểm thứ hai là thiên địa không phải cái chi xa lạ nhưng là cái chi cực thâm thiết vì nó giao hội ngay nơi thâm cung lòng người «*Thiên địa nhơn* giao hồ kỷ căn» = người, đất, trời giao nhau ở chỗ căn để là cái tâm con người. Vì thế mới nói «ngô tâm tiện thị vũ trụ» = tâm tôi chính là vũ trụ, câu ấy nói lên cái chiều kích bao la của con người nên con người có đủ mọi sự nơi mình: «vạn vật giai bị ư kỷ». Do đó con người có đủ túc lý tồn tại khỏi phải qui chiếu vào tha thế tha vật. Hệ quả tự nhiên của quan niệm đó là con người không bị coi như

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

dụng cụ để phụng sự cho bất cứ cái chi khác, dù thấp hay cao nhưng tự mình đã là cứu cánh cho mình, và do đó đã không bị xã hội nuốt trôi ở bất cứ cấp bậc nào trong quá trình đi lên: không ở gia đình, xóm ấp hay quốc gia. Tóm lại ở cấp nào thì con người cũng được kính nể. Những sự coi khinh con người chỉ do nhà cai trị lạm quyền, hoặc nếu có chủ trương thì do một hai thuyết bất chính truyền như pháp gia... Nhưng vẫn bị Việt Nho chống đối. Vì thế nô lệ đã không bao giờ gặp bầu không khí văn hoá thuận lợi để trở thành một chế độ như bên Tây Âu hay Ấn Độ.

Do lẽ đó mà xã hội Đông phương cổ xưa đã đáp ứng được hai nhu yếu nền tảng là tâm linh và binh sản, và có thể xứng danh gọi là *xã hội* vì gồm cả *thị* tâm linh lẫn *thổ* binh sản.

Và đó là chỗ chú tâm của hết mọi người tự dân tới vua, tới các bậc thánh triết. Tất cả đều coi đó là điểm cao cả linh thiêng đáng tôn thờ vì đấy mới có lễ cực uy nghi gọi là «giao xã» 郊社 cũng quen gọi là tế giao. Cái ý thâm sâu của nó làm sao cho hai nét căn bổn của xã hội con người cũng gọi là *chỉ* được *giao* hội cùng nhau. Để hai *chỉ* đó *giao* hội, thì con người phải *lễ* tức phải chăn sóc tài bồi và khi các hiền triết phê bình một vương triều là vô đạo bê trễ việc tế giao, «giao xã bất tu» 郊社不修 thì tựu kỳ trung có nghĩa là. Vương triều đó đã đi sai kỷ cương của lễ giao xã: tức đã không lo cho người trong nước được hưởng tự do cũng như no ấm. Chính vì thế mà tiên tổ ta đặt hiệu nước là Giao Chỉ, đặng nhắc nhở nhau vun tưới cho hai *chỉ* đó *giao* hội, cho nên nước ta cũng như cả miền Viễn Đông một cách tương đối đã đạt hai

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

điều đó: là tự do cũng như bình sản, nơi khác. Trong quyển Cửa Khổng ở hai chương cuối chúng tôi đã đưa ra mấy trang sử thường bị gìm đi về câu truyện khi nền triết lý Việt Nho được truyền bá qua Tây Âu đã đóng góp phần quan trọng vào việc cách mạng xã hội giai cấp với đặc ân của bền để tô tạo cho khuôn mặt Tây Âu trở thành hấp dẫn hiện nay như thế nào. Một điều mới nghe ai cũng cho không thể có. Nhưng sự thực lại có mà xét cho cùng không có gì đáng ngạc nhiên vì triết Tây Âu hoàn toàn lý niệm mà xã hội con người không chỉ là niệm nên triết học ý niệm không thể ảnh hưởng, không làm hồn linh cho xã hội được nên phải nhờ đến triết lý nhân linh góp phần mới khai mào cho cuộc cải tiến... Nhưng không may quá trình du nhập triết Nho đã bị ngừng đọng. Vì thế mà cho tới tận nay xã hội Tây Âu chưa thiết lập nổi một chủ đạo. Đó là chỗ giới trí thức của ta chưa nhận ra nên mới nhổ cây Nho đi để trồng triết Tây vào và tự đấy thì nước nhà diễn lại tấm bi kịch nhị thập nhị sứ quân nhưng sâu xa hơn vì ở trên bình diện văn hóa. Nghĩa là từ đấy nước Việt Nam xét như một thực thể thiêng liêng đã chết, và hiện đang chương và nay đã rữa ra chừng dăm mười mảng rồi, mỗi mảng trôi theo một ý hệ ngoại lai, nên xô vào nhau lỉnh kỉnh cho máu chảy thịt rơi chứ không còn nữa cái non sông xã tắc hiểu là một dòng tộc được cấu kết với nhau không những bằng một mảnh giang sơn, nhưng còn bằng một cơ sở tinh thần chân thực từ tổ tiên muôn thế hệ trước truyền lại. Cái xã tắc đó đã chết hay đúng hơn chỉ còn thoi thóp ở chốn thôn ấp chứ nơi thị thành thì giới trí thức đã không chú ý đến chút nào nữa, ít ra nói theo chương trình giáo dục và văn hóa hiện hành. Hôm nay chúng ta lưu tâm đến việc cải tạo xã hội Việt Nam thì

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

thiết nghĩ không ai được phép quên câu hỏi rằng chúng ta định cải tạo cho ra xã hội con người hay cải tạo cho ra một xã hội của ông thiên hay của ông địa... Thưa câu ấy rồi chúng ta sẽ đi chọn các loại «luân» ám hợp. Vì ngoài «nhân luân» còn có nhiều thứ luân khác của tiên, của thánh, của thần: «răng cao thì thật là cao» nhưng không phải của người, lại còn có thứ sài lang chi luân = «homo homini lupus» nhưng sài lang bao giờ cũng xuất hiện dưới lốt không sài lang, vì thế mới đau lòng con quốc quốc.

* * *

Trên đây là một hai ý niệm biên tạm ra để đóng góp vào số *Tư Tưởng* đặc biệt về xã hội, còn sự triển khai đã dành cho quyển «Nhân luân» nên tôi xin bù bằng hiến độc giả một triệt trong chương bàn về «*phần đóng góp của Việt tộc trong việc hình thành Kinh điển của triết Nho.*» Tức là những sách họa hiếm trong văn hóa nhân loại đã bàn nhiều nhất về xã hội loài người. Riêng cuốn Kinh Thư bàn đến vấn đề «*trị thủy*» tức cũng là bàn đến «cải tạo xã hội». Hãy xem tiên tổ đã quan niệm thế nào về cùng một vấn đề mà chúng ta đang bàn ở đây. Kinh điển là ngũ kinh: Thi, thư, lễ, nhạc, xuân thu. Ở đây chỉ xin một triệt bàn về kinh thư.

Kinh thư cũng gọi là Thượng thư hay là thượng cổ, vì đây là quyển tản văn có tự lâu đời nhất, với nội dung, hoàn toàn nông nghiệp. Trong Kinh Thư thì rồi nhất về phương diện triết phải kể tới thiên Hồng Phạm. Học giả Granet rất có lý gọi thiên này là bản tóm lược nền minh triết: «La somme de la sagesse» (P. E. 166) vì nó bao hàm một sự suy tư về cơ cấu vũ trụ «une Méditation sur la structure de l'univers». Thế mà thiên

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

này liên hệ mật thiết với Viêm Việt vì tinh chất nông nghiệp của nó, thứ đến vì cổ truyền thuyết cho rằng Hồng Phạm đã khải thị ra ông Vũ một người nếu không gốc Việt thì cũng đã Việt hóa hầu hết. Có lẽ vì thế mà truyền thuyết cho là ông lấy vợ Việt và khi chết cũng chôn ở đất Việt là Cối kê (Danses 266) Sách Trúc thư kỷ niên quyển 3 nói «Mẹ ông Vũ tên là *Tu Kỷ*. Đẻ con phía *lưng*, khi lớn lên hai tai ông đều có *ba* lỗ, chân đi như dáng chữ *Kỷ* nên gọi ông là Văn mệnh. Ông có thánh đức, cao 9 thước 9 tấc, mộng thấy mình tắm rửa trong sông, nên lấy nước mà uống liền được điềm tốt là con hồ 9 đuôi, được thần sông hiện ra phán bảo «Văn mệnh trị thủy Ngôn cật, thu Vũ Hà Đồ, ngôn trị thủy chi sự» 文命治水言訖，授禹河圖，言治水之事.

Nhờ đó ông Vũ trị được nước, nên cây cối tốt tươi và Thanh long *chỉ* vu *giao*. Chúc Dong chi thần giáng vu Sùng sơn. «Được ông Thuấn truyền cho ngôi thiên tử, và liền được *qui thư* là Hồng Phạm, đóng đô ở Dương thành».

Đây là một trang huyền sử nói về mối liên hệ giữa ông Vũ và Việt tộc rõ nhất. Ông Vũ là nhà Vua đầu tiên của nước Tàu, thế mà lại theo tinh thần phương Nam «dĩ tu thân vi bản» cũng gọi là *Tu kỷ* nên Mẹ ông có tên là *Tu kỷ* con đi có dáng chữ *kỷ*, đẻ ra phía *lưng*, mà lưng là dương đối với bụng là âm. Vì thế đóng đô ở *Dương* thành, một miền của *Dương* tử giang, nơi lấy *nước* làm tiêu biểu *minh triết*, nên ông Vũ uống *nước* liền được điềm tốt là con hồ 9 đuôi. Chín đuôi là *Cửu* trù của *Cửu* dân. Vì 9 là số nhân của tam, là Tam Miêu, nên tai có ba lỗ là để nghe mệnh *trời*, mệnh *đất*, mệnh *người* hòa hợp nên gọi là *Văn mệnh*. Vì thế sử

TỔNG TẬP DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

mệnh của ông phải đi theo lối văn, chứ không theo lối võ, mà lối văn là trị thủy theo nền Minh triết của Hà Đồ, của qui thư là Hồng Phạm. Ta biết Hồng Phạm không dạy phép trị thủy mà là trị nước, vậy hai chữ, «Trị Thủy» ở đây phải hiểu theo nghĩa nước là quốc như tiếng Việt, là nước chủ tịch trong cõi Đông Nam, cũng là một nước duy nhất dùng chữ *Nước* theo hai nghĩa Thủy và Quốc y như trong «Hà Đồ, ngôn trị thủy chi sự» thì chữ thủy đây cũng phải hiểu là Quốc. Và khi Kinh Thư nói, ông Vũ đào sâu sông, (tuấn xuyên 濬川) thì phải hiểu xuyên là minh triết, vì minh triết đông phương toàn xuất tự *Nước* như Hà Đồ Lạc thư... Chính vì ông Vũ đã biết «Tuấn xuyên» nên Kinh thư mới tặng cho ông 4 chữ «tuấn triết văn minh» (Thuấn điển I) 濬哲文明.

Vậy nhờ «Tuấn triết», gọi khác đi là, «Tuấn xuyên» hay là «trị thủy» mà cây cối tốt tươi, gây thịnh vượng cho nước, nên được điềm lành hiện ra là «Thanh Long *chi* vu *giao* Chúc Dong giáng vu Sùng Sơn».

Thanh Long là chòm sao phương Đông hiện ra ở phía Nam (giao). Chú ý hai chữ *Giao chỉ* đã lộ dạng nơi đây. Chúc Dong là thần lửa chỉ phía nam. Thế nghĩa là Văn minh Đông Nam phát triển tức cũng là Việt Đạo được thể hiện với nhà Vua đầu tiên của nước Tàu. Đó là nhà Hạ do ông Đại Vũ, nên khi Khổng Tử nói «phải theo triết lý chữ Thời của nhà Hạ, Hành hạ chi thời» thì cũng chính là, «Hành Việt chi đạo» vậy.

Vì lý do đó mà quyển Chữ Thời, mới lấy khung của Hồng Phạm để quảng diễn nền minh triết của Việt Nho.

Nhân nói đến chữ Việt xin kể chi tiết nhỏ sau đây:

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Trong mấy thiên đầu của Kinh Thư chữ viết 曰 cũng đọc là việt 粵: 曰若稽古＝粵若稽古 «Viết nhược kê cổ» cũng là «Việt nhược kê cổ». Các nhà chú giải lâu đời nhất như Mã Dung và Không an Quốc cũng chỉ giải nghĩa rằng đó là câu nói giáo đầu (phát ngữ từ) nhưng không đưa ra lý do tại sao lại dùng câu đó, tại sao chữ viết với Việt lại dùng lẫn lộn. Sau đây là giả thuyết làm việc của chúng tôi. Có lẽ câu đó do một người Việt được tuyển lựa để viết ra. Vì có truyền thuyết rằng, Nước Việt Thường cống con rùa có mang trên lưng lịch sử gốc tích trời đất viết bằng lối chữ «cổ văn tự» nhân đấy vua chọn nhân tài trong đất Việt để viết lịch sử. Vì thế mà có câu lạp lờ mở đầu «*Việt nhược kê cổ*». Cả Mã Dung lẫn Khổng an Quốc đều cho chữ *nhược* là *thuận*, chữ *kê* là *khảo*. Vì thế câu trên có nghĩa rằng: người Việt thuận ý Vua xin kê cứu việc cổ xưa». Nếu câu nói «*Viết* nhược kê cổ» thì ra câu văn thiếu chủ từ (sujet). Còn thay vào bằng chữ Việt thì có chủ từ, nhưng phải cái phiền là ghi công người Việt vào đầu Kinh Thư không tiện, nên cho rằng chữ Việt với Viết như nhau, rồi sau này ai có «tai» thì hiểu.

Trên đây chỉ là một giả thuyết đúng hay sai khó ai tìm ra lý lẽ đủ, có điều nó diễn tả được nội dung Kinh thư đầy chất Viêm Việt, chẳng hạn «khả ái phi quân, khả úy phi dân» (Đại vũ mô câu 17) «Đáng yêu không ngoài vua, đáng sợ không ngoài dân». Sách «Nhật giảng» giải rộng bằng câu sau: «quân sở khả úy, khởi phi dân hồ»: Những người đáng cho nhà vua sợ thì còn ai nữa ngoài dân? Đúng giọng Viêm Việt đặt dân ngang với trời: «Thiên thông minh tự ngã dân thông minh». Vì thế có thể nói tất cả Kinh thư được bao trùm trong bầu khí kinh

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thái Hà HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nề dân như vậy xem chẳng hạn những thiên ngữ tử chi ca. Duyệt mệnh vô dật, Quân Thích v. v... cho nên giả thuyết Kinh thư do người Việt như vừa nói trên nếu có sai chi tiết thì vẫn đúng với sự thực lớn lao.

Sự thực đó nằm trong phương trình: «thiên thông minh tự ngã dân thông minh. Thiên minh quý tự ngã dân minh úy... đạt vu thượng hạ» (Cao dao mộ): Trời thông minh là do dân ta thông minh. Trời ưng thuận hay biểu lộ uy thế là tự dân ưng thuận hay biểu lộ uy thế, trên dưới liên hệ như một». Theo câu trên ta có thể nói rộng ra rằng, nếu Trời cầm buộc thì dân cũng cầm buộc, nếu Trời ban cho thì là dân ban cho. Nên khi Kinh Thư nói «Thiên mãi tích Vũ Hồng phạm cửu trù» thì có nghĩa là «dân nãi tích Vũ Hồng phạm Cửu trù» vì tích là ban ra bằng nói thế mà ông trời Đông phương không nói, thì chính là dân nói mà thực tế là Cơ Tử, tức một đại diện của Viêm Việt. Hoặc nói về trước là *con rùa* mang trên lưng 9 số; từ 1 đến 9 tức là gồm hết lịch sử tạo thiên lập địa nên cùng một họ với con rùa mà Việt Thường cống vua Nghiêu đội trên lưng lịch sử đất trời. Đó cũng chính là Lạc thư gồm 65 chữ «lục thập ngũ tự giai Lạc thư hồn văn» (tiền Hán thư. Ngủ hành chí thượng). Hoặc trên nữa là con rùa đội Lạc Thư lên cho vua Phục Hi... cũng như sau này Thần kim Qui vẽ bản đồ giúp vua An Dương Vương xây Loa thành và giữ nước v. v... Tất cả trong bấy nhiêu truyện đều nói đến rùa. Vậy có nghĩa là gì? Thưa tất cả đều chỉ biển triết vì chữ *hiền* 𧘇 triết với bộ bối 貝, mà bối chỉ các loài sò dùng vỏ làm tiền cùng có liên hệ với rùa (qui bối). Rùa là giống sống lâu có cả từng ngàn năm, mà sống lâu thì linh thiêng: «qui tuế cửu tắc linh» mà linh thì tỏa ra cùng trời khắp đất. Con rùa cũng đáp ứng điều này vì lưng tròn chỉ Trời, 4 chân chỉ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đất, lại là giống sống dưới *nước* và có rất nhiều ở miền Dương tử Giang... Vì thế nên Viêm tộc dùng rùa để chỉ *Hiền* triết. Và khi nói Việt Thường cống vua Nghiêu con rùa... thì phải hiểu là có sự hiện diện của một *hiền* triết trong phái đoàn. Rất có thể phái đoàn đã đem đến một con rùa trên lưng có một số chữ... Những chữ đó nói gì, ai viết, tại sao lại viết trên lưng rùa, mà không trên lưng con khác... Thì tất cả đều đòi hỏi một trí óc vĩ đại mà người ta quen gọi là *hiền* triết. Việt Thường cống Vua Nghiêu con rùa sống lâu năm... có ý nghĩa sâu xa rằng một số hiền triết của Viêm Việt chịu ra giúp vua Nghiêu, trong đó có việc biên ra Kinh Thư ở những chương đầu. Rùa sống trong nước, hiền triết sống giữa dân, là đại diện trung thực của dân. Dân là nước, trị nước là trị dân, nước cho là dân cho. Hà xuất Đồ Lạc xuất thư là dân cho Hà Đồ dân cho Lạc thư. Ông Vũ được «trời» cho Hồng Phạm, là được dân cho Hồng phạm và nhờ đó ông trở thành «Hữu Hạ» 有夏 có nghĩa chiếm được hay trị được các nước phương *nam* (mùa *hạ*) và do đấy lập ra nhà Hạ, thì trong thực chất có nghĩa là lập thành liên bang Việt *nam*. Việc đó được nói lên bằng huyền thoại rằng khi vua Vũ tuần thú phương Nam ra đến giữa sông Dương tử thì có hai con rồng vàng đội thuyền lên, đoàn tùy tùng sợ hãi kinh hồn, nhưng vua Vũ cười mà nói: Ta chịu mệnh Trời, xuất tận lực nuôi người sinh ra là Tĩnh, chết là Mệnh. Việc chi phải sợ rồng. Rồng liền cụp đuôi mà đi.

(Trích quyển «Việt lý tố nguyên» chưa ra)

KIM ĐỊNH

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

QUAN NIỆM DÂN CHỦ TRONG HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG KHỔNG HỌC

DÂN VI QUÝ, XÃ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH.
TÒNG ĐẠO BẤT TÒNG QUÂN.

I

Năm 1915 các trường thi Nho học ở Bắc Việt bị đóng cửa, và năm 1918 các trường thi ở Trung Việt cũng đóng cửa theo. Quyết định đó của chính phủ Bảo Hộ Pháp đánh dấu sự cáo chung chính thức của hệ thống giáo dục cổ truyền của Việt Nam, một hệ thống khởi đầu từ Triều Lý. Từ 1918 trở đi học sinh Việt Nam chỉ có thể lựa chọn giữa hệ thống Pháp Việt hoặc hệ thống Pháp thuần túy.

Quyết định đóng cửa các trường thi nói trên không phải là một quyết định hoàn toàn Pháp. Nó chỉ là thành quả của phong trào «Duy Tân» được phát khởi vào đầu thế kỷ XX với sự hô hào canh tân xứ sở và lén lút gởi sinh viên qua học ở Nhật bản do cụ Phan Bội Châu chủ trương và tổ chức (Phong trào «Đông Du»). Sau năm 1917, phong trào «Đông Du» đinh trệ vì chính phủ Nhật, muốn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

gây thiện cảm với Pháp, không khuyến khích sinh viên Việt Nam sang Nhật Bản nữa. Từ đó phong trào «Duy Tân» chuyển hướng và được phong trào «Tây Du», hay «Tây học» dần dần thay thế (Nhưng thật ra ta chỉ đem tinh thần từ chương từ Nho học vào Tây học). Nhưng ngay từ trước năm 1917, hội Đông Kinh Nghĩa Thục đã hô hào cắt tóc, cạo răng, mặc Âu phục, đội mũ Tây, đi giày Tây, dạy các môn mới, và năm 1907 đòi chính phủ Bảo Hộ Pháp mở Đại Học cho sinh viên Việt Nam (dưới thời Toàn Quyền Paul Beau).

Vậy thật ra, không phải riêng gì người Pháp mà chính người Việt Nam cũng muốn bãi bỏ Nho học, quay lưng lại hệ thống cho giáo dục cổ truyền của ta, một hệ thống đã làm căn bản tư tưởng, đạo lý, cũng như phong tục, tổ chức chính trị và xã hội Việt Nam trong gần hai ngàn năm. Ý nguyện dẹp bỏ hệ thống cổ truyền đó xuất phát từ nhận định rằng nước ta bị Pháp đánh bại, xâm chiếm và đô hộ vì quốc gia và xã hội Việt Nam xây dựng trên Nho học, và muốn hùng cường, có thể ngang hàng với Âu Tây, hay đánh bại Âu Tây, Việt Nam phải bỏ Nho học là cái dở, để đi theo con đường Âu Tây là con đường hay. Sự vươn lên của Nhật Bản (đánh lại Nga năm 1905 và được liệt vào hạng cường quốc trong Thế Giới Chiến thứ nhất) được đem ra làm một ví dụ điển hình để biện hộ cho nhận định nói trên.

Nhận định này không phải là sai, nhưng cũng không đúng hẳn. Nho học không phải là dở, nhưng *thiếu*, và cái thiếu đó nằm ở lãnh vực khoa học và kỹ thuật. Thay vì phải bồ túc cho nó, những người chủ trương «duy tân» đã *đồng hóa duy tân với theo Âu Tây* (hay Âu Mỹ) một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

cách triệt để và mù quáng. Thay vì sửa đổi những chỗ dở của ta và thêm những gì ta thiếu sót, những người đó đem vất tất cả cái dở lẫn hay của ta và bắt chước cái dở của người. Và cái dở này là nền văn minh khoa học kỹ thuật bị vật chất, tinh thần thủ lợi, và cá nhân chủ nghĩa chi phối, dựa trên sự tự do cạnh tranh, hay giai cấp đấu tranh, một nền văn minh vì vậy mà đi đến chen lấn, chà đạp, tranh chấp, chém giết nhau trong lãnh vực quốc hội cũng như quốc tế. Nền văn minh đó có hai khía cạnh: khía cạnh cá nhân chủ nghĩa tư bản (Adam Smith) và khía cạnh tập thể chủ nghĩa cộng sản (Karl Max). Cả hai chủ nghĩa đều chấp nhận thuyết tranh đấu để sống của Darwin và tôn thờ kỹ nghệ sản suất và máy móc (hình thực cụ thể của khoa học và kỹ thuật), gạt bỏ các giá trị tinh thần, đạo lý, và nhân phẩm con người. Cả hai nền văn minh (hay hai khía cạnh của nền văn minh khoa học kỹ thuật) đó đều đưa đến bế tắc, mà hậu quả ngày nay là cuộc chiến tranh tàn khốc ở trên đất Việt, cũng như những sự tranh chấp càng ngày càng lớn rộng và trầm trọng ở các nước tạo tác ra nền văn minh đó. Văn minh Âu Tây đã lâm vào tình trạng khủng khoảng vĩ đại.

Nếu không có sự khủng khoảng trầm trọng nói trên thì có lẽ ngày nay dân Việt, và nhất là giới suy tưởng Việt, vẫn tiếp tục xồng xộc đuổi theo Âu Mỹ và khinh rẻ tất cả những giá trị Việt Nam nói riêng và Đông Phương nói chung. Nhưng nay tình hình đã sáng tỏ. Ta không thể phủ nhận rằng xã hội Âu Tây (cả Âu Mỹ lẫn Nga, cả tư bản lẫn cộng sản) đã đi đến chỗ bế tắc, vì văn minh của họ xây trên sự sùng bái khoa học kỹ nghệ, bỏ bê những giá trị tinh

HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thần và đạo lý. Trong lúc chính các nước Âu Mỹ đang nghi ngờ trầm trọng văn minh của họ và đang tìm cách thoát ra không lẽ ta lại nhắm mắt đâm đầu vào nơi bế tắc? Sự khủng khoảng của Âu Mỹ hiện nay là một dịp cho ta xét lại hệ thống tư tưởng Nho học, là hệ thống căn bản của quốc gia và xã hội Việt Nam, mà hiện nay ảnh hưởng thực tế trong dân chúng còn sâu đậm. Nhưng trước khi xét lại và sửa sai, ta cần phải kiểm điểm lại những gì ta đã có, để phân tách, cân nhắc, lựa chọn, phê phán và sửa đổi. Bước đầu trong công việc này là nghiên cứu lại hệ thống Nho học của ta.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng ý thức của sự cần thiết nghiên cứu này không phải là mới. Phong trào « về nguồn » này — nếu nó thành hình — chỉ là làn sóng thứ ba. Làn sóng thứ nhất đã nổi lên sau năm 1930, và thành quả của nó là sự phục hưng Việt ngữ, Phật giáo và sự đào tạo một số học giả hiện đang cố gắng sưu tầm, nghiên cứu, sáng tác trong tinh thần « về nguồn » ngày nay. Nhưng làn sóng thứ nhất đó đã bị chiến tranh 1945-54 làm cho yếu đi. Những thắng lợi giai đoạn của cộng sản quốc tế và Việt Nam đã làm cho một số người suy tưởng Việt Nam nghi hoặc những giá trị cổ truyền, nhất là những giá trị tinh thần đạo lý, và để cho ý thức hệ Mác Xít cám dỗ. Sau 1954, một làn sóng thứ hai xuất hiện và cho ta một số tác phẩm và nhất là dịch phẩm từ chữ Nho ra Việt ngữ, cống hiến cho những người nghiên cứu ngày nay những dụng cụ vô cùng qui giá. Nhưng làn sóng thứ hai này cũng bị chiến tranh làm cho suy yếu đi nhất là sau khi văn hóa Mỹ — với sự tôn sùng thần tiền và thần sản xuất, và khinh miệt những giá trị tinh thần và cổ truyền — ào ào tràn vào Việt Nam sau năm 1965.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẤN HÓA
Thư Viện
HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

May thay, sự thất bại của Mỹ lẫn Nga (và Trung cộng) gần đây đã tái lập quân bình và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát khởi làn sóng thứ ba hiện nay.

II

Một trong những trở ngại cho phong trào « về nguồn » hiện nay là vấn đề danh từ. Nhiều người lẫn lộn cái phu và cái chính, danh và thực, hình thức và tinh thần, mạc và bản. Nếu chỉ xét hình thức, thì các khái niệm quân thần, tôn ti trật tự, danh phận, trung tín, nhân nghĩa, quân tử, tiểu nhân, v.v... chỉ là những cái gì dính liền với một chế độ đã lỗi thời, và như đã nói ở trên, bị gán cho trách nhiệm đã làm mất nước và [illegible] của dân tộc ta ngày nay. Nhưng đó là sự tử chương của giới hủ nho (hay ngụy nho) tồn tại trong óc tử chương của thế hệ hiện tại. Thật ra, tư tưởng của Khổng học là một tư tưởng lấy những khái niệm *dịch, biến, tùy thời,* làm trọng. *Kinh Dịch* nhắc nhở: 1./ *Thế dị tắc sự dị, sự dị tắc bị biến:* đời khác thì việc khác, và việc khác thì ta phải đối phó cách khác; 2./ *Cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu:* Cùng thì phải biến, có biến mới thông, có thông mới lâu dài, 3./ *Tùy thời chi nghĩa đại hỷ tai:* tùy thời là cái lớn của nghĩa. *Trung Dung* cũng nói rõ rằng học thì phải *thẩm vấn, thận tư* (xét cho kỹ, nghĩ cho kỹ) thay vì học như vẹt. Mạnh Tử cũng nói: *Tận tín thư bất như vô thư:* tin sách một cách mù quáng cũng như không đọc sách! Đại học lấy *tân dân* làm một trong những mục đích chính yếu của những kẻ học nghề cai trị dân, nhắc nhở ta phải *nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân (Đại Học)* và *ôn cố nhi tri tân (Trung Dung).*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Xét kỹ tinh thần Nho học, ta không thấy Khổng Tử và môn đệ dạy người phải ôm ghì lấy những gì cũ kỹ hãy từ chối tất cả những gì mới mẻ. Như vậy lối học từ chương không phải do áp dụng tư tưởng Khổng học mà do ở tư cách tì tiện của người học. Mà chính cũng vì những kẻ tì tiện đó chuyên tinh thần từ chương, vụ lợi, từ Nho học qua Tây học, mà ngày nay Việt Nam, sau hơn nửa thế kỷ Tây học, vẫn lẽo đẽo đi sau người ta, vì cái hay của người thì chưa viu được mà cái dở của mình thì vẫn ôm !

Trở lại vấn đề danh từ, nếu thay vì quân ta hiểu quốc thủ (quốc trưởng, chủ tịch, Tổng thống, Thủ tướng hoặc lãnh tụ, thủ lãnh); thần ta hiểu Tổng Trưởng, Bộ Trưởng, và nói chung công chức; hiền, sĩ, quân tử, đại trượng phu, thượng tú ta hiểu những người có tài đức, có học, có khả năng (élite); dân, thứ dân, ta hiểu nhân dân, dân chúng, quốc dân; an, phú, lạc ta hiểu an ninh, sung túc, hạnh phúc, thì khi đọc lại những tác phẩm xưa ta không thấy nó lỗi thời chút nào cả. Ví dụ «quân quân, thần thần» phải hiểu theo nghĩa: Tổng Thống phải ra Tổng Thống, Tổng Trưởng phải ra Tổng Trưởng, Giám đốc phải ra Giám đốc, Giáo sư phải ra Giáo sư, Sinh viên phải ra Sinh viên, v.v... Nếu vậy, tư tưởng Khổng học vẫn còn mới mẻ và hợp thời.

Những người trong thế hệ hiện tại và thế hệ sắp trưởng thành, theo Tây học mà không được cái may mắn biết qua Nho học nhờ sự chỉ giáo của cha mẹ hay của thầy được hấp thụ ít nhiều Nho học, chỉ có thể tư tưởng về các vấn đề chính trị xã hội qua danh từ và hệ thống tư tưởng Âu Tây, tất cảm thấy bỡ ngỡ xa lạ trong một xã hội tuy bên ngoài có vẻ Âu

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƠ VĂN HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hóa nhiều ít, nhưng bên trong còn đậm tinh chất Nho và sẽ khó mà gây được tiếng vang gì trong tâm hồn đại chúng dân Việt. Chỉ cần phân tách kỹ danh từ được dùng hàng ngày ta sẽ thấy Nho học đè nặng trên tư tưởng của người dân ta thế nào, và ta thấy sự nhập cảng những danh từ Âu Mỹ («Chánh phủ của dân, do dân, vì dân» — thay vì «dân vi quý» trong lời mở đầu của Hiến Pháp miền Nam, hay «chính quyền nhân dân» thay vì «duy dân» trong Hiến Pháp miền Bắc,) là một điều cần phải xét lại trên nguyên tắc «Người Việt có tư tưởng của người Việt, và tư tưởng qua ngôn ngữ của người Việt». Nếu ta bị nô lệ Âu Mỹ, sự nô lệ đó do danh từ nhiều nhất, vì nếu ta chỉ có thể tư tưởng qua danh từ Âu Mỹ, tất nhiên ta đã chấp nhận tư tưởng Âu Mỹ rồi: xác Việt, hồn Âu!

Tưởng cũng cần nói ngay là Khổng học chỉ là một phần của Nho học, mà Nho học gồm cả Phật học lẫn Lão học, theo tinh thần học hỏi truyền thống của ta (Tam Giáo) từ Triều Lý cho đến Triều Nguyễn (cho đến năm 1945 Bộ Lễ vẫn có trách nhiệm trông coi văn miếu và một số chùa chiền thuộc nhà vua). Phần khác, Khổng học nên hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là gồm không những tư tưởng của Khổng Tử, mà cả môn đệ gần nhất của người, là Mạnh Tử và Tuân Tử là những người mà tư tưởng gần tư tưởng Khổng Tử nhất. (Từ Hàn Phi trở đi, tư tưởng của các triết gia khác xa lần tư tưởng nguyên thủy của Khổng Tử). Vì Khổng Tử chủ trương dấn thân vào chính trường, lấy chính sự và trị quốc làm trọng, nên về phương diện chính trị, tư tưởng Khổng học nặng hơn Phật học và Lão học; cho nên khi nói đến hệ thống tư tưởng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

chính trị xã hội Nho học là nói đến hệ thống tư tưởng Khổng học.

Trong bài nầy ta sẽ bàn đến khía cạnh bị hiểu lầm nhất về Khổng học, là quan niệm tư tưởng chính trị Khổng học hủ bại, lỗi thời, phản động, vì nó chủ trương «tôn quân», đi ngược chiều hướng dân chủ.

III

Đối với Khổng học, chính trị là việc quan trọng nhất: *Chính giả chính giả* (Luận Ngữ), và là việc lớn nhất trong đạo làm người; *Nhân đạo chính vi đại.* (*Lễ Ký*). Là người có học (*sĩ*) thì phải tham gia vào chính sự. Người quân tử không ra tham gia việc nước là vô nghĩa: *Bất sĩ vô nghĩa... Quân tử chi sĩ giả, hành kỳ nghĩa giả* (*Luận Ngữ*). Ta cũng nên nhớ rằng chữ *Nho* là kết hợp của hai chữ *Nhân* và *Nhu*. Nhu là cần dùng, mà cũng có nghĩa là chờ đợi. Cho nên Nho là người học giỏi biết đạo, hiểu việc trời, việc đất, việc người, xã hội cần đến, và chờ đợi người ta mời để đem tài trí của mình ra giúp đời. Kẻ sĩ phải giúp vào việc «trị quốc», «tân dân». Mục đích của Nho sĩ không phải là *lợi*, mà là *nghĩa*. Lợi là mối lo của tiểu nhân: *Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi* (Luận Ngữ). Nếu chỉ lo lợi nhỏ thì hư việc lớn, nghĩa là việc nước: *Kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành* (*Luận Ngữ*). Mà người quân tử đã học cốt để đem cái học ra dùng vào việc lợi ích chung thì phải học cho đến khi làm được (hành). Nếu biết mà không làm được là không biết. *Học chỉ ư hành chi nhi chi* (Tuân Tử). Sách *Trung Dung* cũng khuyên

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

người học phải học cho rộng (*bác học*), học cho kỹ (*thẩm vấn, thận tư*) có thể diễn tả rõ ràng cái minh biết (*minh biện*), nhưng học cốt hành, và đã học được rồi thì phải ráng sức mà làm (*đốc hành*). Quan niệm này khác xa quan niệm học để mong đỗ đạt, với mục đích «trước là đẹp mặt sau là ấm thân».

Người cầm quyền tối thượng; Vua (Đế) hay (Vương) được địa vị đó là vì Trời muốn. Trời muốn thì được. Trời không muốn thì không được, và Trời hết muốn thì mất. Đó là thuyết «Thiên mệnh». Quyền của Vua không xuất phát từ dân. Nói một cách khác, quốc gia Khổng học không xuất phát từ dân hay ý muốn của dân: nguồn gốc của nó là *thần quyền*. Nói như vậy không phải là quốc gia Khổng học không có tính cách dân chủ. (Ta sẽ bàn về điểm này ở một đoạn sau). Nhưng đặc tính của nó vânlà chính quyền không do dân mà có. Quyền của Vua (hay nếu dùng danh từ tương đương ngày nay: Tổng Thống, Chính Phủ) không do dân, mà do Trời trao cho. Vì vậy, người cầm quyền khi đưa ra những biện pháp cai trị dân chỉ hành động «theo mệnh Trời» (*Phụng Thiên Mệnh*).

Vì địa vị và quyền của mình không do dân mà ra, không nhờ dân mà được, nên Vua không có trách nhiệm gì đối với dân. Trách nhiệm đây hiểu theo nghĩa hợp đồng: Vua không nợ dân gì cả. Vua chỉ nợ Trời. Dân không thể giới hạn quyền vua. Nghĩa là quốc gia Khổng học là một quốc gia chuyên chế. Nhưng chuyên chế này chỉ là chuyên chế pháp lý. Thật ra nó không có tính cách tuyệt đối.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Ta nên nhớ rằng Khổng học chỉ được tôn trọng và đưa lên hàng quốc giáo vào Triều Hán, sau một thời gian bị Tần Thủy Hoàng khủng bố, thanh toán, vì cho rằng Nho sĩ chỉ làm rối loạn nhân tâm. Sau vụ đốt sách, chôn Nho thời Tần Thủy Hoàng, (213 và 212 tr. K.N.) Nho sĩ tất phải dè dặt. Chính Hán Cao Tổ (Lưu Bang), sau khi lên ngôi (202 tr. K.N.) cũng khinh bỉ giới Nho sĩ, gọi họ là «ngu nho», vì vua không phải nhờ học nhưng nhờ ngồi trên lưng ngựa mà chiếm được địa vị Chủ Tể Thiên hạ *(cư mã thượng nhi đắc Thiên hạ)*. Tuy vậy, Lưu Bang biết mình cũng cần Nho sĩ, vì hiểu rằng ngồi lưng ngựa chiếm được quyền, nhưng muốn giữ quyền đó binh lực không đủ. Ngược lại, giới Nho sĩ thời đó cũng phải chịu vua nếu không muốn cảnh đốt sách chôn Nho tái diễn, và dựa vào Vua để gây ảnh hưởng cho mình. Trong tình trạng đó, vua nhà Hán dung dưỡng, cất nhắc Nho sĩ để dùng uy tín của họ, nhưng ngược lại giới Nho sĩ ủng hộ, củng cố địa vị nhà vua. Hậu quả của sự trao đổi đó là sự đề cao thuyết tôn quân, và thần quyền. Khía cạnh thần thoại và chuyên chế của chính quyền được nhấn mạnh, và những gì giới hạn quyền hành của Vua được lờ đi. Nhưng chính những giới hạn này trong tư tưởng Khổng học quan trọng gấp mấy phần tôn quân. Ta không thể quan niệm rằng những đại trí như Khổng Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử, không thấy cái nguy của một chế độ chuyên chế tuyệt đối. Thật vậy, trong những sách của ba vị ấy để lại khía cạnh kìm chế quyền của vua (hay những nhà cầm quyền) được trình bày rất rõ ràng. Những điều Khổng, Mạnh, Tuân đưa ra có thể làm căn bản cho một chế độ dân chủ thật sự, mà ta có thể tóm tắt với hai khẩu hiệu:

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

1) *dân vi qui, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.*

2) *tòng đạo bất tòng quân.*

Ta quen với tư tưởng Âu Mỹ, nên khi đề cập đến dân chủ thì nghĩ ngay đến tuyển cử. Trong tư tưởng chính trị Âu Mỹ một chính phủ dân chủ là một chính phủ do dân bầu ra được coi như là đại diện cho dân, bảo vệ quyền lợi của dân, và đương nhiên được dân chấp nhận. Nhưng những cuộc khủng hoảng chính trị làm lay chuyển chính phủ Âu Mỹ — được coi là chính phủ dân chủ điển hình — trong mấy năm gần đây, và hiện đương còn diễn ra, buộc ta phải xét lại vấn đề. Chính phủ De Gaulle do dân Pháp bầu ra theo thể thức «dân chủ» nhưng dân chúng vẫn biểu tình, xuống đường chống đối. Chính phủ Wilson, trên lý thuyết đại diện cho giới lao động Anh, nhưng lại bị giới lao động đó chống đối rất mạnh mẽ. Chính phủ Johnson hoặc Nixon đều do dân Mỹ bầu lên, nhưng đều bị dân chúng chống đối. Như vậy, ta có quyền nghĩ rằng những chế độ xuất phát từ tuyển cử chưa hẳn là dân chủ, hoặc có dân chủ đi nữa chỉ là dân chủ hình thức. Một chế độ dân chủ thật sự là một chế độ thương dân và lo cho dân. Đây là điều thật sự căn bản, và căn bản thật sự này chính là trọng tâm tư tưởng chính trị của Khổng học. Theo tư tưởng này, vấn đề hệ trọng không phải vấn đề hình thức, nghĩa là chính phủ (vua) được lựa chọn thế nào, nhưng là vấn đề nhiệm vụ, hay nói rõ hơn, vấn đề những người cầm quyền (Vua, Tổng Thống, Chính phủ v.v...) có làm đúng vai trò mà chức vị của mình đòi hỏi hay không. Nếu họ làm tròn nhiệm vụ đó là đúng «Thiên mệnh», và ngôi vững chãi và lâu dài;

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nếu không là trái «Thiên mệnh» và sẽ đổ.

Ta thường nghe nói dân Việt Nam (hay Trung Hoa) dễ cai trị. Ai đương nhiên chiếm được chính quyền là được quyền cai trị. Dân không đặt vấn đề. Làm sao chiếm được chính quyền thì thôi. Chiếm được chính quyền (làm vua) có thể là Trời muốn, Trời cho một cơ hội lớn. Vấn đề mà dân Việt, cũng như các dân khác theo tư tưởng Khổng học cho là hệ trọng hơn, là *người nắm chính quyền có xử dụng chính quyền một cách đứng đắn, đúng với ý Trời* thì phải biết lòng dân. [illegible] trời thì phải biết lòng dân. [illegible] *không*. Và muốn biết [illegible] một *sứ mạng* Làm vua không phải là một chức vị mà là [illegible] của Trời giao phó. Sứ mạng đó là bảo vệ dân, lo cho dân. *Bảo dân*. Nếu vua không làm tròn sứ mạng đó thì không giữ được địa vị mình.

Không biết mệnh Trời không phải là quân tử: *Bất tri Thiên Mệnh vô dĩ vi quân tử giả* (Luận ngữ). Mệnh trời không vĩnh cửu: *Duy mệnh bất vu thường* (Kinh thư). Nhưng làm sao biết ý trời? Muốn biết ý Trời thì phải xem lòng dân. Trời thấy là dân thấy, Trời nghe là dân nghe: *Thiên thị tự ngã dân thị, Thiên thính tự ngã dân thính* (Kinh thư). Trời thương dân, dân muốn thì trời theo: *Thiên căng vu dân, dân chi sở dục, Thiên tắc tòng chi* (Kinh thư). Trời với dân thông đạt với nhau, sáng suốt của Trời là sáng suốt của dân: *Thiên thông minh tự ngã dân thông minh* (Kinh thư). Trời sinh ra dân không phải vì vua, Trời lập ra vua là vì dân: *Thiên chi sinh dân phi vi quân giả; Thiên chi lập quân dĩ vi dân giả* (*Đại lược*). Vì vậy vua phải theo dân *(duy dân)*. Nếu Vua muốn thay trời làm cha mẹ dân, thì điều gì dân thích vua phải thích, điều gì dân ghét Vua phải ghét: *Dân chi sở hiếu, hiếu chi;*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

dân chi sở ố, ố chi; thử chi vị dân chi phụ mẫu (Đại học).

Nói tóm, vì Trời thương dân nên lập ra vua (Chính Phủ, người lãnh đạo) để bảo vệ dân là lo cho dân. Nhưng «bảo dân» là lo cho dân an, tránh việc binh đao. Không tử nhấn mạnh rằng đối với vua có ba điều quan trọng: đủ ăn, đủ binh, dân tin, (*túc thực, túc binh, dân tín*). Nhưng trong ba điều đó nếu phải bỏ một, thì người cai trị phải bỏ việc binh trước. Mạnh Tử đi xa hơn một bước nữa. Mạnh Tử coi «cuồng chiến» là một tội rất nặng. Ông nói rằng người trị dân mà khoe rằng mình bày trận giỏi, đánh giặc giỏi, là người có tội lớn: *Ngã thiện vi trận, ngã thiện vi chiến, đại tội giả* (*Tận Tâm*). Đánh nhau để lấy đất, giết người đầy đồng; đánh nhau để lấy thành, giết người đầy thành; như thế là đem đất ăn thịt người, tội ấy đem xử tử còn chưa hết tội: *Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh thành, thử sở vị xuất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử* (*Ly Lâu*).

Sau việc tránh binh đao là lo cho dân đông (*thứ*), lo cho dân giàu (*phú*), lo cho dân được học hành mở mang trí tuệ để tiến luôn (*giáo, nhật tân*). Nhưng quan trọng hơn nữa là lo sao cho trong nước có sự công bình. Vua (người cai trị) không lo ít người, không lo nghèo, chỉ sợ không đồng đều, và bất an. *Bất hoạn quả, nhi hoạn bất quân, bất hoạn bần nhi hoạn bất an* (Luận Ngữ) Vua phải theo pháp luật như mọi người, cùng với dân mà hưởng phú qui, cùng với dân mà chịu lo sợ: *lạc dân chi lạc, ưu dân chi ưu* (*Lương Huệ Vương*). Vua phải làm gương, phải làm trước (*tiên chi, lao chi*). Vua phải coi dân như thân thể tay chân của mình. Và vua cai trị phải để cái nghĩa lên trên cái lợi. Nếu để lợi thắng nghĩa là loạn: *lợi*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

khắc nghĩa giả vi loạn thế (Đại học). Nếu vua chỉ lo lợi cho mình, thì các quan đại phu chỉ lo lợi gia đình họ: nếu các quan đại phu chỉ lo lợi cho gia đình họ thì thứ dân chỉ lo cho thân riêng của họ. Như vậy nước sẽ nguy.

Nếu vua làm tròn phận sự của mình, thì dân thương yêu và ủng hộ, và nhờ đó vua sẽ tồn tại. Tuân Tử nói: Vua với dân như thuyền với nước: nước chở thuyền nhưng nước lại đắm thuyền. Vua với dân như tâm, thể: vua (quốc trưởng người lãnh tụ) nhờ dân mà còn, cũng vì dân mà mất: *quân dĩ dân tồn, diệc dĩ dân vong.*

Những tư tưởng trên là những tư tưởng vô cùng dân chủ. Nhưng Khổng học còn đi xa hơn nữa, và đề cập rõ ràng đến quyền truất phế và giết vua nếu vua không làm tròn nhiệm vụ *bảo dân* của mình, vì lúc đó vua không còn là vua nữa mà chỉ là một người thường. Hơn nữa, nếu vua tàn bạo với dân, vua chỉ là một tên giặc. *(Tặc nhân giả vị chi tặc)* Tuân tử nhấn mạnh: khi vua là người tàn bạo thì Thiên hạ có quyền trừ bỏ, giết vua tàn bạo một nước cũng như giết một đứa độc phu: *Trụ bạo quốc chi quân nhược tru độc phu (Chính Luận)*. Mạnh Tử cũng nói: Chỉ nghe giết một đứa tên Trụ, chưa nghe đến việc giết vua: *Tàn tặc chi nhân vị chi nhất phu. Văn tru nhất phu Trụ hỷ, vị văn thí quân giả (Lương Huệ Vương)* Đo là điều tự nhiên: nếu vua (người cầm quyền) xem bầy tôi như tay chân thì bầy tôi xem vua như bụng lòng; Vua xem bầy tôi như cho ngựa thì bầy tôi coi vua như người lạ; Vua xem bầy tôi như cỏ rác thì bầy tôi coi vua như giặc thù: *Quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc tâm. Quân chi thị thần như khuyển mã, tắc thần thị quân*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

như quốc nhân. Quán chi thị thần như thế giới tắc thần thị quân như khấu thù (Ly Lâu).

Qua những điều trình bày ở trên ta thấy Khổng học chứa đựng một tinh thần dân chủ rất rõ rệt, nhưng muốn thấu hiểu tinh thần dân chủ đó, ta phải tẩy não ta cho sạch những ý niệm dân chủ Âu Mỹ chỉ chú trọng hình thức, thủ tục, mà không chú trọng đến điểm quan trọng nhất trong thuyết dân chủ: Chính phủ phải lo cho dân, và nếu Chính phủ thành tâm thực hiện điều đó, vấn đề người cầm quyền đạt được địa vị của mình thế nào chỉ là vấn đề phụ.

Trong một dịp khác ta sẽ đề cập đến căn bản đạo lý của quốc gia, đến tư cách của người cầm quyền. Tư tưởng chính trị Âu Mỹ chú trọng vào lợi, xảo, và thuật, hơn là nhân, nghĩa, và đức, và vì vậy đã đưa văn minh của họ ngày nay đến sự bế tắc trầm trọng. Đó cũng là một điều may cho chúng ta: từ nay ta có lý do chính đáng để vứt bỏ thái độ tự ty đối với những giá trị và tư tưởng Đông phương.

Vạn Hạnh
Tháng 7, 1969
TÔN THẤT THIỆN

TIEULUAN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

TINH THẦN PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI (1)

Phân khoa Khoa học Xã hội của Viện Đại Học Vạn Hạnh là Phân khoa đầu tiên tại Việt Nam đón nhận và rèn luyện các sinh viên trong việc học tập nghiên cứu các ngành học rất phức tạp mà chúng ta thường gọi chung là khoa học xã hội vì liên hệ rất mật thiết đến tất cả các hoạt động của con người, trong khung cảnh xã hội.

Nhân dịp lễ khai mạc của Phân khoa này, đề tài giảng thuyết thích hợp nhất có lẽ là vấn đề phân tích các mối tương quan giữa tinh thần Phật giáo và các ngành khoa học xã hội, hiểu theo nghĩa rộng vừa được hoạch định. Tinh thần Phật giáo có thích ứng với các ngành học này

---

(1) Viết lại theo những ý kiến mà diễn giả đã trình bày trong một bài khẩu thuyết, nhân dịp khai mạc Phân khoa Xã hội Viện Đại học Vạn Hạnh, cách đây hai năm (tháng 10 năm 1967).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

và có thể đóng góp một phần nào hữu ích trong lãnh vực các khoa học xã hội chăng?

Diễn thuyết về tinh thần Phật giáo với những kiến thức thiển cận về đạo pháp của một Phật Tử, chúng tôi không khỏi e ngại «múa rìu qua mắt thợ», vì chính ở giảng đường Viện Đại Học này, đã bao lần các vị Thượng Tọa và các học giả uyên bác về Phật giáo đã có dịp đề cập đến các triết thuyết cao siêu đã soi sáng nhân loại trên 25 thế kỷ!

Sự thật, mối e ngại của chúng tôi đã bắt nguồn ngay sau khi chọn lựa đề tài.

Trong kinh điển của đạo Phật, tuy thiên kinh vạn quyển man mác như trùng dương, phồn mậu như lá cây trong rừng già, song tuyệt nhiên không có một đoạn nào liên hệ trực tiếp đến vấn đề mà chúng tôi muốn nêu lên ngày hôm nay trước Qui vị.

Trạng thái này rất dễ hiểu, vì các bộ môn khoa học xã hội chỉ là những ngành khoa học mới xuất hiện trong văn minh cận đại trong vòng 150 năm nay, còn Phật giáo đã vạch con đường giải thoát cho nhân loại hơn 2500 năm trước. Lẽ dĩ nhiên, vấn đề mà ngày nay chúng ta phân tích chưa thể đặt ra được, khi ý niệm khoa học xã hội còn chưa phát xuất!

Quay về thư tịch của Tây Phương, tuy các sách vở về khoa học xã hội phồn thịnh không kém, nhưng trong số sách hiện nay có tới hàng mấy trăm ngàn quyển, cũng không thấy được một chương nhỏ nghiên cứu tới đề tài này. Sự khiếm khuyết tài liệu trong địa hạt thư tịch

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Âu Mỹ cũng không phải là không có lý do. Tuy ở Tây Phương Phật giáo mỗi ngày được một số Phật Tử và học giả một đông hơn tận tâm nghiên cứu, nhưng sự nghiên cứu ấy mới khởi nhóm trong lãnh vực thuần túy tôn giáo và triết lý, chưa bước tới địa hạt của khoa học chính trị và xã hội.

Song, nếu trạng thái khiếm khuyết hoàn toàn tài liệu đã là một trở lực lớn; thì trái lại, chắc chắn một phần nào, trạng thái ấy cũng sẽ biện hộ cho chúng tôi để xin quý vị thông cảm một trường hợp mà các luật gia gọi là giảm khinh, mặc dầu sự mạo muội của diễn giả thật vô bờ bến!

* * *

I. — Cách đây hơn 2200 năm, Ấn Độ đã cống hiến cho nhân loại một cuộc thí nghiệm hùng vĩ về *ảnh hưởng của Phật giáo đối với các vấn đề chính trị và tổ chức xã hội*. Thí nghiệm ấy thực là một bài học cao quý mà chúng ta càng cần suy ngẫm, giữa lúc đất nước đang bị ngọn lửa chiến tranh tàn phá khốc liệt, trong một cuộc thảm chiến huynh đệ tương tàn!

Vào thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên, vua A Dục (Asoka) đã muốn nối chí các ông cha để dùng binh hùng tướng mạnh chinh phục các lân quốc và thống nhất cả giải Trung nguyên Ấn Độ. Riêng trong trận tàn phá xứ Kalinga, số binh sĩ bị giết và tù binh bị bắt ước tới hơn mấy trăm ngàn người. Song chính sự đắc thắng ấy đã đánh dấu một kỷ nguyên mới trong lịch sự Ấn Độ cũng như trong lịch sử Phật Giáo. Giữa cảnh chiến trường

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI VĂN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ảm đạm, dưới ánh chiều tà như giải một màu tang thê lương trên thây chiến sĩ, Vua A Dục đã cảm thấy tất cả sự tàn khốc của chính sách xâm lược. Như được một ngọn suối mầu nhiệm tẩy gột tâm hồn, vua đã giác ngộ được nguyên lý của Đạo Phật và từ đó thay đổi hẳn chính sách trong nước.

Trong một đạo sắc dụ được tạc vào đá, — mà ngày nay các học giả thường gọi là đạo sắc dụ số 13, — Vua A Dục sau khi nhắc lại trận Kalinga này với một niềm hối hận vô tận, đã long trọng tuyên bố không bao giờ rút gươm ra khỏi vỏ để gây lại cảnh binh đao và cầu chúc cho tất cả chúng sinh được cảnh thanh bình an lạc, thoát khỏi bạo lực dày xéo. Không những từ tuyệt giải pháp chiến tranh, vua còn căn dặn các con cháu không nên nghĩ đến sự chinh phục: «Trên đời chỉ có một sự chiến thắng: đó là sự đắc thắng của đạo pháp! (Dharma vijaya).»

Tổ chức chính trị và xã hội ở Ấn Độ, dưới đời Vua A Dục, từ đó, được đặt trên nền tảng giáo lý của đạo Phật. Và cũng chính dưới đời Vua A Dục, ảnh hưởng của Phật giáo đã vượt khỏi biên giới Ấn Độ để bành trướng mạnh mẽ tại nhiều quốc gia khác.

Sau bao nhiêu chiến công oanh liệt, sự giác ngộ của Vua A Dục đã là chiến công hiển hách nhất trong lịch sử vì theo kinh Dhammapada, «người ta có thể chiến thắng hàng muôn, hàng chục vạn người trong một trận; nhưng kẻ nào chiến thắng được chính mình mới là kẻ chiến thắng oai hùng nhất!»

Hai mươi hai thế kỷ đã trôi qua!

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thơ Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Cách đây vừa đúng 20 năm, Ấn Độ sau khi thâu hồi lại nền độc lập, đã chọn bánh xe Pháp luân và bốn sư tử quay nhìn bốn phương làm quốc hiệu để tiêu biểu các giá trị tinh thần truyền thống mà Ấn Độ đã có từ ngàn xưa. Bánh xe Pháp luân và bốn sư tử ấy, chính lá biểu hiệu mà Vua A Dục đã cho khắc trên cột đá dựng ở Sarnath thành Ba nại La (Bénarès), ghi dấu nơi Đức Phật đã thuyết pháp lần đầu tiên sau khi thành đạo.

Sự kiện này đủ tỏ Phật giáo đã thấm nhuần sâu rộng văn minh và xã hội Ấn Độ, mặc dù hiện nay Phật giáo không phải là quốc giáo ở Ấn.

* * *

Ngoài Ấn Độ, trải qua lịch sử, ảnh hưởng của Phật giáo ở Á châu cũng rất mạnh mẽ, đối với nhiều quốc gia khác như Tích Lan, Miến Điện, Thái, Cao Miên, Lào, Trung Hoa, Cao Ly, Nhật Bản Nam Dương và Việt Nam. Nếp sống của dân tộc, tập quán và phong tục trong xã hội cũng như các định chế chính trị, kinh tế và pháp luật, lẽ tất nhiên, không sao không phản chiếu những nguyên lý của một tôn giáo mà đại số dân chúng đều tin theo tự ngàn xưa. Không cần đi sâu vào lịch sử, chỉ cần nhắc lại vài sự kiện chính yếu cũng đủ rõ tầm ảnh hưởng của Phật giáo tại các quốc gia này.

Ở Tích Lan, phái đoàn các Sư tăng do vua A Dục gửi đi đã được vua Tissa tiếp đón rất nồng hậu. Kinh đô Tích Lan thời ấy là Snuradhapura đã trở thành một trung tâm Phật giáo cực thịnh có thể thâu nhận một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁP VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

số dân chúng đông hơn cả dân số toàn đảo Tích Lan ngày nay.

Ở Miến Điện, vua Anawrahta (1044-1047) cũng tu sửa kinh đô thành một kỳ quan thế giới với những ngôi chùa cổ kính và những ngọn tháp chót vót, trùng trùng điệp điệp.

Ở Thái, vào thế kỷ thứ 14, nhà vua đã rời bỏ ngai vàng để đi tu, và từ thời kỳ ấy đến nay, giữa Hoàng gia và Tăng già đã có những mối liên lạc mỗi ngày một thêm mật thiết.

Ở Cao Ly, ảnh hưởng của đạo Phật cũng phát huy mạnh mẽ cho đến thế kỷ thứ 14, khi nhà Lý đánh đổ nhà Koryo để chiếm ngôi báu và tổ chức quốc gia theo Khổng giáo.

Ở Nhật, vào cuối thế kỷ thứ sáu, Hoàng thân phụ chính Shotoku Taishi (574-622), — một nhân vật mà ngày nay dân tộc Nhật Bản vẫn coi như đã giữ một vai trò thiết yếu trong định mạng và lịch sử của họ, — vốn là một Phật giáo đồ trung kiên đã giúp rất nhiều vào sự bành trướng Phật giáo ở Nhật và đã nâng Phật giáo lên hàng quốc giáo thời ấy.

Song có lẽ, chính ở Việt Nam, Phật giáo đã trải qua những giai đoạn xán lạn nhất, Phật giáo đã phát triển rất nhanh chóng để tiến đến thời kỳ mà lịch sử nước ta ghi được những trang sử oai hùng nhất trong cuộc chống nạn ngoại xâm và mở rộng bờ cõi.

Trong thời kỳ này, một điểm đặc biệt quan trọng là

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

trong nền bang giao Việt Hoa, rất nhiều phái đoàn đã được các vua triều Lý và triều Trần gửi sang Tàu để thỉnh kinh Phật chứ không tìm sách nho học như trước nữa.

Dưới nhà Tiền Lê, Tống sử cũng như Đại Việt Sử ký toàn thư, đã chép rằng em út của vua Lê Long Đỉnh, năm 1007, sang cống Bắc Triều nhà Tống, khi về đem theo chín bộ sách cổ điển của Khổng giáo là các bộ Dịch kinh, Thi kinh, Thư kinh, Chu Lễ, Lễ Ký, Xuân thu, Mạnh Tử, Luận ngữ, Hiếu Kinh, với bộ Kinh Tam Tạng.

Nhưng chỉ ba năm sau, trào lưu văn hóa đã đổi hẳn. Dưới các đời vua Lý Thái Tổ và Lý Thái Tông các phái đoàn chỉ có mục đích duy nhất sưu tầm các kinh sách Phật học. Sáu phái đoàn được cử đi liên tiếp trong thế kỷ 11, vào những năm 1010, 1014, 1018, 1034, 1081 và 1098, để thỉnh kinh Phật ở Trung Hoa. Nhà vua lại ban lệnh cho chép lại các kinh ấy và *thiết lập các thư viện đầu tiên ở Việt Nam* để tàng trữ các bộ kinh Đại tạng mới được thỉnh về.

Theo Đại Việt Sử ký toàn thư, năm 1023, nhà vua ra lệnh cho chép lại Kinh Tam Tạng và tàng trữ ở *Đại Hưng Tàng*. Năm 1021, đã bắt đầu cho xây thư viện bát giác, đặt tên là *Bát giác kinh tàng* (viện bát giác để chứa Kinh). Năm 1034, trong một cuộc vãn cảnh chùa Trùng Quang, trên núi Tiên Du; (thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay), nhà vua đã ra lệnh cho xây thêm một thư viện mới nữa là *Tsùng Hưng Tàng* để lưu trữ một bộ kinh Phật vừa mới chép xong.

Về việc thỉnh kinh dưới triều Lý, giáo sư Hoàng Xuân

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Hãn, trong cuốn Lý thường Kiệt, một công trình sử học kiệt tác, đã viết như sau: «Ngoài sự bang giao theo điển nghi một phiên thần đối với nước thiên tử, vua Lý thường sai xứ sang xin Kinh Phật. Bấy giờ đạo Phật rất thịnh ở nước ta, mà các tàng, Viện, tự quán, chắc vì loạn lạc, không còn đủ kinh dùng. Sự đồng tông giáo là một cớ để gây tình hòa hảo.»

Tuy nhiên, chúng tôi không hoàn toàn đồng ý về (1) các lý do đã được phân tích. Nếu nói rằng vì loạn lạc mà kinh Phật bị mất, thì nói chung lý do ấy cũng đúng đối với các loại thư tịch về nho học, như Lê quý Đôn đã vạch rõ trong bài tựa của thiên «Nghệ văn Chí» trong bộ Đại Việt Thông sử hay Phan huy Chú đã nhấn mạnh trong bài tựa của thiên «Văn tích chí» trong bộ Lịch triều Hiến Chương Loại chí. (2) Vậy yếu tố mất sách vì loạn lạc không đủ để biện minh sự kiện các vua triều Lý chỉ sai phái đoàn đi thỉnh kinh Phật mà không cầu các sách Khổng học.

Thiết tưởng, các nguyên nhân gần xa đã thúc đẩy trào lưu văn hóa này phức tạp hơn nhiều và phản chiếu cả một trạng thái xã hội và một chính sách ngoại giao độc đáo của Triều Lý.

a) Không những «đạo Phật rất thịnh ở nước ta» dưới triều Lý, mà chính các vua Triều Lý rất mộ đạo,

---

(1) Hoàng xuân Hãn, Lý thường Kiệt trang 126 (Ấn bản của Viện Đại học Vạn Hạnh).

(2) Vũ văn Mẫu, Dân luật khái luận (in lần thứ hai) trang 176-177 và 265-273.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

đối xử với các sư tăng rất trọng vọng. «Các Vua và thái hậu thường mời những vị sư có tiếng vào giữ chùa trong thành nội để giảng kinh» (1). Tinh thần đạo đức ấy, lẽ dĩ nhiên, là một trong những nguyên nhân chính yếu của sự khát vọng tầm đạo thỉnh kinh. Song còn một duyên cớ thứ hai quan trọng hơn.

b) Sau khi đã tranh thủ được độc lập về phương diện chính trị, nhà Lý muốn thực hiện một chính sách độc lập cả về phương diện văn hóa bằng cách hướng trào lưu trao đổi sách vở về lãnh vực thuần túy tôn giáo, một lãnh vực hướng thượng không thể nô lệ hóa tinh thần. Đó là nét độc đáo và tế nhị của đường lối ngoại giao nhà Lý đối với một ngoại bang đã đô hộ ta và đã thi hành chính sách đồng hóa triệt để trong hơn mười thế kỷ.

Dưới nhà Trần, sau khi dân tộc Việt Nam đã oai hùng chiến thắng quân Nguyên, cuộc bang giao Việt Hoa được lập lại. Song phái đoàn gởi sang Trung Hoa, dưới đời vua Trần Anh Tông cũng chỉ được lệnh thỉnh kinh Phật. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, «ngày đầu tháng hai (năm Hưng Long thứ 3 (1295), sứ thần của Nguyên là Tiêu Thái Đăng tới, vua sai hai nội viên ngoại lang là Trần khắc Dụng và Phạm Thảo đón nhận bộ *Đại Tạng Kinh*, đem về lưu giữ ở phủ Thiên Trừng (bây giờ là làng Tức Mạc, thuộc tỉnh Nam Định) và cho chép lại để khắc in» (2)

---

(1) Hoàng xuân Hãn. op. cit. tr, 424.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư Q. 6 tờ 3: ... 春二月朔元使蕭泰登來，帝遣內員外郎陳克用范討偕行收得大藏經部，回留天長府副本刑行.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI VĂN HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Sự kiện này rất quan trọng trong lịch sử văn hóa nước nhà, *vì bộ kinh Đại Tạng này là quyển sách in đầu tiên ở Việt Nam* ghi rõ ở trong sử.

Cùng đời vua Trần Anh Tông, theo Đại Việt sử ký toàn thư, năm Hưng Long thứ 7 (1299), còn cho san định lại và *ấn loát hai quyển sách khác*, nhan đề là: *Phật giáo pháp sự đạo trường tân văn* (佛教法事道場新文) và *công văn cách thức* (公文格式). (1) Nhưng theo Khâm Định Việt sử Thông giám cương mục, thì chỉ có lệnh in bộ «Phật giáo pháp sư đạo trường công văn cách thức.» (2)

Hai quyển sách trên được in riêng biệt hay in chung làm một? Rất tiếc là điểm này hiện nay không thể giải quyết được, vì sách đã thất truyền. Nhưng dầu sao, các sự kiện ghi trong sử cũng chứng tỏ rõ rệt ảnh hưởng của Phật giáo đối với nền văn hóa nước nhà. Phật giáo đã là nguyên động lực thúc đẩy sự in sách ở trong nước, một bước tiến mà ai nấy cũng nhận định rõ tầm quan trọng trong sự phổ biến kiến thức đối với các tầng lớp đại chúng. Nhờ những sử liệu này, chúng ta còn có thể hiệu chỉnh một điều sai lầm thường được thừa nhận về nghề in mộc bản. Tương truyền rằng ông tổ nghề in ở nước ta là Lương như Hộc, hiệu là Tường Phủ, quán làng Hồng Liễu (紅蓼), huyện Trường Tân 長津 (ngày nay là làng Thanh Liễu 柳青, huyện Gia Lộc, Hải dương). Đỗ Thám Hoa năm Đại Bảo thứ ba

---

(1) Đại Việt sử ký toàn thư Q. 8 tờ 8.
(2) Khâm định Việt sử Q. 8 tờ 30.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUE QUANG
https://tieulun.hopto.org

(1442) dưới triều Lê, ông đã hai lần phụng mệnh đi sứ sang Trung Hoa. Thấy người Tầu khắc mộc bản, khi về nước ông đã dạy lại người trong làng in kinh sử. Dân làng Liễu Tràng cùng huyện cũng học nghề ấy và đến nay ông vẫn được thờ làm tiên sư. (1)

Sự thực, như các sử liệu nói trên đã chứng minh, nghề in đã xuất hiện ở nước ta, gần hai thế kỷ trước, dưới triều Trần, để phổ biến kinh Phật, trước khi có sự ấn loát các sách Nho học. Có lẽ Lương như Hộc chỉ là người đã có công dạy và khuyến khích các người đồng huyện in các kinh điển về Nho học, dưới đời Lê thánh Tông và do đó đã được dân xã Liễu Tràng thờ làm tiên sư.

Hơn nữa theo sách Thiền Uyển Tập Anh (2) sư Tin Lộ trụ trì ở một chùa trên núi Không lộ, chết năm 1190 là con một gia đình đã đời đời chuyên làm nghề khắc văn in. Như vậy, có lẽ nghề in sách đã xuất hiện ở nước ta còn sớm hơn nữa, vào khoảng cuối triều Lý, giữa một thời kỳ mà Phật giáo đương phát triển đến cực độ.

Thiết tưởng, về điểm này, cũng nên nhấn mạnh là ở Trung Hoa, các sách in đầu tiên cũng là kinh Phật. Hiện nay, Thư Viện Anh Quốc British Museum có tàng trữ quyển sách in có lẽ cổ nhất của Á châu: đó là bộ kinh

---

(1) Đại Việt sử ký toàn thư Q. 11, tờ 55. — Hải Dương phong vật: 兩度來使，覩北人鋟梓，使回裁鄉人，以剞物（hoặc 剞劂）鏤劇趣史，名本印行于世，同縣柳撞學此藝，至今祀為先師. — Cũng xem: Nordemann: chrestomacie annamite số 50.

(2) Nguyễn đồng Chi. Việt Nam Cổ Văn học sử trang 150.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Kim Cương in ở Trung Hoa vào năm 868, dưới đời vua Đường ý Tông, niên hiệu Hàm Thông thứ 9. Trong một cuộc triển lãm của thư viện này, chúng tôi đã được dịp nhận xét bộ kinh ấy được in mộc bản trên một cuộn giấy xếp lại thành sách; cuộn giấy này dài gần 5 mét, lối in rất tinh vi, trang đầu có in hình đức Phật đương thuyết pháp và trang cuối có ghi rõ niên hiệu ấn loát nói trên. Các sách về Khổng giáo chỉ được in ra dưới đời Đường, sau nửa thế kỷ vào khoảng 932 đến 953; và bước sang triều Tống, 20 năm sau, vị vua sáng lập nên nhà Tống là Tống Thái Tổ cho in bộ kinh Tam Tạng lần đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa vào năm 972. (1)

Những sự kiện lịch sử trên này chứng tỏ rằng sự phát triển của Phật giáo ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam đã là nguyên động lực thúc đẩy rất mạnh mẽ sự phát huy văn hóa ở trong nước. Nhờ ở ảnh hưởng sâu rộng của Phật giáo, Việt Nam, ngay tự triều Lý, không đầy một thế kỷ sau khi nước nhà thâu hồi lại nền độc lập, những thư viện đầu tiên đã được thiết lập để tàng trữ kinh Phật, và đến triều Trần, nghề in đã xuất hiện. Đây là một bước tiến rất quan trọng trong lịch sử văn hóa của dân tộc, vì ở Đông phương cũng như ở Tây phương, kiến thức và văn hóa chỉ có thể được

---

(1) Léon Wieger. Vinaya trang 113. Năm 995, Vua nhà Tống có tặng Cao ly một bộ, mà sau này được khắc lại ở Cao ly và thường được gọi là Cao ly bản (高麗本). Ôn lại sự kiện lịch sử này, ta có thể tự hỏi: Phải chăng bộ Tam Tạng Kinh mà em út của Vua Lê Long Đĩnh đem về nước sau khi sang sứ Tâu năm 1007 cũng là một trong những bộ kinh in vào thời kỳ này?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

phổ biến trong đại chúng với sự xuất hiện của nghề ấn loát. Về phương diện này, có thể nói rằng Phật giáo tuy là động cơ xuất phát nghề in mộc bản ở Việt Nam, nhưng cũng đã góp một phần quan trọng vào sự phát triển của Khổng giáo dưới Triều Lê, vì nhờ phương pháp ấn loát đã sẵn có, sự phổ biến các sách Khổng giáo mới được dễ dàng.

Nhưng ảnh hưởng của Phật giáo còn phát huy rực rỡ cả về phương diện chính trị và xã hội. Cũng như các vua Triều Lý, các vua Triều Trần rất tôn sùng đạo Phật. Thí dụ đặc biệt nhất là vua Trần Nhân Tông đã rời ngôi để tu ở chùa Yên Tử (thuộc tỉnh Quảng Yên ngày nay), tự hiệu là Giác Hoàng, và thường gọi là *Trúc Lâm Đại Sĩ* ; Hoàng Hậu đi tu làm sư cô, các hàng vương đi tu làm tăng chúng. (Ba tổ Thiền sư Việt Nam trong phái *Trúc Lâm thời ấy, vẫn gọi là Trúc Lâm Tam Tổ*, gồm có : Đệ nhất tổ Giác Hoàng tức vua Trần Nhân Tông; đệ nhị tổ Pháp Loa và đệ tam tổ Huyền Quang.)

— Nói chung, các vua nhà Trần, sau khi trị quốc ít lâu, thường thoái vị nhường ngôi lại cho con để tu hành.

Đến năm 1314, vua Trần Anh Tông, lúc thoái vị có ban cho Thiền sư Pháp Loa một bộ kinh Phật gồm 500 quyển để tàng trữ trong chùa. Năm năm sau (1319) Vua lại ban cho 20 bộ kinh nhỏ, viết bằng máu trích ở đầu ngón tay của ngài.

Theo sách Tam tổ thực lục, năm 1321, vua Anh Tông, Hoàng Thái Hậu và các mệnh phụ trong Triều và nhiều vị khác đã tổ chức viết bằng máu một bộ kinh Phật gồm 5000 chương. Thiền sư Pháp Loa, theo lệnh

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Hoàng Thái Hậu, đã làm bài hậu bạt.

Trước đó, năm 1314. Khi vua Trần minh Tông lên nối ngôi vua Anh Tông, cũng đã ban lệnh triệu tập đại hội chư tăng gồm 1500 tăng ni để in một bộ Đại Tạng.

Nếu ta nhớ rằng trong chế độ quân chủ ở Á Đông, tất cả các quyền bính mà ngày nay theo nguyên tắc phân quyền được chia thành quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp, đều được tập trung trước đây trong tay nhà vua, không có một sự hạn chế kiểm tỏa nào, thì ta sẽ nhận rõ ảnh hưởng quan trọng của Phật giáo trong quốc gia Việt Nam dưới các Triều Lý và Trần về phương diện chính trị và xã hội.

Những sự kiện lịch sử tóm tắt sơ lược trên này cũng dũ hiến một địa hạt khảo cứu hữu ích và phong phú cho các học giả về khoa học xã hội để tìm hiểu ảnh hưởng của Phật giáo, các phong tục, các định chế chính trị, xã hội cũng như nền kinh tế trong nước đã diễn tiến như thế nào ? Vì các nguyên nhân nào, Phật giáo, trong thời kỳ cực thịnh, đã đem lại cho các quốc gia ấy những trang sử vàng xán lạn và tại sao, sau thời kỳ cực thịnh ấy, ảnh hưởng của Phật giáo đã phai lạt, nhường chỗ cho ảnh hưởng khác ? Mặc dầu thuộc về quá khứ, những vấn đề này rất đáng được thâm cứu trong lãnh vực khoa học xã hội, vì như Leibnitz đã nói : « Hiện tại chứa đầy quá khứ và nặng gánh tương lai. »

Nhưng mục đích mà chúng tôi muốn nêu lên trong đề tài : « tinh thần Phật giáo và khoa học xã hội » còn cao xa hơn nữa. Chúng tôi muốn mở rộng vấn đề trên lập

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

trường lý thuyết để giải quyết thắc mắc. Tinh thần Phật giáo có phù hợp với khoa học xã hội không ? Đi xa hơn một bước nữa, chúng ta hãy thử tìm hiểu xem tinh thần Phật giáo có thể đem lại thêm một luồng sinh khí mới cho khoa học xã hội chăng ? Nói khác, không phải chỉ căn cứ vào các sự kiện lịch sử trong quá khứ, chúng tôi còn muốn hướng về tương lai nhiều hơn, trong tinh thần tích cực xây dựng. Phóng xa tầm quan sát trên địa hạt khoa học xã hội mà Viện Đại học Vạn Hạnh đương khai phá, chúng ta thử gắng tìm xem, dưới giòng suối thanh qui của tinh thần Phật giáo, những thức hoa thơm cỏ lạ nào sẽ nẩy nở trong những mùa xuân sắp tới.

* * *

II. — *Tinh thần Phật giáo có phù hợp với tinh thần khoa học xã hội không?*

Nêu đề tài này, tưởng chừng như đặt một bài toán bao hàm tính cách thách đố vì nhiều người không khỏi có óc hoài nghi về khả năng hay sinh lực của đạo Phật trong lãnh vực khoa học xã hội. Phật giáo vốn là một tôn giáo đã có từ trên 25 thế kỷ còn các khoa học xã hội là những môn học mới mẻ, thực ra mới phát xuất với tinh cách khoa học chuyên biệt từ thế kỷ thứ 19, và chỉ bộc phát mạnh mẽ từ đầu thế kỷ thứ 20 này, hay muộn hơn nữa.

Với 25 thế kỷ xa cách, tinh thần Phật giáo có thể đáp ứng với đối tượng, phương pháp và nhu cầu mới mẻ của các khoa học này chăng?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Ai cũng biết danh từ «Xã hội học» (Sociologie) mới được nhà triết học Auguste Comte đặt ra năm 1889, để thay thế cho danh từ «Vật lý học xã hội» (physique sociale), trong cuốn «Triết học thực nghiệm» (Com de Philosophie positive). Chủ trương rằng Xã hội học không phải là môn triết lý nghiên cứu xem xã hội phải được xây dựng theo quy lệ lý tưởng nào. Auguste Comte đã quan niệm Xã hội học như các khoa học thực nghiệm khác, dựa vào sự quan sát các hiện tượng thực tại trong xã hội để nhờ sự quan sát ấy, rút tỉa được những quy lệ về xã hội. Song những quy lệ này chỉ là những sự phán đoán về thực trạng (jugements de réalité) các hiện tượng ấy.

Nói khác, Xã hội học nhằm mục đích nghiên cứu sự phát sinh, sự diễn tiến, sự biến chuyển các phong tục, các định chế xã hội, qua sự quan sát hoàn toàn khách quan, mà không quan tâm đến việc phán đoán giá trị các định chế hay các phong tục ấy. Tuy quan niệm của Auguste Comte ngày nay còn được chấp nhận như một quan niệm căn bản trong Xã hội học, song sự thực, phải công nhận rằng tất cả các mối tương quan trong xã hội không phải chỉ là những sự kiện khách quan, có thể tách rời hẳn ra ngoài những sự phán đoán về giá trị, như các hiện tượng mưa, nắng... trong tạo hóa. Nói tới xã hội, tức là nói đến con người, và đề cập đến các mối tương quan liên hệ đến con người, tất nhiên không tránh được phán đoán về giá trị các mối tương quan ấy: tốt hay xấu, nên làm hay nên tránh. Do đó, một quan niệm uyển chuyển và rộng rãi hơn quan niệm của Auguste Comte đã xuất hiện và coi những sự trị giá này cũng như những yếu tố mật thiết của các thực tại xã hội, mà ta không thể loại ra

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ngoài vòng quan sát. Thí dụ, trong mỗi quốc gia, vào một thời đại nhất định, đại đa số dân chúng phán đoán theo một tiêu chuẩn riêng. Ở quốc gia khác, người ta chủ trì tiêu chuẩn xã hội... Đối với nhà xã hội học, không cần xét tới giá trị các tiêu chuẩn ấy. Trái lại, các tiêu chuẩn ấy được coi như thành tố của thực tại xã hội, và qua lăng kính những tiêu chuẩn ấy, nhà xã hội học sẽ khảo xét các sự kiện xã hội. Ngoài ra, vẫn nhờ sự phân tích khách quan, còn có thể tìm hiểu sự phát sinh cũng như sự diễn tiến các giá trị tiêu chuẩn của một quốc gia, qua thời gian. Những sự phân tích này sẽ đưa đến những kết luận cụ thể để nhận rõ ảnh hưởng của các tiêu chuẩn ấy đối với các hoạt động và thái độ của con người trong xã hội. Do các sự nghiên cứu ấy, người ta có thể trù liệu và vận dụng những phương cách thích ứng để đạt được những kết quả mong muốn, mỗi khi cần tới.

Lược bàn về đối tượng và phương pháp của xã hội học, chúng ta nhận thấy khoa học này hiện nay còn đương ở vào thời kỳ sơ khai, dĩ chí các quan niệm về nhiều vấn đề căn bản vẫn còn phân tán, chưa nhất định.

Đối với Khoa học Kinh tế hay Chính trị, nhận xét trên đây cũng rất xác đáng.

Kinh tế học, thực ra, mới phát triển mạnh từ hậu bán thế kỷ thứ 19, và hơn thế nữa, có thể nói rằng những phương pháp và lý thuyết tân tiến nhất trong Kinh tế học mới xuất hiện từ cuối thế kỷ 19 và nhất là trong mấy chục năm gần đây. Chỉ cần đem so sánh những sách về Kinh tế học xuất bản ngày nay với

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

những sách cùng loại được soạn ra vào trước thế chiến vừa qua, ta sẽ nhận được những tiến bộ vượt mức trong kinh tế học trong vòng 30 năm nay.

Trong lãnh vực chính trị học, mặc dầu tự ngàn xưa, loài người đã làm chính trị, vì có xã hội là có chính trị, nhưng khoa học chính trị, hiểu theo nghĩa hiện tại; còn có tính cách mới mẻ hơn nữa. Phát triển ở Mỹ trước và mạnh hơn ở Âu châu, khoa Chính trị học mới thực sự được nghiên cứu ở Pháp trong khoảng vài chục năm nay. Do đó, quan niệm của các học giả về đối tượng của môn học này, ở Âu Châu hiện nay cũng chưa tề nhất. Một số giáo sư cổ điển chủ trương rằng khoa học chính trị chuyên khảo về quốc gia (la science de l'état) trên phương diện điều hành, cũng như trên phương diện bang giao quốc tế. Song một quan niệm khác, mở rộng phạm vi nghiên cứu hơn, đã đem lại một danh xưng mới, khoa chính trị học (science politique) được gọi là khoa xã hội học chính trị (sociologie politique) với mục đích nghiên cứu quyền binh (la science du pouvoir). Nói tới quyền binh, tất nhiên phải phân biệt hai giới trong xã hội: những người cầm quyền thống trị và những người dân thường, nghĩa là những người bị cai trị. Với quan niệm này, địa hạt của khoa xã hội học chính trị không còn thu hẹp vào khuôn khổ một quốc gia nữa. Trái lại, lãnh vực ấy được mở rộng để bao gồm sự quan sát, sự phân tích những sự kiện chính trị trong bất luận quốc gia nào, để hiểu rõ các điều kiện phát sinh và điều động quyền binh cùng những kết quả có thể thâu đoạt được.

Phải chăng đối với những khoa học tân kỳ như

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

vậy, mà đối tượng, lãnh vực, phương pháp còn đương ở trong thời kỳ diễn tiến, tinh thần một tôn giáo xuất phát từ 25 thế kỷ trước như Phật giáo khó có thể cống hiến được điều gì tích cực hay hữu ích. Hơn nữa, có nhiều học giả còn hoài nghi rằng tinh thần Phật giáo đi ngược hẳn lại đối tượng của các khoa học xã hội và chính trị vì đạo Phật nhằm mục đích tuy cao cả nhưng yếm thế là diệt khổ và giải thoát nhân loại khỏi kiếp sống phù sinh.

Trong một thiên khảo cứu về Phật giáo, học giả Phạm Quỳnh có lẽ cũng đã bị quan niệm sai lầm này lôi cuốn, nên đã mượn sự phán đoán của một tác giả Pháp là Gaston Riou trong quyển «l'Ennui du Bouddha», làm lời kết luận: «... Đạo Phật là gì? Đạo Phật là câu hát não nùng để ru ngủ cho những dân chán đời ở cõi Đông Phương, ru cho êm giấc mộng nghìn năm.

Mà câu hát ấy, từ hai mươi lăm thế kỷ đến giờ cũng đã từng ru cho biết bao nhiêu kẻ sầu não đau lòng.

Nào những người đa sầu đa cảm, ngán nỗi đời mà cam lòng đợi chết, nào những kẻ học giả thâm trầm, cay sự thế mà mơ màng tịch diệt, nên chấp tay mà vái lạy Phật Đà. Lại những người kia nữa, số nhiều biết bao nhiêu, sống ở đời mà ghét căm sự sống, khác nào như một phường kèn thảm, thổi sau một đám rước to, chạy quanh trên vũ đài thế giới, nên lên giọng mà ngợi khen thầy Mâu Ni đã đắc đạo...

...Nhưng mà Phật dạy sống là sự khổ vô lường; mà bọn ta thời lại lấy sống là của báu vô giá; của ấy, ta phải ra

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

công kinh lý, hết sức tăng gia, dù phải nhọc nhằn mới được, quyết đấu mới nên, ta cũng chẳng nề. Thử nhìn khắp quanh mình, đâu đâu cũng chỉ thấy vì ham sống mà phải chiến đấu cạnh tranh. Các dân tộc, các quốc gia, các hạng người trong xã hội, cho chí từng người một với nhau, nhất thiết chỉ vì muốn sống, mà phải tranh dành nhau kịch liệt. Nhất thiết chỉ nghĩ làm thế nào sinh tồn được, chống cự được, chiếm đoạt được; nhất thiết chỉ ghê một điều là phải chịu thua, chịu kém vậy...» (1)

Ý nghĩ trên đây đã tóm tắt rất linh động cuộc sống cạnh tranh sôi nổi trên thế giới hiện tại. «Thiết tha sống để tranh dành nhau kịch liệt», nhân sinh quan của thế giới đương bị chìm đắm trong các chủ nghĩa vật chất, có thể tóm thâu được một cách hùng hồn trong khẩu hiệu đó, một khẩu hiệu hoàn toàn đối lập với mục tiêu diệt khổ, diệt sinh của đạo Phật mà họ cho là yếm thế.

Khoa học xã hội chính trị là gì nếu không phải là học thuật về quyền bính, hay thuật trị người, khiến người ? Khoa học kinh tế là gì nếu không phải là học thuật sản xuất, lưu thông và phân phối tài sản để đạt được mức tối thiện ? Khoa học xã hội là gì nếu không phải là học thuật nghiên cứu các sự kiện, các định chế xã hội để rút tỉa kinh nghiệm và tiến đến những phương thức tổ chức xã hội kiện toàn ?

Tất cả đối tượng của những môn học trên đây đều phản chiếu ý muốn sống say mê, sống tích cực, của nhân loại. Tưởng chừng các đối tượng ấy cũng đủ chứng tỏ

---

(1) Phạm Quỳnh, Nam Phong 1920.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

lời phê bình về tinh thần bi quan yếm thế của Phật giáo có phần nào xác đáng ! Tuy nhiên, một quan niệm như vậy xét ra thật sai lầm và thiển cận.

Đức Thế Tôn chỉ dường diệt khổ giải thoát cho nhân loại, song vẫn không quên cuộc đời thực tế. Như kinh Dhammapada đã giảng : « Rất ít người vượt được qua sông sang bên đối ngạn, phần đông vẫn đi đi, lại lại trên bờ sông bên này ». Sông ở đây tức là con đường đạo pháp, diệt khổ. Đối với đại đa số chưa diệt được khổ vẫn sống ở trong xã hội hiện tại, Phật giáo không phải không chú trọng giải quyết các vấn đề thiết yếu thường nhật. Trong các kinh Phật, có nhiều thí dụ về những trường hợp này :

a) Đức Phật cũng quan tâm đến các vấn đề liên hệ đến tổ chức gia đình và sự duy trì các thuần phong mỹ tục trong xã hội.

Một hôm ở Trúc Viên, gần thành Vương Xá (Rajaghra) Đức Thế Tôn gặp một thanh niên tên là Sigala, con một nhà phú hộ, đương chắp tay cúi vái sáu phương, theo lời di chúc của cha. Đức Phật đã thuyết pháp giảng cho Sigala rõ theo giáo lý của đạo Phật, cúng vái sáu phương không phải chỉ là chỉ chắp tay vái Đông, Tây, Nam, Bắc, vòm trời trên đỉnh đầu và ở dưới chân. Sáu phương phải hiểu theo cách khác : Phương Đông là cha mẹ; phương Nam là sư phụ; phương Tây là vợ con; phương Bắc là bằng hữu, thân thích, lân bang; vòm trời trên đỉnh là nô bộc, gia nhân; phương dưới chân là các tu sĩ. Đức Phật còn giảng dạy năm cách con cái phụng sự cha mẹ; học trò phụng sự thầy ;

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

vợ tôn trọng chồng và năm cách đối đãi tương hỗ của cha mẹ đối với con, thầy đối với trò, chồng đối với vợ. Cùng trong tinh thần thực tế ấy, các bổn phận tương hỗ giữa bằng hữu, giữa chủ và gia nhân, giữa tăng sĩ và phật tử cũng được giảng dạy cặn kẽ, phù hợp với khuôn khổ xã hội dương thời (kinh Sigala).

So sánh các điều giáo lý của đạo Phật trong kinh nói trên với tam cương ngũ thường của Khổng giáo, ta có thể nhận thấy các giáo lý ấy cũng nhằm mục đích duy trì trật tự xã hội, nhưng không phải với kỷ luật tôn ty nghiêm khắc của Khổng giáo, mà là với tình thương yêu kẻ dưới, lòng kính trọng bậc trên.

b) Ngoài khuôn khổ gia đình, các vấn đề kinh tế và cải thiện xã hội cũng đã được đề cập đến trong kinh Phật.

Kinh Cakkavattisihanada, trong Trường Bộ Kinh, coi tình trạng bần khốn của dân chúng trong xã hội là nguồn gốc của các tội phạm như trộm cắp, lừa đảo, tàn bạo... Bao nhiêu Chính phủ thời xưa, cũng như thời nay, đã cầu viện đến hình phạt và tăng gia hình phạt, để mong trừng trị và ngăn ngừa tội phạm ! Song giải pháp này không thể mang lại kết quả mong muốn vì chưa điều trị tới chính nguyên nhân của tội phạm. Kinh Kutadanta sutta đã nêu rõ điểm này. Theo Đức Thế Tôn, phương pháp duy nhất để chấm dứt các tội phạm trong xã hội là nâng cao mức sống và cải thiện đời sống của dân chúng về phương diện kinh tế. Kinh Kutadanta đã được Thượng Tọa Viện Trưởng dịch trong quyển Trường bộ kinh, (tập II); thiết tưởng chỉ cần trích

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

một đoạn sau đây cũng đủ nhận thức được tính cách cần thiết của các giải pháp xã hội và kinh tế. Tuy được đề nghị cho xã hội Ấn Độ từ ngàn xưa, song các giải pháp ấy đã có một tầm hiệu lực vượt khỏi khung khổ không gian và thời gian chật hẹp này :

... « Vị Bà La Môn chủ tế tâu với vua Mahavijita như sau : Đại vương, Vương quốc này chịu tai ương, chịu ách nạn, đầy rẫy bọn cướp làng, đầy rẫy bọn cướp ấp, đầy rẫy bọn cướp đô thị, đầy rẫy bọn cướp đường. Trong quốc độ chịu tai ương, chịu ách nạn như vậy, nếu Tôn Vương đánh thuế má mới, như vậy Tôn Vương hành động sai lạc. Trái lại, nếu Tôn Vương có ý nghĩ : « Ta hãy trừ diệt bọn giặc cỏ này, hoặc bằng tử hình, hoặc bằng cấm cố, hoặc bằng phạt vạ, hoặc bằng khiển trách, hoặc bằng tẩn xuất ; » bọn giặc cỏ này sẽ không được trừ diệt một cách hoàn toàn. Những bọn còn lại không bị hình phạt, sau lại tiếp tục hoành hành Vương quốc này. Nhưng nếu theo phương pháp sau đây, bọn giặc cỏ sẽ được diệt một cách hoàn toàn. Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn Vương hãy cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật ; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn Vương hãy cấp cho những vị ấy vốn đầu tư ; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn Vương hãy cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm vào nghề riêng của mình sẽ không nhiễu hại quốc độ nhà vua. Và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

khác gì với nhà cửa mở rộng... » (1)

Kinh Kutadanta đã phác họa cả một chương trình canh tân kinh tế và cải cách xã hội. Chương trình ấy ngày nay cũng vẫn còn giá trị hoàn toàn và có thể áp dụng trong bất cứ xã hội loạn lạc nào, để đem lại sự an cư lạc nghiệp cho dân chúng. Nếu giả thử người dân quê có đủ đất canh tác, đủ hạt giống, nhà buôn có đủ vốn để đầu tư, thợ thuyền có đủ công ăn việc làm, công chức được trả lương đủ sống, thì làm sao còn có thể có nạn trộm cướp, du dãng, hối lộ thối nát hoành hành trong nước? Trong một xã hội doanh dụng (full employment), không có nạn thất nghiệp, không ai lâm vào cảnh khốn cùng bần phạp và tài sản mọi người đều phong phú thì không những các mầm rối loạn đã được trị ngay từ gốc rễ, mà các chủ nghĩa quá khích cũng khó có dưỡng lối để tuyên truyền cổ động .Muốn dẹp rối loạn và trừ tội phạm trong xã hội, nhà cầm quyền phải chú trọng vào sự cải thiện đời sống con người về phương diện kinh tế và xã hội hơn là dùng chính sách tàn bạo và sưu cao thuế nặng!

Trong Kinh Dhammapada Thakatha, Đức Thế Tôn còn nhấn mạnh vào sự cần thiết có một chính phủ lương thiện lành mạnh. Một nước chỉ có thể an cư lạc nghiệp, nếu có một chính phủ trong sạch. Trái lại, toàn dân phải điêu linh, khổ sở, thối nát, nếu chính những người cầm quyền, từ vua đến quan, điều thối nát, bất công.

---

(1) Thích Minh Châu. Trường Bộ Kinh. Kinh Kutadanta trang 135. Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1967.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

c) Chính vì ngoài mục đích cao siêu giúp chúng sinh diệt khổ để tự giải thoát, đạo Phật còn chú trọng đến sự cải thiện đời sống hiện tại về phương diện chính trị, kinh tế lấy tinh thương và công bằng xã hội làm căn bản, nên nhiều chính trị gia đã coi các nguyên lý Phật giáo như nguồn gốc của những cuộc cải cách dượm màu sắc của xã hội chủ nghĩa, san phẳng các sự bất công và bất bình đẳng hiện hữu.

Theo Thái Tử Sihanouk, Phật giáo có tính cách xã hội vì đã tranh đấu cho công bằng xã hội. Sự tranh đấu này đã được Đức Phật theo đuổi suốt đời cho đến khi tịch nhập Nát bàn. Đức Phật đã chống lại sự gian lận, trộm cắp, lừa lọc, dối trá, cũng như người đã chống lại các đặc quyền của các giai cấp được ưu đãi. Người ta thường quên rằng Đức Phật đã là một nhà đại cách mạng. Trong một xã hội phong kiến, Đức Phật đã thuyết pháp dạy dân chúng sống với nhau trong sự bình đẳng, trong tinh thương, theo giáo lý huyền diệu: «mỗi cá nhân sẽ được phán đoán theo các hành vi công nghiệp của mình.» (1)

---

(1) Roger M. Smith. Prince Norodom Sihanouk of Cambodia in Asian Survey June 1967, trang 359 : « Buddhism is socialist in its fight against social injustice. Buddha's flight did not cease in the course of his life. He pursued it against honesty, thievery, deceit and lying as well as against the privileges of the upper classes. One often forgets that Buddha was a revolutionary preaching in a fendal society love of one's neighbour and equality among all living beings according to the beautiful formula: «men are judged by their actions...»

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Nhắc lại ý kiến trên đây, chúng ta muốn, nhân dịp này nhấn mạnh vào một khía cạnh của vấn đề thường không được nhận định đúng tầm quan trọng.

Đạo Phật không phải dã đượm mầu sắc của chủ nghĩa xã hội hay của một lý thuyết chính trị nào khác. Ngược lại, chính các cuộc cải cách quan trọng đã được thực hiện từ cuối thế kỷ thứ 19 để sửa đổi lại những sự quá bất công trong xã hội, một phần nào, đã đượm cái tinh thần nhân ái, từ bi, hỷ xả mà ta nhận thấy ở đạo Phật, từ 25 thế kỷ trước!

Đức Phật cũng không hề làm cách mạng nhưng đã cách mạng hóa nhân loại vi đã cảm hóa lòng người. Đây là *cuộc cải hóa yên lặng trong tình thương; một cuộc cách mạng bất tận và bất diệt, vô cùng quan trọng vì ngọn lửa thiêng đã nhóm lên trong lòng Phật tử, hết đời này qua đời khác, từ 25 thế kỷ, và còn tồn tại mãi với nhân loại để giải thoát nhân loại.* Cuộc cải hóa ấy cũng khác hẳn tất cả các cuộc cách mạng chính trị hay xã hội khác, vì vô cùng sâu rộng, trong không gian cũng như trong thời gian, bao hàm muôn hình vạn trạng, từ một cử chỉ nhỏ nhặt thường nhật của cá nhân đến những sinh hoạt tập thể, cộng đồng liên hệ đến cả gia đình, quốc gia hay rộng hơn nữa, toàn thể chúng sinh trong vũ trụ.

Xét như vậy, quan niệm rằng Đạo Phật không quan tâm đến các vấn đề trong thế giới hiện hữu là một điều quyết đoán quá vội vàng và sai lạc. Trong Kinh Pháp Hoa, *Đức Thế Tôn đã dạy rằng: «Tất cả các công nghiệp giúp ích cho nhân sinh đều là chính pháp.»*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Chính vì vậy, mà dưới đời Lý và đời Trần, trong khi Phật giáo cực thịnh ở trong nước, lịch sử của ta cũng đã viết được những trang sử vàng oanh liệt, chứng tỏ rằng Phật giáo không phải là « câu hát não nùng để ru ngủ cho những dân chán đời », hay làm tiêu tán tinh thần quốc gia, trước hiểm họa ngoại xâm.

* * *

III. — Nhưng chúng ta còn cần đi xa thêm bước nữa để xét xem *tinh thần Phật giáo có tương ứng với tinh thần và phương pháp của các khoa học xã hội mới xuất hiện trên dưới một thế kỷ nay không?*

Trong tất cả các tôn giáo lớn hiện hữu, Đức Phật là vị giáo chủ duy nhất không chủ trương là hiện thân của Thượng Đế hay đã được Thượng Đế ủy nhiệm. Chỉ là một người thường trong thế giới tràn ngập đau thương này, Đức Thế Tôn đã nhờ ở sự tu chứng mà đạt được chính giác. Con đường giải thoát ấy, thế nhân ai cũng có thể đi theo để trở thành Phật, vì trong mỗi cá nhân, ai nấy đều có Phật tính. Trở thành Phật, tức là thoát khỏi cõi u minh, đạt được chân lý cao siêu bằng tuệ giác. Vì vậy, nếu cần tóm tắt phương pháp của Phật giáo, thiết tưởng có thể nói rằng phương pháp ấy chỉ là *con đường phát minh chân lý*. Đó là một *phương pháp dựa trên trí tuệ hơn là lòng tin*, hay nói cho đúng hơn, một phương pháp đã đặt lòng tin trên cơ sở *của trí tuệ. Phương pháp ấy hoàn toàn phù hợp với tinh thần khoa học nói chung và khoa học xã hội nói riêng.*

Đức Phật không đòi hỏi ở các Phật Tử phải nhắm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

mất dốc một lòng tin. Tránh xa chủ nghĩa giáo điều, Đức Phật, trái lại, đã chấp nhận sự tự do tư tưởng, và sự hồ nghi của Phật Tử. Đức Phật đã dạy chỉ nên tin theo một điều gì một khi chính bản thân đã nhận thức được điều ấy đáng nên tin.

Một hôm, Đức Thế Tôn đi qua một tỉnh nhỏ là Kesaputta ở xứ Kosala (1) Dân xứ ấy, là dân Kalama, khi thấy Đức Thế Tôn đến, thì hỏi rằng:

«Bạch Đức Thế Tôn, có những đạo sĩ và những vị Bà La Môn đi qua thành Kesaputta này, trong khi giảng đạo, đã khinh miệt và lên án những tôn giáo khác. Rồi lại có những đạo sĩ và những vị Bà La Môn khác đến sau, giảng đạo lý của mình cũng chê bai lên án các đạo pháp khác. Vì vậy, chúng con thật do dự và hồ nghi không biết trong các vị đạo sĩ và Bà La Môn ấy, ai đã nói lên sự thật và ai đã dối trá.»

Nhân dịp đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp cho dân Kalama và vạch rõ phương pháp thực tiễn để tìm chân lý, một phương pháp hoàn toàn hợp với tinh thần khoa học khách quan: «Hỡi dân Kalama, các con hồ nghi và do dự là phải vì vấn đề thật đáng hồ nghi. Bây giờ các con hãy nghe lời ta dạy. Các con đừng để bị lung lạc vì các lời thuyết pháp, vì cổ tục truyền thống hay vì những lời mà các con đã được nghe. Các con cũng đừng để bị lung lạc vì các kinh sách, vì lý luận hoặc vì sự suy luận, vì các sự biểu kiến bề ngoài, vì lòng ham thích muốn thảo luận về các

---

(1) Kinh Anguttara Nikaga.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

lý thuyết, vì các điều tương tự như sự thật, hay chỉ vì ý nghĩ: « người đó là thầy ta ». Nhưng hỡi dân Kalama, khi các con tự mình biết rõ rằng có những điều bất lợi, xấu xa, và sai sự thật, các con hãy từ khước những điều đó... và khi các con tự mình biết rõ có những điều thuận lợi, tốt đẹp thì các con hãy chấp nhận lấy và tuân theo đó... »

Trong Kinh Vimamsaka, Đức Phật đã dạy các vị tỳ khưu phải xét cả đến những điều do chính Phật thuyết pháp để hiểu được rõ chân lý.

Dựa trên sự quan sát và kinh nghiệm bản thân, tinh thần Phật giáo thật tương ứng với nền tảng của khoa học hiện đại. Từ chối tất cả những điều gì chỉ căn cứ vào quyền uy hay truyền thống, tinh thần Phật giáo mở rộng cửa đón nhận sự tự do tư tưởng, tự do thảo luận để phát minh ra chân lý, đó là một tinh thần khoa học hoàn toàn độc lập, không chịu một sự lệ thuộc nào giằng buộc, bất luận trong lãnh vực nào hoặc từ đâu tới.

Tinh thần ấy cũng không phải là một tinh thần thụ động, hồ nghi để hồ nghi, hay hồ nghi để từ khước một cách chấp nhất bướng bỉnh. Trái lại, sự hồ nghi chỉ là một giai đoạn tạm thời trên con đường khám phá và tiến đến sự thực. Hồ nghi để tìm kiếm chân lý, hồ nghi để xây dựng trong sáng suốt.

Vì vậy, đối với một người đã hiểu thấu chân lý, kinh điển Phật giáo không nói đến đức tin của người ấy, mà trái lại thường nói rằng: « người ấy đã nhìn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thấy chân lý, đã vượt khỏi hồ nghi và không còn lưỡng lự», hoặc «Tuệ nhỡn vô trần, vô nhiễm đã được rộng mở...», và trong kinh Phật, luôn luôn nhắc tới «trí», «trí tuệ...» suốt đời Đức Phật đã tận tụy thuyết pháp, sau khi thành đạo để làm rạng tỏ chân lý, phá tan vô minh và nghi hoặc ngay trước khi nhập Nát Bàn, Đức Thế Tôn còn ân cần hỏi các đệ tử đứng hầu chung quanh xem còn điều gì hồ nghi về giáo lý để giảng dạy.

Trên đường tìm chân lý, theo nguyên lý của đạo Phật, ta không nên quá câu nệ để đi đến chỗ chia rẽ vì vấn đề danh từ hay danh xưng. Bản chất của chân lý không thể để cho vấn đề danh từ che lấp hay biến đổi được.

«Danh từ có nghĩa lý gì, khi cái mà ta gọi là bông hồng vẫn có hương thơm như vậy, mặc dù ta dùng một tên khác?» Những sự phân hóa về danh từ chỉ là những sự cản trở để tiến đến sự phát minh chân lý và gieo vào đầu óc mọi người những thiên kiến không lành mạnh!

Tinh thần khai phóng và khách quan ấy rất bổ ích cho khoa học nói chung, và khoa học xã hội nói riêng. Nếu trong thế giới hiện tại, các sự giao thiệp giữa cá nhân, hay giữa các quốc gia được ý hội và giải quyết như những mối tương quan giữa đồng loại, giữa người với người, hay giữa các quốc gia bình đẳng và đồng đẳng, bỏ hết các danh từ phân hoá, thì làm sao có sự kỳ thị vì mầu da hay mầu sắc chính trị, làm sao có các sự xung đột gây nên rối loạn hay chiến tranh, trên bình diện

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

quốc gia cũng như quốc tế?

Ai cũng biết, ở Ấn Độ ngày nay, vẫn còn tồn tại bốn giai cấp xã hội, theo một sự phân chia phong kiến có tự ngàn xưa: giai cấp qui trọng nhất là các Bà La Môn ; giai cấp thứ nhì là các võ sĩ (Kshatriya); giai cấp thứ ba là các nông dân (Vaishiya); giai cấp thứ tư là các người Thủ Đà, không thuộc các giai cấp trên (sudra). Ngoài bốn giai cấp này, còn một hạng tiện dân (paria) gồm những người không được có một quyền lợi gì, không ai mó tới. Trong kinh Vasala, Đức Thế Tôn, ngay từ 25 thế kỷ trước, đã chống lại kịch liệt sự kỳ thị và tổ chức xã hội phong kiến ấy: «Không phải do dòng giống mà người ta sinh ra thành tiện dân, không phải do dòng giống mà người ta sinh ra thành Bà La Môn, chỉ do hành vi công nghiệp của mình, người ta trở nên tiện dân, chỉ do hành vi công ngiệp của mình, người ta trở nên Bà La Môn.», những kẻ nào giết hại chúng sinh, vây đốt làng mạc, thành phố, ăn trộm, cướp bóc, lừa đảo, bất hiếu, không phụng dưỡng cha mẹ già yếu v.v. Chính là những kẻ sẽ bị coi là tiện dân.

Suy rộng ra, các danh từ chỉ là những ước lệ, hay những nhãn hiệu, nhiều khi được dùng để che đậy sự thực, gieo rắc trong xã hội những mầm chia rẽ, có hại cho tinh đoàn kết và gây nên các dị kiến đưa đến các cuộc xung đột ngấm ngầm hoặc công khai.

Đối với kẻ khao khát đi tìm chân lý, chân lý bao giờ cũng chỉ là một, không mang nhãn hiệu nào riêng biệt, không thuộc riêng ai, và cũng không phải là độc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUÊ QUANG
https://tieulun.hopto.org

quyền của một nhóm hay một phái nào.

* * *

IV. Nhưng không những phù hợp với khoa học xã hội, tinh thần Phật giáo còn có thể đem lại những sự đóng góp hữu ích để vun bồi cho ngành học này có một sắc thái đặc biệt.

Chúng ta vừa đề cập đến tính cách khai phóng của tinh thần Phật giáo. Chính vì tính cách ấy, mà các Phật tử phải có độ lượng bao dung, không chấp nhất, không ngoan cố, đối với bất luận lý thuyết nào, kể cả chủ thuyết của mình.

Trong Kinh Canki một hôm một nhóm Bà La Môn thông thái trứ danh đến yết kiến đức Thế Tôn để đàm luận về đạo pháp. Trong nhóm đó, một vị tên là Kapathika, tuy mới 16 tuổi, nhưng được coi là lỗi lạc nhất, đã hỏi Đức Thế Tôn: « Thưa đức Cồ Đàm, những thánh kinh Bà La Môn có đã từ lâu, truyền khẩu liên tiếp đời này sang đời khác. Đối với các thánh kinh ấy, các Bà La Môn chúng tôi đều tuyệt đối tin rằng chỉ có những kinh ấy mới là chân lý. Tất cả những điều khác là sai lạc. Vậy nay đức Cồ Đàm nghĩ sao về vấn đề ấy ? »

Đức Thế Tôn hỏi lại : « Trong giới các Bà La Môn, có một vị nào có thể quả quyết đã biết và đã thấy rằng riêng các kinh ấy là chân lý và tất cả các điều khác là sai không ? »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Kapathica thành thực đáp không.

Đức Thế Tôn lại hỏi : « Như vậy, đi ngược về quá khứ, đến bảy đời trước, trong giới các người đã huấn luyện các vị Bà La Môn, hay trong giới các tác giả đã soạn ra các bản kinh Bà La Môn, có một vị nào có thể, quả quyết đã biết hay đã thấy rằng riêng các kinh ấy là chân lý và các điều khác là sai lạc không ? »

Sau khi Kapathica cũng đáp không, Đức Thế Tôn kết luận : « Như vậy, khác nào ta đứng trước một hàng dài người mù dắt nhau, người nọ bám vào lưng người kia. Người đứng đầu không trông thấy gì, người đứng giữa không trông thấy gì, mà người đứng cuối cũng không trông thấy gì cả. Tình trạng của các Bà La Môn khác nào như những người mù ấy .»

Đức Phật lại thuyết pháp khuyên các Bà La Môn như sau : Đối với một người muốn bảo vệ chân lý, không bao giờ nên quả quyết rằng : « Chỉ riêng điều này là chân lý, các điều khác đều sai lạc ». Bất cứ ai cũng có thể tin tưởng vào một điều gì. Nếu người ấy chỉ nói : « Đây là điều tôi tin », thì người ấy đã nói lên sự thật. Song người ấy không thể do sự tin tưởng riêng của mình mà quả quyết : « Riêng điều này là chân lý, còn tất cả các điều khác là sai lạc. »

Theo nguyên lý của Phật giáo, chấp mê một quan điểm và khinh thị coi các quan điểm khác như hèn kém, thái độ ấy sẽ đem lại cho bản thân một mối thúc buộc, một sự lệ thuộc. Hôm khác ở Nalanda, vị giáo chủ đạo

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Jaïn (Trung Hoa gọi là phái Ni Kiện Đà: Nirorantha), tên là Nigantha Nataputta (nhất danh là Jaina Mahavira), phái một đệ tử là Upali đến tìm Đức Thế Tôn để tranh luận về lý thuyết nghiệp báo (karma), vì bất đồng quan điểm với Phật giáo.

Trái với sự tin tưởng lúc ra đi, Upali, sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp đã công nhận nguyên lý của Phật giáo về nghiệp báo là đúng mà quan niệm của phái Ni Kiện Đà là sai và xin Đức Phật nhận làm ưu bà tắc (Upasaka) nghĩa là Phật tử tại gia. Đức Thế Tôn đã khuyên Upali không nên quyết định vội vàng, vì đối với những người có danh tiếng như Upali, cần phải suy xét kỹ. Trước lòng thành khẩn của Upali nhất định muốn được thụ giáo, Đức Thế Tôn lại khuyên Upali nên tiếp tục tôn kính và ủng hộ sư phụ cũ như ngày trước. (Kinh Upali).

Tới thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên, Vua A Dục cũng noi theo tấm gương khoan độ ấy và cũng tôn trọng tất cả các tôn giáo khác ở trong nước. Trong một đạo sắc lệnh được tạc vào đá (sắc lệnh số 12) mà hiện nay vẫn còn di tích, Vua A Dục đã tuyên bố long trọng sự tự do tín ngưỡng, mặc dầu nhà vua đã qui theo Phật giáo:

« Tôn trọng tôn giáo của mình để lên án các tôn giáo khác là một việc không nên làm. Trái lại, vì nhiều lẽ, ta cũng phải tôn trọng tôn giáo của các người khác sống chung quanh ta. Hành động như vậy, ta sẽ giúp cho tôn giáo của ta được thêm uy tín, mà ta cũng giúp cả cho các tôn giáo khác. Hành động ngược lại, tức

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

là ta đã tự tay đào mồ chôn tôn giáo của mình mà cũng làm phương hại đến tôn giáo của người... Như vậy, để có sự hòa hợp trong toàn quốc, tất cả mọi người hãy nghe và tôn trọng các giáo lý của các tôn giáo khác ».

Đem áp dụng tinh thần khoan độ này của Phật giáo vào lãnh vực khoa học nói chung, và lãnh vực khoa học xã hội nói riêng, sẽ giúp cho khoa học được rộng đường tiến bộ. Trong lịch sử nhân loại, nhiều khi những lý thuyết độc đáo, chính chỉ vì đã được những khối óc thần diệu phát minh ra quá sớm trong một khuôn khổ xã hội còn lạc hậu, đã bị phủ nhận như tà thuyết và tệ hơn nữa, các người chủ trương những lý thuyết tân kỳ ấy còn bị bạc đãi hay khủng bố!

Trong địa hạt chính trị và xã hội, tinh thần khoan độ này, ngày nay được coi là một hệ luận tất nhiên của những nhân quyền căn bản mà toàn thể thế giới đều thừa nhận như các nguyên tắc tự do tư tưởng, tự do ngôn ngữ v.v..; tuy nhiên, trong thực tế, tình trạng khác hẳn: Hiện nay, trên hoàn cầu, các sự xung đột giữa các khối hay các quốc gia cũng như trong một nước, các sự phân hóa tranh hùng, các thảm cảnh nồi da nấu thịt đều bắt nguồn ở thái độ quá chấp thiếu khoan độ, hay ở tinh thần giáo điều hẹp hòi hoặc ở óc chủ nghĩa bè phái đảng trị.

Trong lịch sử loài người, biết bao nhiêu lần các cuộc thánh chiến đã xảy ra, chỉ vì trong sự bang giao quốc tế đã thiếu tinh thần khoan dung thông cảm, mỗi dân tộc coi tôn giáo của mình là chân chính và hạ các

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tôn giáo của dân tộc khác xuống hàng tà giáo! Biết bao nhiêu lần, lửa chiến tranh cũng đã bùng nổ chỉ vì những chủ nghĩa hay những lý tưởng quá khích muốn chiếm giữ độc quyền chân lý và loại bỏ hết các chủ nghĩa hay các chính kiến khác!

Sự tranh đấu cho tự do, cho chân lý phải đi đôi với sự tranh đấu cho tinh thần khoan độ. Không nuôi dưỡng tinh thần khoan độ ấy, tức là đã vô tình xâm phạm vào tự do. Không thể nại được một lý do nào chính đáng để dày xéo lên tự do, cũng không thể nại một lý do nào chính đáng để chấp nhận sự dày xéo lên tinh thần khoan độ, kể cả trường hợp khẩn thiết. Như william Pitt đã nói : « Sự khẩn thiết thường được cầu viện để bào chữa cho mọi sự xâm phạm vào tự do. Nhưng đó chỉ là lý luận của những kẻ độc tài tan bạo; và đó cũng chỉ là khẩu khí của những kẻ cam phận làm nô lệ. » (Necessity is the plea for every infringement of human freedom. It is the argument of tyrants ; it is the creed of slaves.)

Trong nhân loại nói chung, và trong một quốc gia nói riêng, chỉ có sự cảm thông sáng suốt và tinh thần khoan độ tương thân tương ái, mới giúp cho sự phát triển tất cả khả năng của con người, cho sự phát huy xán lạn của văn minh, tuy đồng nhất trong sự tôn trọng các giá trị tinh thần, mà vẫn mang muôn vạn sắc thái riêng biệt.

Nếu khoa học xã hội nhằm mục đích áp dụng phương pháp khoa học tìm kiếm những định luật trong địa hạt xã hội và chính trị để tiến đến những phương thức sống trong

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẤN NGỮ Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

an lạc, trong sự phát huy triệt để của các khả năng con người, dể không một ai phải chịu những đe dọa hay những đối xử bất công hoặc tàn bạo vì tư tưởng hay chinh kiến của mình, thì tinh thần khoan độ của Phật giáo là một điều kiện tối thiết yếu để đạt được mục đích ấy.

Nhưng sự đóng góp của tinh thần Phật giáo còn quan trọng hơn nữa trong lãnh vực khoa học xã hội.

Không những khao khát tìm chân lý với một tinh thần khách quan, khai phóng và khoan độ, đạo Phật còn chú trọng đặc biệt vào sự mở rộng tình thương để đón nhận và bảo vệ sự sống còn của tất cả chúng sinh, nghiêm cấm sự giết chóc cũng như những hành vi tàn bạo gây đau khổ cho người và vạn vật. Quá say mê về triết lý cao siêu của Phật giáo, nhiều học giả quên hẳn rằng giáo lý của Đức Thế Tôn có một khía cạnh thực tế qui giá, nhằm đem lại «an lạc cho đại đa số, hạnh phúc cho đại đa số, tình thương cho toàn thể thế giới» (bahujanahitaya, bahujanasukhaya, lokanukampaya). Bên cạnh trí tuệ, giáo lý đạo Phật còn đặt trọng tâm vào lòng từ bi, tình bác ái đối với tất cả nhân loại và chúng sinh. Thiếu trí tuệ, con người sẽ sa ngã vào biển tình cảm mê muội; thiếu nhân ái, con người sẽ trở thành tàn nhẫn, sắt đá. Để nuôi dưỡng cả tâm và trí, Đức Thế Tôn đã vạch cho các Phật Tử con đường Bát chánh đạo mà chúng ta đều biết rõ. Con đường ấy, chúng ta cũng có thể noi theo, trong lãnh vực của khoa học xã hội, để *đạt tới chân lý trong tình thương*.

* * *

Có thể nói rằng không những Phật giáo đã có ảnh

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUÂN NHU HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

hưởng sâu rộng về phương diện chính trị, xã hội và kinh tế tại một số lớn quốc gia Á châu, trong hơn 25 thế kỷ qua, mà còn có thể tích cực góp phần trong sự phát triển các môn khoa học xã hội trong tương lai.

Không phải là một tôn giáo yếm thế, hay một triết lý từ khước hoặc thoái thác nhiệm vụ đối với xã hội và nhân loại, Phật giáo, trái lại, đã can đảm nhận định thực chất đau khổ của cuộc đời, can đảm phân tích các nguyên nhân đau khổ để can đảm tìm và tiến tới con đường diệt khổ, tự giải thoát.

Tinh thần khách quan khao khát chân lý, một chân lý cao siêu vô thượng, — và lòng từ bi nhân ái vô tận, hai yếu tố tối quan trọng này trong Phật giáo đã và sẽ đóng góp rất nhiều cho sự tiến triển của nhân loại.

Nhằm xây dựng một xã hội lành mạnh trên chân lý và tình thương, Phật giáo phát huy triệt để tất cả các khả năng của con người, tôn trọng hoàn toàn các tự do nhân bản. Trong xã hội ấy, người nào tự chiến thắng được mình, dẹp được các mối tham, sân, si trong nội tâm, mới là kẻ chiến sĩ oai hùng nhất. Trong xã hội ấy, sự thù hận sẽ được chinh phục bằng tình thương vô hạn. Thay vì sự hiềm khích, ghen ghét, đố kỵ và tham vọng, chỉ có sự từ bi nhân ái mới làm nguyên động lực cho các hành vi của con người để xóa bỏ các sự bất công, xoa dịu các mối đau thương, hàn gắn các sự phân hóa và giải hòa mọi sự xung đột.

Sống trong hòa bình, trong tình tương thân tương ái, từ tuyệt mọi thái độ chấp nhất hẹp hòi và thiển cận,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thái Hà HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

con người sẽ đạt được hòa bình, an lạc để cùng nhau tiến trên con đường chân lý vô thượng.

Phải chăng những sự đóng góp cao quý này của đạo Phật đối với ngành khoa học xã hội sẽ hướng dẫn chúng ta đến những chân trời mới tràn ngập tình thương và đoàn kết?

VŨ VĂN MẪU

THƯ VIỆN HUỆ QUANG



https://tieulun.hopto.org

TƯ TƯỞNG HOA NGHIÊM VỀ CON NGƯỜI XÃ HỘI

I. XÃ HỘI HỌC VÀ PHẬT HỌC

Con người phức tạp, đời sống rắc rối, thế giới lôi thôi, trăm ngàn chuyện nhỏ nhặt nan giải xảy ra hàng ngày, khắp mọi nơi, ngoài thế gian cũng như trong lòng mình. Nhưng vì thành kiến và thói quen, chúng ta không mấy khi dám thắc mắc đặt thành vấn đề để giải quyết chúng một cách triệt để. Chúng ta cố gắng nhẫn nhục cho đến một ngày kia sự khủng hoảng quá mức chịu đựng bắt buộc chúng ta phải đặt câu hỏi. Xã hội học và Phật học phát xuất từ đấy.

Xã hội học đặt trọng tâm vào những khủng hoảng rộng lớn ở ngoại cảnh, đó là những khủng hoảng kinh tế, chính trị, giáo dục, lao động v. v... Những sự kiện này vượt ra ngoài khung cảnh truyền thống và những giải đáp thông thường. Những tình thế mới lạ bắt buộc chúng ta phải cố gắng suy tư để tìm kiếm sáng kiến thích hợp hơn.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT THÁI VIỆN
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Phật học thì lại đặt trọng tâm vào những khủng hoảng thường nhật ở nội tâm, những sự kiện tế nhị trong ý thức và nhất là trong tiềm thức. Phân tâm học ngày nay có thể là giao điểm giữa Xã hội học và Phật học (C.G. Jung, Hubert Benoit, Erich Fromm, Karen Horney). Những nhân vật này là tiêu biểu cho khuynh hướng hiện đại của phân tâm học và xã hội học. Tây phương đang chuyển sang con đường Thiền Phật giáo. Phân tâm học thi gần Phật giáo hơn vì mục đích của phân tâm học là tìm nguyên nhân của những khủng hoảng nội tâm, tuy nhiên cũng chưa hẳn là Phật giáo vì một sự khác biệt ở phương pháp. Phương pháp phân tâm học và xã hội học là phương pháp khoa học, phân tích, tỷ giảo, thống kê, v. v... một phương pháp căn cứ trên các phương tiện tối tân về thông tin và ghi nhận bằng óc điện tử. Phương pháp Phật giáo thì trái lại tuy không phủ nhận giá trị của khoa học trên phương diện phụng sự tiện nghi cho con người, nhưng không tin tưởng vào đó để tìm thấy giải đáp cho những thắc mắc nội tâm. Những định luật khoa học do lý trí con người tạo ra không thể nào bao hàm được con người toàn diện, một con người luôn bị rắc rối với vấn đề tự do, không thích bổn phận một chiều và thích sống với cuồng hứng. Căn cứ vào những định luật xã hội hay phân tâm, chúng ta chỉ có thể giải đáp tạm thời để ổn định tình thế trong khi chờ đợi một khủng hoảng khác trầm trọng hơn trong tương lai. Biết bao nhiêu nhà xã hội học đã tốn công kiếm ra định luật tạm bợ để một ngày kia thấy sai lầm nếu họ còn sống. Auguste Comte đã ngờ ngàn cho rằng kỹ nghệ phát triển thì con người hòa bình hơn và nếu có xảy

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ra chiến tranh thì ít tai hại vì không có sự tham chiến của toàn dân. Ông tổ của xã hội học đã lầm lẫn lớn khi cho rằng nhân loại tiến bộ theo luật «*ba trạng thái*» (lois des trois états) nghĩa là văn minh nhân loại theo sử học phải đi từ trạng thái thần học, qua trạng thái siêu hình mới đến trạng thái thực nghiệm ngày hôm nay. Ông quên rằng những trạng thái nói trên cùng với những trạng thái khác đều sẵn có tàng trử trong mọi người, chỉ chờ đợi điều kiện thuận tiện là phát khởi, bộc lộ ra bất chấp sử sách. Trạng thái thần học xưa biến thành trạng thái suy tôn thần tượng nay, có thể là Staline hay Brigitte Bardot, tín ngưỡng biến thành chủ nghĩa. Thánh kinh biến thành *Das KAPITAL*, ngay Phật giáo mà cũng bắt đầu có Giáo hội để «đáp ứng» với hoàn cảnh mà ngàn xưa không có. Sự mê tín dị đoan vẫn tồn tại với mấy thầy số cầu cơ cho chính khách, và khoa y học vì đã quảng cáo quá mức trụ sinh và sinh tố tạo thành một tín ngưỡng mới tai hại không kém tân dược nước lã ngày xưa. Còn trạng thái siêu hình hay trạng thái chấp trước vào những nguyên lý trừu tượng, theo Auguste Comte nay cũng không còn. Sự thật thì trái lại, sự kiện này không những còn tồn tại mãnh liệt với những chủ nghĩa gây chiến tranh tâm lý bằng khẩu hiệu, mà lại được Liên hiệp quốc hợp pháp hóa với «*Tuyên ngôn nhân quyền*» với những danh từ rỗng tuếch như Tự do và Bình đẳng. Thử hỏi Liên hiệp quốc đã làm gì cho Tiệp khắc, Biafra và Việt nam với những tuyên ngôn trên ? Sau chót, trạng thái thực nghiệm mà Auguste Comte cho là trạng thái của kỷ nguyên sắp đến thì cũng không được dùng lắm vì nó chỉ phát triển mạnh mà thôi chứ không phải bắt đầu với ông. Trạng thái thực

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nghiệm sẽ tiếp tục trong tương lai đồng thời với những trạng thái khác. Xã hội học theo phương pháp khoa học của Auguste Comte đã bắt đầu với tác phẩm «*Cộng hòa*» (la Répbulique) của Platon và tác phẩm «*Chính trị*» (La Politique) của Aristote cách đây hơn hai ngàn năm. Trạng thái thực nghiệm như vậy cũng quá cũ.

Platon, áp dụng phương pháp luận lý biện chứng đi đến kết luận theo sở thích riêng để tạo thuyết. Comte đã theo đúng Platon và kéo theo Marx, Spencer và Weber để tạo ra một thứ xã hội học căn cứ trên kiến thức bách khoa bao trùm đời sống xã hội con người. Họ dùng những tài liệu của sử học để chứng minh và để hệ thống hóa đời sống xã hội một cách trọn vẹn theo giai đoạn lịch sử tiến đều như cái đồng hồ, an toàn trật tự, bảo đảm an ninh. Những thuyết dựa trên sử tính nhân loại một cách triệt để rất dẹp mắt với một tri thức kiểu Hégel, có thể đưa nhân loại phiêu lưu tai hại với những ảo tưởng tiên tri, bi quan với định mệnh theo Oswald Spengler *(Déclin de l'Occident)* hay lạc quan với tự do theo Arnold Toynbee *(La civilisation à l'épreuve)*. Tai hại vì những danh từ Định mệnh và Tự do không thể nhờ luận lý biện chứng hay kiến thức bách khoa để định nghĩa được. Tin vào tương lai là giết chết hiện tại.

Aristote đến sau Platon, áp dụng phương pháp thực tiễn, duy nghiệm bằng cách kê khai (thống kê ngày hôm nay), phân tích khách quan mọi tổ chức, cơ cấu, nghiên cứu sự phân công và công nhận sự biến chuyển là điều kiện sống còn của xã hội. Nhưng vì còn bị ảnh hưởng của Platon nặng cho nên ông đi kiếm cái thường

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hẳng với thuyết quân bình xã hội và hệ thống hoá xã hội thành những tương quan xã hội. Thành thử với Aristote chúng ta đi vào thế giới xã hội học theo Wright Mills gồm ba loại tư tưởng gia. *Thứ nhất* là những vị như Comte và Spencer theo đúng Aristote, vừa thí nghiệm những dữ kiện vừa đi kiếm tương quan. *Thứ hai* là những vị chỉ biết đi kiếm dữ kiện, phần nhiều là chi tiết không ích lợi chung. Những quyển sách về xã hội học do các đại học xuất bản cho ta một ý niệm về những xã hội học gia duy nghiệm này. Đối với họ phương pháp là quan trọng tư tưởng không cần thiết. Họ đi xem túc cầu với một ống viễn kính nên chỉ thấy ngọn cỏ trên sân banh, rất chính xác nhưng vô ích. Ví dụ : Paul F. Lazarsfeld, Georges Lundberg, Samuel Stouffer, Stuart Dodd v. v.. *Thứ ba* là những vị chỉ thích hệ thống hoá đi kiếm những tương quan xã hội và những cái thường hằng hết sức trừu tượng, hết sức cố định, hết sức cao siêu. Họ dùng những danh từ chuyên môn rắc rối chẻ sợi tóc ra làm tư để rốt cuộc không kiếm ra gì cả. Đó là những vị tạo ra một thiên tiểu thuyết về túc cầu nhưng chưa hề xem đá banh. Có thể rất hay nhưng không thực. Ví dụ : Talcott Parsons, Simmel, Von Weise.

Truyền thống Platon và truyền thống Aristote là hai vị trí giới hạn cho xã hội học mệnh danh là tân thời theo Comte. Không có một trường phái nào thuộc xã hội học hay chính trị học mà vượt qua nổi truyền thống tư tưởng Hy Lạp. Phương tiện có phần thiện xảo hơn nhưng phương pháp thì không tiến được bao nhiêu. Truyền thống Platon theo một chiều hướng rất nghiêm khắc đối với cá nhân ; ông đuổi ra khỏi *a thành*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT TRẦN NGỌC HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

quốc» (Cité) những thi sĩ với vòng hoa ân thưởng, cá nhân phải tùy thuộc Thành quốc về thể xác lẫn tinh thần vì Thành quốc là đấng sáng tạo ra Đức lý và Pháp lý, chỉ định phần vụ cho mọi người và đè bẹp cá nhân. Truyền thống Aristote thì lại uyển chuyển hơn vì ông chú trọng vào khoa học quan sát để kiếm những tương quan xã hội sống động và phức tạp. Cá nhân với Aristote thì khỏi bị đè bẹp một cách độc đoán nhưng vẫn tùy thuộc vào vị trí, cảnh ngộ và cơ cấu mà phù hợp để sinh sống. Nhân vật lần đầu tiên thắc mắc về vấn đề pháp lý và tự do, sự cưỡng chế xã hội cùng với giá trị của luật pháp là Saint Augustin với tác phẩm xã hội học đầu tiên: La Cité de Dieu. Tất nhiên cái tự do của Augustin nói đây không thể nào hướng mạnh vào tự do cá nhân được vì nó sẽ chạm vào giáo lý và tín điều một cách gián tiếp nguy hại. Tự do ở đây chỉ là tự do thiên nhiên và thiên mệnh (liberté naturelle et providentieile) nằm trong phạm vi lý trí mà Rousseau sau này thực tiến hóa với tác phẩm bất hủ Xã Ước (Contrat social) đầy thiện chí nhưng thiếu sáng suốt. Thiếu sáng suốt vì muốn hợp lý hóa tự do bằng một án tù. Những mâu thuẫn do Xã ước đem lại đã được chúng tôi trình bày trong Tư tưởng 2,3 bộ cũ. Trong đó chúng tôi có nói rõ quan điểm Phật giáo về vấn đề Cá nhân và Xã hội bằng con đường Thiền qua những nhà xã hội học kiêm phân tâm học. Ở đây tôi muốn trình bày khả tánh của Phật giáo đối với song quan: «Tự do cá nhân và Cưỡng chế xã hội»; bằng con đường Hoa Nghiêm qua phương pháp hiện tượng luận (1)

---

(1) Có một trường phái Xã hội học dùng phương pháp hiện tượng luận (Schelen, Vierkandt. Litt, Schutz, Geiger. Mauss).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

áp dụng trong Xã hội học.

2. HIỆN TƯỢNG LUẬN VÀ PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI PHƯƠNG PHÁP XÃ HỘI HỌC.

Phương pháp khoa học khách quan không bao giờ trở về với sự vật nguyên khởi: Họ lo chú trọng vào tương quan nên quên tánh chất sự vật. Lewis. F. Richardson đã toán học hóa bằng công thức những tương quan xã hội và chính trị trong «Generalized Foreign Policy», «War Moods» và «Variation of the Frequency of Fatal Quarels with Magnitude». Richardson cho rằng *«Những công thức này chỉ là sự mô tả cách cư xử giữa người với nhau nếu chúng nó không bao giờ chịu khó suy tư»* hay nói một cách khác: nếu người là máy không có trí óc. Richardson là tiêu biểu cho môn phái *«Lý học xã hội»* (1) (Social Physics) gồm nhiều toán học gia được trọng dụng trong việc làm chương trình (programming) cho óc điện cơ như: Nicolas Rashevsky, Volterra, Lotka, Gause, Fisher, S. Wright. Beverton, Holt, Neyman, Slobodkin, Park và Scott v. v... Những vị trên gia nhập vào làng xã hội học nhờ ở phong trào điện cơ cần toán hơn là vì khiếu năng xã hội. Chính Auguste Comte là chịu trách nhiệm trong vụ suy tôn toán học nầy vì đã phủ nhận tâm lý cá nhân mà ông cho rằng không có thực tại. Cá nhân theo ông chỉ là một sự *«trừu tượng kinh viện»*, chính

---

(1) Xem ví dụ mẫu toán «Lý học xã hội» ở cuối bài trong phần chú giải trang 152.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

«xã hội mới là thực tại duy nhất». Cách đây hơn 100 năm, những trích dịch của ông bằng Anh ngữ tại Hoa kỳ đều được mệnh danh là *«Lý học xã hội»* với một chú thích chủ quan hết sức *«Một tác phẩm để diệt sâu bọ chính trị và lang băm đức lý»*!!!

Hiện tượng luận thì trái lại thấy vấn đề tiên khởi của xã hội học là vị trí của ý nghĩa trong sự mô tả phương pháp. Nếu cho rằng con người không khác gì sự vật trong phương pháp là chấp nhận sự tương đương giữa hiện tượng vật lý và hiện tượng nhân tính. Chấp nhận một sự tương đương tạm bợ như vậy thay vì đi mạnh vào căn nguyên triệt để là tố cáo sự bất trung tính của tinh thần khoa học khách quan. Khoa học xã hội phải dựa trên những định đề khác với khoa học toán lý. Trước hết khoa học xã hội phải công nhận định đề đặc biệt cho rằng *«người có khả tính hiểu người»* vì xã hội là một thế giới có liên chủ tính (monde intersubjectif). Nhưng điều kiện tiên quyết cho định đề của sự thông cảm tha nhân ấy là *«Tôi đối với tôi không phải là một sự trong suốt thuần túy»* (Lyotard, Phéno trang 81) hay nói một cách khác tôi nhìn tôi từ ngoài vào như tha nhân nhìn tôi vậy. Phương pháp hiện tượng luận dựa trên sự suy tư phân biệt cho nên khác với phương pháp thiền định Phật giáo dựa trên trí vô phân biệt tại đây. Phương pháp hiện tượng luận do đó không thể nào đi đến kết luận: *«Ta thấy ta trong suốt»* hay *«vô ngã»* như phương pháp Thiền định Phật giáo được. Nhưng phương pháp hiện tượng luận dầu sao cũng đã tiến nhiều trên con đường nội hướng để thấy mức quan trọng của cá nhân trong xã hội học: Phương pháp khoa học khách quan bắt buộc phải ngoại

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hướng, vì chỉ có nhìn ra ngoài mới thấy khách thể, cho nên thường lãng quên thân phận con người trong xã hội. Con đường nội hướng của hiện tượng luận lại không phải là duy nội hướng chủ quan (introspectionisme subjectif) của Sartre vì không đi đến kết luận tạo thuyết nào hết. Cái *thông-cảm-tha-nhân* hay cái *Ta-không-trong-suốt* của hiện tượng luận đều hoàn toàn vô thưởng vô phạt. Sự phân tích tha nhân của Sartre trái lại không trung tính vì ông đi đến kết luận tâm lý: *người ta là lang sói đối với tha nhân. Cái « Ta-không-trong suốt »* của Sartre hay của Camus đã biến thành kẻ xa lạ vì triết học hiện sinh Pháp hướng về phân tích tâm lý quá mạnh. Husserl hết sức đả kích những tư tưởng duy tâm lý này (psychologisme) vì chúng cản trở không cho hiện tượng luận biến thành phương pháp khoa học. Vật thể tiên khởi xã hội học phải là nhân tánh nguyên khởi hay nguyên tánh con người (basic personality) theo danh từ của Kardiner chứ không phải dữ kiện xã hội (faits sociaux) có thể lập lại, đếm được, phân hạng và sắp hạng. Cơ cấu học với Levi Strauss cũng đã đi vào xã hội học bằng một con đường khá gần nhân tánh đó là con đường của Nhân chủng học. Tuy nhiên sự vật tiên khởi của Levi Strauss chưa phải là nhân tánh mà là xã tánh hay cơ cấu của các tổ hợp xã hội như cơ cấu nhân khẩu (démographiques), cơ cấu kinh tế và địa lý, cơ cấu tinh thần và thể chế v.v... Cơ cấu thuyết có thể nới rộng phạm vi xã hội học tiến sát với nhân tánh nhưng không giải quyết vấn đề. Theo ông Lefort trong *La méthode de Kardiner* thì: *«Mọi thể chế muốn có ý nghĩa, phải tìm trong lòng nhân tánh»* (Lyotard Phéno trang 91) Xã hội học phải đi trên con đường hiện tượng luận vì xã hội là một phạm trù đặc biệt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUÁN NGỮ HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

sống động, một sân khấu mà chúng ta vừa là khán giả vừa là diễn viên. Khoa học chưa bao giờ thấy một sân khấu lạ lùng như vậy cho nên chỉ biết cắt ngang khán-diễn-viên ra làm hai và hạ màn vở kịch. Không những khoa học xã hội mà Y khoa Tây phương cũng vậy chuyên môn mổ xẻ nên tìm hoài không thấy mạch châm cứu ở đâu và đành đi đến kết luận phải đóng cửa Đông Y. Khoa học Tây phương nói chung vì tánh chất quá phân tích nên chỉ thích ra đi mà quên giá trị của điểm khởi hành thành thử không làm sao mà hiểu nổi tư tưởng Á đông xưa (Xin nhấn mạnh ở chữ Xưa vì Á đông nay là Tây phương thế kỷ 18 André Amar giáo sư Viện Chính trị học Paris nói trong Planète 31 như sau: *Đối với người Tây phương tư tưởng Á đông là bất khả tri nếu người Tây phương không làm sống dậy lại tư tưởng mình.*» Chính Heidegger cũng chủ trương trong tập Essais et Conférences rằng Tây phương phải trở về với căn nguyên Hy lạp mới mong tạo «*điều kiện tiên khởi cho song thoại bất khả kháng với thế giới Á đông*» Nếu phần nhân tánh không còn trong xã hội, thì quần chúng sẽ mất suy tư và chỉ tin tưởng vào những công thức toán học hay những dữ kiện có thể giảo nghiệm được. Những câu hỏi về Chân lý, Tự do, Sinh tử Định mệnh v.v sẽ được thay thế bằng những câu hỏi về thời tiết, vật giá, thuốc men, cá ngựa v.v... Nhân tánh mất thì sáng tạo và phát minh không còn. Xã hội đã vô tình khai trừ sáng lập viên và duy trì thụ động viên một cách máy móc nên xã hội biến thành một bộ máy chạy quanh, một bánh xe quay tại chỗ. Alain nói: «*Con người suy tư chống lại xã hội say ngủ, đó là câu chuyện muôn đời và mùa xuân luôn luôn vẫn gặp lại*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thảo Viên
HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

mùa đông để chiến thắng». Hiện tượng luận theo Husserl là «một trầm tư vô hạn» cho nên luôn luôn đánh thức xã hội và giữ vững tính chất sống động của xã hội. Một xã hội sống động không bao giờ có sự mâu thuẫn với cá nhân, chỉ có những xã hội chết mới đem lại khủng hoảng cho người tự do, khao khát sống.

3. TƯ TƯỞNG HOA NGHIÊM : LÝ VÀ SỰ.

Hoa Nghiêm tiếng phạn, Avatamsaka có nghĩa là Tràng hoa gồm nhiều phẩm kinh, trong đó có phẩm Gandavyuha có nghĩa là Trang hoàng bằng hoa. Phẩm này là phẩm duy nhất được dịch ra Hán văn và cũng là phẩm quan trọng bậc nhất cho nên thường lấy tên Hoa nghiêm hay Nhập pháp giới phẩm. Nhập pháp giới phẩm là phẩm nói về sự đi vào cảnh giới chân thực của tâm. Nhập pháp giới là đi vào chốn mà Hiện tượng luận đang còn phân vân đứng ở bên thềm phân biệt chưa dám vào. Nhập pháp giới nghĩa là vượt qua giai đoạn nội hướng hiện tượng luận mà tiến vào nội Tâm vô phân biệt. «*Cái Nhảy căn bản vượt qua lý trí*» của Heidegger là ở chỗ này. Đối với những vị có căn cơ thì cái nhảy này nhẹ hơn chiếc lá mùa thu nhưng đối với óc Tây Phương thì cả một sự bạo gan phi tưởng, cái «*bước liều*» (risque) mà Nietzsche thường nói cũng nằm ở đây. Vì Thiện tài đồng tử (Sudhana) căn cơ cao nên nhập pháp giới dễ dàng dưới sự hướng dẫn của Bồ tát Văn thù sư lợi (Manjurçr) hiện thân của Trí bát nhả Vô phân biệt. Phương pháp «điều tra và thống kê «xã hội học» bắt đầu tại đây với sự đi thăm vấn

hết vị đạo sư này đến vị đạo sư khác của Thiện tài đồng tử, tất cả 53 vị, trụ ở khắp tầng cảnh giới, mang đủ lốt chúng sanh. Kết quả của hành trình điều tra này đem lại cho Thiện tài đồng tử bốn cảnh trí lạ lùng : Sự pháp giới, Lý pháp giới, Lý sự vô ngại pháp giới, và và Sự sự vô ngại pháp giới. Đó là bốn giới hạn tùy theo trình độ hướng về căn nguyên của từng người. Chúng ta có thể tạm hiểu rằng : *Sự pháp giới* là thế giới sống động trong triết học hiện sinh hướng về cá thể với tinh thần tự do, *Lý Pháp giới* là thế giới tinh thần khoa học hướng về nhân tánh với tinh thần bình đẳng, *Lý sự vô ngại pháp giới* là thế giới của các vị chân tu, đạo sĩ hay hiền triết, của tất cả mọi tôn giáo hay khuynh hướng khi đã đi vào nội tâm, của sự hòa hợp nhân tánh với cá thể, tự do và bình đẳng ; *Sự sự vô ngại pháp giới* là thế giới lạ lùng nhất của Phật giáo, hòa hợp Chân như với Diệu hữu để cứu độ chúng sanh, thực hiện bồ tát hạnh. Theo biện chứng pháp thì chỉ có ba pháp giới là đủ : *LÝ*, *SỰ* và *Lý Sự vô ngại*, không thể nào có cái thứ tư. Tư tưởng Hoa nghiêm với *Sự sự vô ngại* đã vượt ra khỏi vòng lý trí cho nên biện chứng pháp Tây phương cùng với mọi tư tưởng cao siêu đều không thể nào thấu triệt được. *Sự sự vô ngại* tuy là một tổng hợp tâm linh như *Lý sự vô ngại*, tuy cả hai đều siêu lý vì vô phân biệt thoát khỏi vòng Nhị nguyên (luận lý phân hai), nhưng *Sự sự vô ngại* lại hướng mạnh vào thế giới Sự của Đại bi để cứu nhân loại ngày nay đang bị lâm vào mê hồn trận của Lý trí, của chiến tranh ý thức hệ, của tâm lý chiến, của Khoa học phân hai. *Lý lý vô ngại* xét không cần thiết, vì Đại Trí phải nhường bước cho Đại Bi trên cõi thế gian này. Chúng ta có thể hiểu những pháp giới

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

này qua câu chuyện *«núi sông»* của một công án Thiền: (xem bảng I trang sau).

Khi chưa tu thì núi là núi, sông là sông;
Khi tu thì núi là sông, sông là núi;
Khi tu xong thì núi hoàn núi, sông hoàn sông.

nghĩa là:

1) Khi chưa tu, óc phân hai đang còn, chúng ta phân biệt ra *Lý pháp giới* và *Sự pháp giới*. Sự phân biệt này tạo ra rất nhiều song quan tương phản hay mâu thuẫn trong một thế giới nhị nguyên đầy tranh chấp, hận thù, máu lửa triền miên. Những song quan ấy tạm sắp xếp theo sơ đồ sau đây:

THẾ GIỚI NHỊ NGUYÊN

A Sự pháp giới	B Lý pháp giới
Ao Thể	Bo Tánh
A1 Nghịch lý	B1 Lý trí
A2 Bất tất	B2 Tất yếu
A3 Tự do	B3 Định mệnh
A4 Cuồng hứng	B4 Nhân quả
A5 Tự ý	B5 Lý do, định luật
A6 Lựa chọn	B6 Bình đẳng
A7 Cá thể	B7 Nhân Tánh
A8 Dị biệt	B8 Đại đồng
A9 Nghệ thuật	B9 Kỹ thuật
A10 Sáng tạo	B10 Kiến tạo
A11 Thời gian	B11 Không gian
v. v...	v. v...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

BẢNG I

TẠI THẾ (chưa tu)

với Thế giới phân hai nên thấy :

Núi là núi Sông là sông

Cá nhân

thấy mâu thuẫn giữa :

SỰ PHÁP GIỚI và LÝ PHÁP GIỚI

hay giữa

Cá thể và Nhân tánh

XUẤT THẾ (đang tu)

với Lý sự vô ngại pháp giới

Hết chấp Ngã cho nên

không phân biệt :

SỰ với LÝ

hay :

Tánh Thể với Thể Tánh

(Núi là sông) (Sông là núi)

NHẬP THẾ (tu xong)

với Sự sự vô ngại pháp giới

Cá nhân

không thấy mâu thuẫn giữa :

Cá thể và Nhân tánh

hay là

Núi hoàn núi và Sông hoàn sông

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Bất cứ phạm trù nào ở A có thể cùng với một phạm trù ở B tạo ra một song quan hay ngược lại. Sở dĩ có sự sắp đặt như trên vì theo thói quen thường dùng.

Ví dụ : Tự do và bình đẳng là song quan chính trị còn tự do và định mệnh là song quan siêu hình.

2). *Khi tu* thì óc phân hai không còn, không thấy sự phân biệt giữa *Lý pháp giới* và *Sự pháp giới* hay nói một cách khác chúng ta đã nhập vào *Lý sự pháp giới vô ngại*. Vô ngại hay Viên dung vô ngại nghĩa dung thông nhau không ngăn ngại. Sự kiện Lý sự vô ngại này chỉ đạt được bằng nội tâm, nếu phóng ra ngoài thì mất tánh chất vô ngại mà biến thành phân hai. Lý trong thế giới Lý sự vô ngại là Đại Trí, là Huệ, là Trí Bát nhả (Prajna) hay vô phân biệt trí, đó là lý trí của những vị chân tu của bất cứ tôn giáo nào khi đắc đạo. Đó là một tinh thần vô chấp toàn triệt, núi là sông cũng được và sông là núi cũng không sao. Chỉ có trong thế giới Lý sự vô ngại này Liên hiệp quốc mới có thể nói chuyện bênh vực Tự do và bình đẳng. Tự do và bình đẳng mà hợp pháp hóa bằng tuyên ngôn với thế giới nhị nguyên thì thật là đáng ngại vì nó chia đôi thế giới ra làm hai phần hợp pháp để chém giết nhau. Sự hay Tự do A3 trong thế giới vô ngại thì lại khó hiểu hơn Lý hay Định mệnh B3 vì danh từ Tự do mà định nghĩa được thì phải rớt vào vòng Lý trí của thế giới phân hai. Bergson trong Les données immédiates de la conscience có nói : « *Bất cứ định nghĩa nào về Tự do cũng hợp lý hóa thuyết định mệnh* » Chỉ có thế giới phân hai mới có cái chuyện định nghĩa để mà phân biệt nhau bằng nhãn hiệu. Chúng ta có

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thể tạm hình dung Tự do ở Lý sự vô ngại với ý nghĩa tiêu cực như là trạng thái *giải thoát* mà thôi (escape from). Đó là trạng thái NHÀN Á đông khác với Tự do A3 hợp lý, một thứ *tự do để mà*... (freedom to) Cái Tự-do-để-mà này thường được xã hội ấn định trong hiến pháp như tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do hội họp v.v. Tự do A3 này có thể vật chất hóa dưới hình thức tiền tài danh vọng, và đã làm cho nhà xã hội học Erich Fromm *chạy trốn tự do* với tác phẩm bất hủ *Escape from freedom*. Tự do bằng tiền không đem lại chữ nhàn nhưng chỉ đem lại một bảo đảm vật chất tạm thời mà thôi. Tự do của thế giới tự do ngày hôm nay và cái tự do hứa hẹn ngày mai của thế giới cộng sản là tự do vật chất mà người ta có thể trao tặng cho nhau hay đổi chác tranh dành. Tự do của Lý sự vô ngại trái lại là tự do tâm linh không trao tặng được vì không thể từ ngoài vào nhưng chỉ ở trong lòng mình mà thôi. Tất cả những phạm trù khác A hay B thuộc Lý hay Sự cũng phải được *hiểu bằng hai cách* như vậy để tránh mâu thuẫn. Ví dụ danh từ Binh đẳng B6 mà chúng ta thường gặp trên phương diện chính trị, đó là một thứ Binh đẳng chống Tự do A3 (Tự do được tượng trưng bằng Tiền và Danh). Tất nhiên tinh thần bình đẳng B6 này phải chủ trương đấu tranh giai cấp và đặc biệt chú trọng vào sự phân cấp giàu nghèo. Đồng nhất hóa Tiền và Danh với tất cả mọi thứ tự do A3 kể cả tự do tâm linh là một sai lầm tối nguy hiểm vì nó giết trọn Sự pháp giới với cả thể A7, Nghệ thuật A9, Sáng tạo A10 và Cuồng hứng A4 v.v. Sở dĩ cộng sản càng ngày càng mạnh ở Hoa kỳ là vì khoa học khách quan của Lý pháp giới đang tiến mạnh vào những lãnh vực của Sự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

pháp giới, xâm chiếm triết học (Duy nghiệm, duy danh, duy thực dụng và duy thực nghiệm với luận lý toán học và óc điện cơ) sau khi đã được Auguste Comte loại trừ siêu hình và Kant loại trừ tôn giáo. Ở Tây Âu, nhờ tư tưởng hiện sinh quá mạnh cho nên cái bình đẳng B6 đi quá lố không ai ưa và cộng đẳng càng ngày càng thối hóa. Bình đẳng của Lý sự vô ngại là bình đẳng nội tâm vô chấp, không thấy sự cần thiết của tiền tài danh vọng để mà tranh đấu hơn thua một khi chữ Nhàn đã đạt được trong tâm hồn. Trạng thái an nhiên tự tại của Bình đẳng tánh trí (samatajnana) không đặt vấn đề hơn thua sau trước của Sự và Lý, của Thể Ao và tánh Bo, của cá thể A7 và Nhân tánh B7 v. v...

3). *Khi tu xong* thì tuy óc phân hai không còn, tuy không thấy sự phân biệt giữa Lý pháp giới và Sự pháp giới, nhưng vì Đại Nguyện và Bại bi cho nên các vị chân tu thường hướng trở lại thế giới phân biệt để thực hiện cứu độ chúng sanh. Chỉ có những vị Bồ tát mới có gan dấn thân vào thế giới nhị nguyên, chịu đựng mọi tàn nhẫn của chúng sanh. Sở dĩ họ chấp nhận được là nhờ tinh thần vô chấp, chịu nhục được là nhờ chữ Nhẫn của Vô sanh pháp nhẫn. Khi chưa tu là tại thế, khi đang tu là xuất thế nhưng khi tu xong thì lại nhập thế để thấy núi hoàn núi, sông hoàn sông. Nhập thế hay giáng sanh chỉ có với lòng từ bi và tinh thần cứu độ. Tinh thần này đã được Đào chi Tiên, diễn tả một cách rõ ràng như sau:

Kim thân nhập thế bi nhân thế

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Bửu tọa sanh liên độ chúng sanh.

Sự sự vô ngại pháp giới là thế giới sống động của Đại thừa Phật giáo. Một sống động khác thường vì đã chuyển tánh, đã làm một cuộc cách mạng nội tâm tiên khởi, đã có lần thấy núi là sông, và thấy sông là núi. Đừng lầm tưởng sự chuyển tánh này với sự cách mạng xã hội của những chính trị gia óc đầy ý thức hệ. Đừng lầm Bồ tát hạnh với những triết thuyết hành động mà Nhất Hạnh phổ biến trong quyển *Đạo Phật hiện đại hóa*. Tác giả muốn biến Đại thừa Phật giáo thành một giáo hội Trung cổ hay một chủ nghĩa đại đồng gồm toàn đảng viên được huấn luyện theo phương pháp hiện đại. Những đảng viên ấy chỉ thấy núi là núi, sông là sông chứ không thể nào thấy núi hoàn núi sông hoàn sông. Đem những lý thuyết Tây phương đang khủng hoảng (như chủ nghĩa thực nghiệm cũ rích 1675) về làm «*nền tảng cho triết học hành động của đạo Phật ngày nay*» (trang 89) là một sự khôi hài chết người, chết người vì Phật giáo sẽ biến thành giáo hội có quân kỷ để cho chính trị dùng làm quân cờ. Sự cách mạng Trung cổ của Nhất Hạnh rất nguy hiểm vì được che đậy dưới hình thức chỉ chủ trương cách mạng phương tiện mà thôi nhưng trên thực tế tác giả chủ trương *cách mạng giáo lý*. «*Ý thức về sự cần thiết của sự có mặt người trí thức văn nghệ sĩ và thanh niên trong hàng ngũ Phật tử trong công việc xây dựng đạo Phật, ta sẽ phải khai thị những giáo lý và giáo chế mới phù hợp với thời đại và căn cơ của họ*» (trang 38).

Lẽ dĩ nhiên tác giả che đậy chủ trương chính trị dưới một lớp sơn tư tưởng Phật giáo chính thống cho nên người

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

kém căn cơ mới xem qua thì tưởng như là thành thật. Ví dụ tác giả chủ trương phá chấp nhưng lại chấp vào giới luật mà tác giả đồng nhất hóa với những giáo chế ràng buộc. Tác giả quên rằng giới luật của Phật giáo là những giới hạn và kỷ luật mà mình tự nguyện theo, không ai bắt buộc ai hết. Phá chấp sao lại chấp vào ?

Trong quy ước giáo hội Tân tăng Việt Nam (Từ quang số 192-193, giáo hội này đang được vận động thành lập nhưng bị Từ quang chỉ trích) giới luật là vấn đề then chốt và vì muốn thu hút số đông cho nên giới luật *cho phép ăn mặn, lập gia đình, và uống rượu đừng say với điều kiện là có tú tài* (trang 2).

Tất cả sự kiện này được mở màn bằng những lời kinh hết sức đại cương mơ hồ trích ở Pháp hoa, Lục tổ đàn kinh và cả Hoa nghiêm. Phong trào Pháp hoa Nha trang cũng đầy những tư tưởng cao siêu của Phật để kết luận với sự suy tôn Giáo chủ ở cuối trang chót in hệt qui ước Tân tăng. Sẽ có những phong trào khác kinh khủng hơn qui vị ráng chờ xem. Sở dĩ có những trạng thái não nùng như vậy là vì chưa xuất thế mà đã lo nhập thế thành vẫn còn thích làm vua tại thế: Sự sự vô ngại biến thành sự sự đáng ngại vậy. Những bùa chú pháp thuật ma tà cùng tiền tài danh vọng vật chất của thế giới nhị nguyên sẽ được tung vào và tạo ra những Tân tăng đại dạo sau này để xáo trộn thêm đất nước Việt Nam.

4. CÁ NHÂN VÀ XÃ HỘI.

Ở thế giới vô ngại vì Lý Sự viên dung nên không

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

bao giờ có chuyện mâu thuẫn giữa các phạm trù Lý và Sự. Vấn đề Cá nhân và xã hội không bao giờ được đặt ra vì cá nhân và xã hội là một. Cá nhân và xã hội của thế giới vô ngại là một sự thông dung hòa hợp giữa Cá thể A7 và Nhân tánh B7, vì vậy cho nên ở đây danh từ cá nhân và xã hội không cần nêu ra và chỉ hiện diện một cách hàm súc.

Vì một *tình cờ bất khả tri* mà ta thường gọi là *Vô minh* đã phóng một phần con người (sự hòa hợp của cá thể A7 và nhân tánh B7) ra ngoài cảnh giới với Thế giới Nhị nguyên. Cái vô minh của chúng sanh ấy cùng với cái *Đại nguyện nhập thế* của các vị bồ tát phát xuất từ một Lý do B5 mà ta tạm gọi là Bất tất A2, hay từ một sự Tự ý A5 mà ta tạm gọi Tất yếu B2 (Vấn đề này sẽ được bàn kỹ ở chương 5 về Tự do và Định mệnh. Mọi ý niệm bất khả tri của thế giới vô ngại chỉ có thể trình bày một cách song phương mà thôi).

Con người hay sự hòa hợp của Cá thể A7 và Nhân tánh B7, chỉ được phóng ra một phần gồm vừa Lý B và Sự A, phần ấy ta tạm gọi là *Cá nhân* để sinh sống trong thế giới Nhị nguyên với tư cách thành phần xã hội. Phần còn lại là *Thể tánh* hay *Tánh thể* tùy theo khía cạnh Lý hay Sự mình muốn nổi bật. Phần Thể tánh của con người ở lại trong thế giới vô ngại cho nên cá nhân (hiện thể theo Heidegger) không thể nào ý niệm được. Hégel thì thấy phần cá nhân trong *Indroduction à la philosophie de l'histoire*: «*Những con người chỉ là những dụng cụ của tinh thần vũ trụ*» còn Nietzsche thì thấy nổi phần Thể tánh siêu phàm trong *Ainsi parlait Zarathoustra*: «*Con người là cái gì phải vượt qua... cho*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

đến ngay các vì sao cũng phải ở dưới người». Riêng Heidegger thì thấy đúng rằng: cá nhân, mà ông gọi là hiện thể (Dasein), ở trong một trạng thái lưng chừng, không trọn vẹn trong Etre et le temps: «*Đặc tính của hiện thể là không bao giờ kết thúc thành một toàn thể trọn vẹn; không thể gạch ngang chấm dứt được*» Cá nhân được phóng ra ngoài thế giới phân hai là một hiện tượng đầy mâu thuẫn của hai phần A và B, Sự và Lý và Nicolas Berdiaeff trong 5 Méditations sur l' existence đã định nghĩa rõ ràng cái cá nhân song phương rắc rối ấy như sau: «*Cá nhân (la personne) là sự tương phản thể nhập của cá thể và xã hội, của thể và tướng, của vô biên hữu hạn, của tự do và định mệnh*» Nhưng Berdjaeff cũng như phần đông các triết gia hiện sinh khác đều đứng lại với cái cá nhân song phương này tuy không chịu gia nhập xã hội nhưng cũng không chịu vào thế giới vô ngại với Thể tánh: «*cá nhân không bao giờ được phép hòa mình vào xã hội hay vũ trụ* (cosmique)» Sở dĩ có sự dừng yên này là vì tư tưởng Tây phương vẫn kẹt trong thế quan niệm rằng đời là một kiếp được giới hạn bằng ngày sanh và ngày chết. Họ chấp nhận khác với Heidegger khi ông này lạc quan cho rằng «*hiện thể không thể gạch ngang chấm dứt được.*» Tư tưởng Hoa nghiêm là tư tưởng có thể nói là tư tưởng lạc quan bậc nhất: Chúng ta có thể đạt Niết bàn nếu biết trở về với Căn nguyên của Thể và Tánh trong Lý Sự Vô ngại pháp giới, bất sanh bất diệt.

Đặc tánh của tư tưởng Hoa nghiêm về vấn đề Cá nhân là sự kiện phóng cá nhân vào thế giới nhị nguyên (Lý pháp giới và Sự pháp giới) chứ không phải phóng Cá nhân vào Xã hội. Tư tưởng Hoa nghiêm coi Cá

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nhân và Xã hội chỉ là một, có khác nhau thì chỉ là ở *lượng* chứ không phải ở *phẩm: Cá nhân thế nào thì Xã hội như vậy không hơn không kém.* Phóng Cá nhân vào thế giới nhị nguyên là phân hai cá nhân ra làm hai phần đối lập và mâu thuẫn với nhau: Cá thể A7 xung đột với nhân tánh B7:

A) *Cá thể A7* được phong trào duy lý khoa học trọng dụng để tạo ra một thế giới Duy Vật suy tôn số lượng hơn phẩm chất, do đó nhân tánh B7 con người bị bỏ rơi. Xã hội được tạo ra trong tinh thần này chỉ biết có con số đó là một xã hội đại chúng không mâu thuẫn với cá thể A7 trong tinh thần lượng nhưng mâu thẫn với nhân tánh B7 trong tinh thần phẩm. Trên thực tế, sự mâu thuẫn này chỉ là kết quả của sự đối lập giữa nhân tánh B7 và Cá thể A7. Hay nói một cách khác *mình thấy mình mâu thuẫn với xã hội là vì mình tự mâu thuẫn với mình* mà không hay. Than trời, trách đất, chống Mỹ, chống Nga, chống tư bản, chống cọng sản là làm toàn chuyện tào lao, mình phải chống mình trước. Phóng ngoại sự xung đột nội tâm ra ngoài thành sự chống đối xã hội là một hành động bất trung chính thường được che đậy bằng những danh từ cao siêu, những lý tưởng cao đẹp để cho mình được suy tôn. Không chống đối tất cả mọi thành phần xã hội là tinh thần của bài số 31 trong kinh Sigàla thuộc Trường bộ kinh (Dighanikàya). Phật dạy thường phải lạy 6 hướng: 4 phương Đông Nam Tây Bắc, Thiên đỉnh với Thiên đế, 6 hướng ấy tượng trưng cho (1) Cha mẹ (2) Thầy dạy (3) Vợ con (4) Bạn bè (5) Gia nhân hay Thợ thuyền (6) Tu sĩ. Tinh thần không phân chia giai cấp là tinh thần xã hội số một của Phật giáo, một tôn giáo không bao giờ chủ trương Giáo hội với Giáo quyền, không bao giờ tham gia chính

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI HÒA HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

trị với tinh thần điều khiển hay chỉ huy. Hình thức phương tiện không bao giờ đàn áp nội dung cứu cánh và lượng không bao giờ được đề cao để thay thế cho phẩm. Phật giáo nhờ vậy luôn luôn sống động với con người vì sự sống không bao giờ có với đám đông. Cái sống của đám đông là sự va chạm, xung đột, chen lấn, chạy theo chiều hướng của dư luận, chạy quanh chạy quẩn với sự vận hành Brown. Cái sống của nhân tánh B7 là cái sống cô đơn đầy sáng tác và sung mãn nhưng với điều kiện: phải ở trong vòng vô ngại vì nếu không chúng ta lại rơi vào lầm lẫn của cá thể A7 ngoại tại.

B). *Nhân tánh B7* trái lại, cũng được phong trào duy lý kinh viện trọng dụng để tạo ra một thế giới Duy Niệm suy tôn ý thức hệ rộng lớn mà khinh thường hiện tại nhỏ bé của cá thể A7. Xã hội xây dựng trong tinh thần này chỉ biết có những danh từ rỗng không, đó là một xã hội lý tưởng không mâu thuẫn với Nhân tánh A7 trên phương diện lý trí nhưng mâu thuẫn với Cá thể A7 trên phương diện tự do.

Cá thể A7 và Nhân tánh B7 luôn luôn xung đột với nhau trong thế giới nhị nguyên và cho ta cảm tưởng sai lầm rằng cá nhân mâu thuẫn với xã hội. Krishnamurti trong *Commentaries on living* có nói: *Sở dĩ có xung đột giữa con người và xã hội là bởi vì con người xung đột với chính mình, và sự xung đột xảy ra giữa Tĩnh và Động. Xã hội là sự biểu lộ ngoại tại của con người.*

Xã hội và công dân là đồng nghĩa, công dân tốt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

thì xã hội tốt hay trái lại. Nhưng Công dân không phải con người toàn diện gồm phần nội tâm vô ngại của Thể và Tánh cho nên Công dân tốt chưa chắc là con người tốt và con người tốt có thể là công dân xấu. *Hồi ký về chốn địa ngục trần gian* của Dostoievsky đã diễn tả trạng huống bi đát của hạng công dân xấu này. Họ là những người tốt, những bậc chân tu, những nhà hiền triết hay nghệ sĩ, họ đã sống trong vòng vô ngại cho nên dầu bị xã hội nhị nguyên bỏ rơi khinh khi hay tù đày, họ vẫn sống an nhàn tự do. Đó là những người đã tự giải thoát khỏi mọi quốc gia, mọi xã hội, mọi thế giới phân hai. Họ không phải là Cá nhân, Cá thể hay Nhân tánh, họ là cả ba hợp lại viên dung vô ngại. Họ không sống với xã hội vì không phóng mình ra ngoài xã hội và do đó không thấy mâu thuẫn với xã hội. Chúng ta mến họ khâm phục hay thương hại họ vì chúng ta còn sống với xã hội và bộ óc Duy lý đã chận đứng chúng ta bên thềm phân biệt để mà xót xa suông.

Óc duy lý đôi khi cũng giàu tình cảm, khi lý khi sự, nhưng không bao giờ chịu đi vào căn nguyên để giải quyết song quan Cá nhân và xã hội. Óc duy lý thích dùng biện chứng pháp để bênh vực Lý pháp giới và ngụy trang Sự Pháp giới bằng cái biến hành vĩnh cửu. Biến hành của biện chứng pháp là bánh xe quay một chỗ trong khi sự sống động của Sự pháp giới là những chấn động cuồng hứng sương sa điện chớp hay trầm mặc tâm linh mà lý trí không làm sao hiểu thấu. Tất cả các phạm trù của thế giới Sự đều bị Lý trí ngụy trang bằng những phạm trù song phương tương đương với danh từ biến

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hành nói trên. Óc duy lý không chịu đi vào căn nguyên bằng thiền định hay sáng tác mà chỉ thích cấu tạo bằng phương pháp tổng hợp những phạm trù Lý và Sự. Do đó họ luôn luôn đứng yên trong thế giới tư tưởng không vượt qua nổi Platon và Aristote. Tổng hợp duy lý giữa Thể Ao và Tánh Bo là một thứ Nhất nguyên chết khô loại Linh hồn vũ trụ của Hégel. Tổng hợp giữa Nghịch Lý A1 và lý trí B1 là một thứ Toán Lý nhiều chiều để thay thế cho biện chứng pháp và làm nền tảng cho cơ cấu thuyết. Tổng hợp giữa Bất tất A2 và Tất yếu B2 là Cái nhiên hay định luật của những sự ngẫu nhiên đếm được (Probabilité). Tổng hợp giữa Tự do A3 và Định mệnh B3 là Hành động, một thứ triết thuyết mà Nhất hạnh say mê trên con đường Thực nghiệm. Những giải quyết tổng hợp duy lý trên hoàn toàn đi ra ngoài Trí tuệ vô ngại của Hoa nghiêm vì Tổng hợp theo chiều Lý trí là biến kế phân biệt. Một tổng hợp khác rất đặc sắc thường được nhắc tới trên phương diện chính trị là Dân chủ hay tổng hợp giữa Lựa chọn A6 và Bình đẳng B6. Bình đẳng ứng cử và bầu cử, mỗi cử tri một lá phiếu thật là hợp lý, rồi được phép lựa chọn thật là tự do (mặc dầu lựa chọn trong giới hạn). Dân chủ bằng cách bầu đại diện là một biện pháp dễ sinh ra độc tài nếu số người đại diện quá ít. Tai hại nhất là sự trưng cầu dân ý để bầu ra có một người. Dân chủ tập trung (theo danh từ biện chứng) là cha đẻ độc tài. Tinh thần dân chủ chính trị trong Phật giáo được trình bày trong kinh Trường A hàm số 16 phẩm 1 bằng câu chuyện sau đây:

Vua nước Magadha muốn chinh phục dân Vajji phái đại thần Vassakàra đến hỏi ý kiến đức Thế Tôn. Ngài

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

không trả lời thẳng cho Vassakàra mà nói riêng với Ananda đứng quạt một bên đại khái như sau :

« Tinh thần dân chủ mạnh thì dân sẽ cường thịnh nhưng không biết dân Vajji có tụ họp, làm việc và giải tán trong niệm đoàn kết không ?

Sau khi nghe Ananda đáp là có chuyện đoàn kết toàn dân, viên đại thần rút lui có trật tự chạy về phi báo tâu vua bãi binh.

Không mâu thuẫn với bản thân nên mới đoàn kết và dân có đoàn kết thì mới có thể nói đến chuyện một chính thể dân chủ, nếu không thì sẽ lâm vào cảnh thối nát hay độc tài nguy trang.

Nhưng song quan trầm trọng nhất giữa con người và xã hội không phải ở trên địa hạt chính trị mà lại ở trên lãnh vực của đệ tam quyền hay Tư pháp.

Tư pháp hay công lý *thiên về Lý có lẽ mạnh nhất thế gian* cho nên vấn đề tình cảm của thế giới Sự không mấy khi được chiếu cố. Đi đâu cũng gặp tòa án, ngoài mặt trận cũng như ở hậu phương, tòa án bao trùm tất cả bầu trời, xâm nhập vào tất cả mọi lãnh vực, kinh tế, xã hội, chính trị, quân sự, hành chánh. Cá nhân đi đâu cũng gặp cảnh sát, quân cảnh và quan tòa bởi vì công lý là giới hạn của tự do cá nhân vô trật tự. Công lý là giới hạn giữa Tự ý A5 (Tự do ý chí) và Định luật B5, một giới hạn hết sức co giản theo thời gian và không gian. Những tranh luận về vị trí của giới hạn này là công việc hằng ngày của các luật gia nhưng không quan trọng bằng vấn đề *trách nhiệm*. Trách nhiệm của cá nhân phạm tội? hay trách nhiệm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

của xã hội tạo hoàn cảnh cho tội phạm?

Hai truyền thống đang chi phối hình luật căn cứ trên vấn đề trách nhiệm này:

1) Nếu công nhận trách nhiệm cá nhân thì phải trừng phạt nhân danh một nguyên tắc nào đó (bác ái thiên chúa giáo, lương tri theo Rousseau, tuyệt đối lệnh hay impératif catégorique theo Kant, biện chứng duy vật theo Marx). Và Platon đã tiên phong bằng câu: «*Người phạm tội mà không đền tội là phạm tội nặng nhất*» cùng Hégel tiếp theo «*Trừng phạt là một quyền hạn đối với chính ngay tội nhân*» (Principes métaphysiques du droit).

2) Còn nếu công nhận xã hội trách nhiệm phần nào thì phải lập những trại chỉnh huấn và những tổ chức xã hội để ngăn ngừa tội phạm bằng giáo dục, hướng nghiệp v. v... Phong trào này đang bành trướng ở Tây phương với các nhà Khoa học xã hội, nhưng chưa bước vào thành trì Tư pháp được. Đây là điểm son cho xã hội học vì đã đi đúng trên con đường Hoa nghiêm bằng cách đặt trách nhiệm đồng đều cho cả hai đẳng Lý và Sự. Nhưng nếu đi quá mạnh và chỉ chú trọng vào trách nhiệm xã hội đơn phương thì lại trật đường rầy và rơi vào sự sai lầm của chủ trương máy móc hóa cá nhân. (Con người không thể nào huấn luyện theo phương pháp Pavlov như súc vật). Tinh thần Hoa nghiêm về vấn đề trách nhiệm thì cho rằng đó chỉ là một vòng lẩn quẩn lý sự vì đã phân biệt sai lầm cá nhân với xã hội trên phương diện phẩm trong khi chỉ sai biệt trên phương diện lượng mà thôi. Xin nhắc lại: Trách nhiệm cá nhân là trách nhiệm xã hội

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT THÂN NỮ HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

hay ngược lại vì *Cá nhân thế nào thì xã hội như vậy không hơn không kém.* Ngoài ra trách nhiệm Cá nhân bao giờ cũng được đặt ra trong tinh thần chờ đợi hậu quả sau một hành động, sự kiện này chỉ xảy ra trong thế giới phân hai đầy e ngại chứ không bao giờ có trong thế giới Vô ngại. Nếu nội tâm chưa ổn còn e thì trách nhiệm chỉ là một danh từ đẹp mắt để che đậy đấu tranh và hận thù hướng ngoại mà thôi: Đó là câu nói của Nietzsche ở bên kia thế giới nhắn lại chúng ta: *«Trách nhiệm: lông chim công trang điểm hận thù»* (*Fragments posthumes,*) Được làm vua thua làm giặc là nền tảng trách nhiệm lý chính trị thủ đoạn, là căn bản của trách nhiệm con lừa Buridan khi thì bổn phận xã hội khi thì lương tri cá nhân. Lúc thắng thì ta đã hy sinh cho chính nghĩa theo tiếng gọi của tinh thần trách nhiệm với bổn phận, khi bại thì ta phải lãnh án theo ngụy quyền nhân danh tinh thần trách nhiệm của lương tri. Một dàng công thành danh toại, một dàng thân bại danh liệt, nhưng cả hai đều là thân tàn ma dại vì lỗi ở trách nhiệm cả. (Tô bia gồm bia đá và bia miệng tại đây)

Vấn đề trách nhiệm đối với tuổi trẻ là một chuyện hy hữu nhất. Thời bình thì tuổi trẻ là vô trách nhiệm vì thiếu thâm niên công vụ hay thiếu kinh nghiệm tuổi dảng cho nên bao giờ cũng ở đàng sau chạy đớm ăn tàn. Nhưng lúc có chiến tranh thì tuổi trẻ lại được giao phó trách nhiệm lớn nhất vì đầy đủ khả năng sức khoẻ hay ý chí hùng cường nhất để hy sinh xương máu. Cho nên nếu thời bình mà giao trách nhiệm cho tuổi trẻ thì có thể ốm đói lang thang, nhưng nếu có chiến tranh mà toàn thế giới đồng ý chủ trương cho già chết trước trẻ thì chắc chắn đình chiến ngay để an hưởng một hòa bình vĩnh viễn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Trận Mậu Thân là một trò chơi cou nít làm tan nát một thế hệ sinh từ năm 1950 đến 1955 mà già tuổi đảng phải gánh nặng phần trách nhiệm.

5. TỰ DO VÀ ĐỊNH MỆNH

Vấn đề trách nhiệm cũng như những vấn đề khác như sự *Tác động* (Praxis) sự *Dấn thân* (Engagement) sự *Liều nguy* (risque) v.v là những cố gắng của lý trí để giải quyết song quan tự do và định mệnh và tránh phương pháp tổng hợp trên phương diện lý thuyết của những tư tưởng duy niệm hiện đang lâm vào nạn khủng hoảng bế tắc. Triết học tử lâu xoay sang chiều hướng tác dụng và mệnh danh là triết học hành động, triết học này phát xuất với khuynh hướng thực dụng (Pragmatisme) ở cuối thế kỷ thứ 19, hiện sinh đầu thế kỷ 20 cùng với Mát xít ở Nga và triết học tác dụng (operational philosophy) ở Hoa kỳ ngày hôm nay. Chủ nghĩa Thực nghiệm mà Nhất hạnh dùng để làm nồng cốt cho triết học hành động để «hiện đại hóa» giáo lý Đạo Phật là ở đầu thế kỷ thứ 17 với Bacon (xem *Phật giáo hiện đại hóa trang* 101) Thầy làm một chuyện khôi hài vì ngay những chủ nghĩa Tân thực nghiệm cũng lâm vào cảnh bế tắc của khủng hoảng tư tưởng và tất cả Tây phương đang hướng vào tư tưởng Phật giáo để cầu viện. Heidegger và Jaspers, hai triết gia hiện sinh lớn nhất cũng đang đề cao tư tưởng Thiền Á đông và. Chính ngay Levi Strauss, ông tổ của tư tưởng mới nhất Tây phương với Cơ cấu luận cũng công nhận như vậy. Ông nói trong *Tristes tropiques* rằng từ lúc Phật giác ngộ đến nay, đã hai ngàn năm trăm năm rồi mà «*chúng ta vẫn không khám phá ra gì mới lạ cả*». Xã hội học

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẤN NGỮ HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ngày nay (đang chuyển hướng sang cơ cấu thuyết với ngành ngôn ngữ học và nhân chủng học để kiếm tương quan cho định luật xã hội) cũng công nhận giá trị của tư tưởng Phật giáo trên phương diện xã hội (Sorokin, Erich Fromm, De Martino v.v.) Hiện đại hóa giáo lý nhà Phật với những tư tưởng Tây phương thời Phục hưng hay Trung cổ là làm một thủ đoạn chính trị giai đoạn

Tất cả những tư tưởng Tây phương hiện đang bế tắc là vì thuyết hành động của họ là một thứ hành động hướng ngoại chủ trương cách mạng chống chướng ngại chứ không phải một hành động nội tâm chủ trương cứu độ chúng sanh trong tinh thần vô ngại của Hoa nghiêm. Hành động của Hoa nghiêm là một hành động nhập thế chứ không phải hành động tại thế. Cách mạng của Hoa nghiêm là một Chuyển tánh, một sự *«thay đổi hướng lòng»* theo danh từ thi sĩ Rainer Maria Rilke. Hành động phải như vậy mới có thể liên kết một cách siêu nghiệm tự do A3 và Định mệnh B3, cá thể A7 và nhân tánh B7, nghệ thuật A9 và kỹ thuật B9, không gian B11 với thời gian A11, dị biệt A8 với đại đồng B8, Thể Ao và Tánh Bo. v. v...

Tổng hợp biện chứng của triết học duy niệm cũng như Hành động hướng ngoại của triết học duy thực không giải quyết được sự khủng hoảng tư tưởng ngày nay. Tổng hợp biện chứng chỉ đem lại một ý niệm một danh từ, một cái *Tướng* trống rỗng nên không thể nào làm căn bản cho Thể hay Tánh. Hành động hướng ngoại cũng chỉ đem lại một phương tiện, một sự ra đi, một cái *Dụng* hoài công, nên cũng không làm nền tảng cho Thể và Tánh được. Thế giới nhị nguyên chỉ thấy Tướng và Dụng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

chứ không làm sao thấy được Tánh và Thể. Do đó giá trị quan trọng đặc biệt của tư tưởng chuyển tánh trong Hoa nghiêm : Với chuyển tánh hay cuộc cách mạng nội tâm thì Tướng nhập vào Tánh, Dụng biến thành Thể hay Diệu Dụng, và mâu thuẫn cá nhân và xã hội khỏi cần giải quyết bằng biện chứng pháp duy lý chủ trương đấu tranh tàn nhẫn mà bằng Dịch hóa pháp Long thọ hay tiếng sét tâm linh để âm thầm siêu thoát với Duy ma cật. Tư tưởng chuyển tánh đem lại hành động cho hòa bình nhân loại đã được Nietzsche diễn tả một cách hùng tráng: « *Chính những lời nói im lặng nhất mới mang lại bão tố. Chính những tư tưởng hiện đến trên bước chân bồ câu mới có thể điều-động thế gian.* » Bão tố im lặng Nietzsche chính là tiếng sét âm thầm Duy ma cật và đó chính là hành động Sự sự Vô ngại Hoa Nghiêm.

Bão tố và sấm sét trong lòng diệt trừ lý trí phân hai và phá tan mọi mâu thuẫn thế gian. Nhờ vậy nên nghệ sĩ không bao giờ thấy mâu thuẫn giữa tự do và định mệnh vì họ không còn phân biệt nghệ thuật A9 với kỹ thuật B9 khi sáng tác. Và Thiền sư cũng không bao giờ thấy mâu thuẫn giữa tự do và định mệnh vì họ không phân biệt thời gian A11 và không gian B11 khi trầm mặc.

Có chuyển tánh xong chúng ta mới thấy như nhà thi sĩ siêu toán học Novalis :

« *Phải chăng chính Ta đã tự chọn lấy từ ngàn xưa tất cả những định mệnh của Ta?* »

Và định mệnh cũng không còn là vấn đề với Trần

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

quốc Tảng (Thượng sĩ Huệ trung): vì vô ngại đã đến với ngọn gió:

Thiền phong vô hậu diệc vô liền.

Bổn thể như như chỉ tự nhiên.

. . . . . .

và cùng với ngọn gió một tiếng chim cô đơn:

Nhất thanh lãnh nhạn độ sương thiên.

(Ngữ lục)

và cô đơn Thượng sĩ tức xã hội DIỄN HỒNG.

NGÔ TRỌNG ANH

PHẦN CHÚ GIẢI

I. Ví dụ về giá trị đối với thực tế của Mẫu toán (modèle mathématique) trong Khoa Lý học xã hội:

Ricardo, do ảnh hưởng duy nhiên của Rousseau, trong Principles of Political Economy and Taxation cho rằng xã hội đã phức tạp hóa con người nguyên thủy, rất giản dị trong trạng thái «thiên nhiên». Con người giản dị Ricardo là con người kinh tế (homo economicus)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thái Hà HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

sống bằng sản xuất và mậu dịch. Việc trao đổi sản xuất phải có ít nhất là hai «kinh nhân» X và Y. Mỗi kinh nhân sản xuất được một đơn vị hàng hóa tạm cho bằng nhau (luật bình đẳng xã hội) trên phương diện giá trị (ai định đoạt cái này ? trong sa mạc hạt cơm quí hơn hạt vàng) mặc dầu khác loại. Phần hàng hóa trao đổi là p phần cất lại là bằng 1-p. Tất nhiên đã làm việc sinh lợi phải đem lại thỏa mãn (Sx) cho X và (Sy) cho Y. Nhưng sản xuất tăng quá mức sẽ làm năng suất sinh lợi trụt xuống hay nói một cách khác, lợi ích càng tăng thì mức đền bù càng xuống. Ví dụ khi lương 10.000 một tháng tăng lên thành 100.000 thì sự đền bù 5.000 của giờ phụ không còn thích ứng vì năng xuất sinh lợi quá kém : Chỉ có 5 thay vì 50 %. Sự kiện này được biểu tượng bằng một hàm số đối số (fonction logarithmique). Ngoài ra còn có chuyện chán vì làm việc nhiều, một thứ tổn hại phủ định lợi ích tượng trưng bằng — B. Ricardo ghép các biến số vào 2 phương trình :

$$(Sx) = \log (1 + px + qy) - Bx$$

$$(Sy) = \log (1 + qx + py) - By$$

Với những xảo thuật máy móc toán học không cần trình ở đây, Ricardo đi đến 3 kết luận :

— 1) Theo nguyên tắc bình đẳng, thì điều kiện là phải đi đến điểm quân bình hay p/B lớn hơn 1 nghĩa là mỗi kinh nhân đừng lưu kho quá nhiều hàng (cấm đầu cơ) và cũng đừng bê trễ công việc sản xuất (nhưng nếu sản xuất càng nhiều càng tốt thì làm sao có quân bình ?)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT MIỀN NAM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

— 2). điểm quân bình là : $x = p/B - 1$ và $y = p/B - 1$

Điểm quân bình này lại không phải điểm lý tưởng cho riêng từng người (dầu cơ vẫn lợi) mặc dầu rất cần thiết cho ích lợi chung (Đây là sự mâu thuẫn giữa tư và công trong một xã hội có hai kinh nhân giản dị đến mức tối đa).

— 3) Điểm lý tưởng cho từng người là ở điểm «tốt nhất xã hội» (optimum social) hay là điểm Pareto (Gesamnutzen hay ophélimite totale) :

$$x = y = 1/B\text{-}1$$

Nếu B vượt quá giới hạn khẩn cấp thì điểm tốt nhất xã hội» là lợi hơn đối với dân ăn bám (parasite), nhưng nếu B ở dưới giới hạn thi dân ăn bám cũng vẫn lợi hơn. Nói một cách khác là luôn luôn ăn bám vẫn lợi hơn nếu bạn mình đừng quá nhác. Tuy nhiên toán học chỉ thấy có một chiều : thấy sự *cấm nhác* chứ không thấy sự *cho phép nhác* thành thử nếu ta kết luận rằng : Ăn bám có lợi nếu mình khá nhác, thì là sai!

Mẫu toán xa với với thực tế vì phải phù hợp với thiên nhiên Rousseau hay kinh nhân Ricardo trong trường hợp trên. Những mẫu toán khác cũng phải phù hợp theo những định đề khác thành thử những kết luận do mẫu toán đem lại bao giờ cũng được *tiền định ngay trong khi đặt vấn đề*. Ta có thể so sánh lý học xã hội với nghệ thuật đánh cờ tướng. Kinh nhân ở đây là quân cờ. Trò chơi cờ có thế thủ với thế pháo giăng,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

có thế công với thế pháo đầu. Lý học xã hội cũng có nhiều thế: thế ham vàng, thế thích sản xuất, thế thích đầu cơ, thế thích bảo hiểm v.v...

Đánh cờ muốn thế thủ phải bỏ thế công cho nên theo lý học xã hội ta cũng phải bỏ những thế đối nghịch và chọn những thế phù hợp. Marx đã đánh một ván cờ cao khi chọn thế thích làm việc (giải quyết nạn thất nghiệp) phù hợp với thế thích bảo hiểm (quốc gia bảo đảm không sợ mất việc) nhưng liều lĩnh vì chống lại thế thích ham vàng, thế thích tự do cạnh tranh, và thế thích tiêu xài. Do đó Marx không sợ chiến tranh tâm lý đối ngoại vì nó phù hợp với chủ trương đối nội chống sự ham vàng, cạnh tranh và tiêu xài của kinh nhân.

Keynes cũng đánh một nước cờ xuất sắc khi lựa chọn thế thích làm việc (giải quyết nạn thất nghiệp) phù hợp với thế thích ăn xài, thế thích sản xuất và thế tự do cạnh tranh. Nhưng thay vì phải làm một cuộc cách mạng đổ máu như Marx, Keynes làm một cuộc cách mạng bằng cách chủ trương *bắt đầu ta phải làm việc không sản xuất*, để tránh xáo trộn thị trường, ối dộng hàng hóa và gây thêm thất nghiệp. Làm việc không sản xuất (như công tác công chánh, quốc phòng, chiến tranh kỹ nghệ) lại phải chống thế thích bảo hiểm, vì tạo ra lạm phát tiên khởi tai hại cho các ngân hàng và thị trường tin phiếu trong thời gian dầu. Keynes không sợ chiến tranh kỹ nghệ và Marx không sợ chiến tranh tâm lý cho nên, nếu không có sức mạnh nguyên tử vô kỹ luật thì chiến tranh thế giới đã bùng nổ từ lâu. Do đó hai bên đành thâu hẹp bàn cờ lại trong

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT MIỀN NAM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phạm vi nhỏ hẹp Việt Nam để xả hơi áp lực kinh tế.

Tất nhiên cũng có những nhân vật cao cờ khác như Schacht ở Đức cùng chủ trương dùng thế thích làm việc (giải quyết thất nghiệp) chống thế ham vàng (được thay bằng tài nguyên bất động sản quốc gia). Schacht khác Marx ở chỗ đề cao tài nguyên bất động sản thay vì sức lao động. Một tay danh kỳ khác, Preobrajensky (bị Staline ám sát hồi 1937) chủ trương đạt mục tiêu xã hội bằng phương tiện tư bản. Thế của ông vẫn là thế thích làm việc nhưng không hướng về kỹ nghệ mà lại về nông nghiệp, chống lại mọi luật về giá trị (loi de la valeur) đề cao thế tồn trử xã hội nguyên thủy (loi d'accumulation socialiste primitive).

Tất cả các khuynh hướng đều chủ trương thế thích làm việc (homo faber) vì theo các thuyết hành động, thì chỉ có công việc mới giải phóng được con người. Mẫu toán vì vậy không bao giờ dám cho phép nhác. René Clair trong một cuốn phim, có mô tả sự mâu thuẫn này bằng hình ảnh một đám tù nhân ca khúc «tự do lao động» như sau: *Lao động là bắt buộc bởi vì lao động là tự do!* Triết học hành động được dùng để biện minh khẩu hiệu: tự do là nô lệ. Đó là bài ca nhân loại kể cả cần lao nhân vị và «mồ hôi trán» Thánh Kinh.

Con người kinh tế là con người bị kẹt trong những thế cờ của những cao thủ tượng kỳ tính toán trăm ngàn nước trước bằng óc điện cơ. Càng cao cờ bao nhiêu thì càng đánh thế cờ liều. Schacht đem lại sức mạnh cho Hitler để tạo ra thế chiến thứ hai. Preobrajensky tạo ra một thế cờ đặc biệt cho những nước hậu tiến để vượt qua hàng rào tư bản và tiến tới ngôi nhà xã hội, nhưng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nhờ không ai để ý thế cờ này thành thử nhân loại có thể tránh nạn thế chiến thứ tư!! Thế chiến thứ ba giữa Marx và Keynes đang xảy ra một cách bỏ túi tại Việt Nam. Nay mai, nếu lỡ có đình chiến thì Mỹ phải lập tức lo buôn bán với Trung cộng hoặc phóng ngay con người lên Hỏa tinh, xài 100 tỷ mỹ kim để cứu Keynes thoát thất nghiệp.

Nhưng muốn tránh nạn chiến tranh vĩnh viễn chúng ta phải có gan liều đánh thế cờ Hoa nghiêm, một thế cờ cô đơn không Mẫu toán: *Đó là xuất thế để nhập thế* với các thế cờ thất thế.

N.T.A.

TIỂU LUẬN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT MIỀN NAM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

ĐỨC PHẬT VỚI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ

1. — Như vầy tôi nghe. Một thời đức Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakūṭa (Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A xà Thế, con bà Vi đề hi) Vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajji (Bạt kỳ). Vua tự nói: «Ta quyết chinh phạt dân Vajji này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajji; Ta sẽ tiêu diệt dân Vajji, Ta sẽ làm cho dân Vajji bị hoại vong».

2. — Rồi Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha nói với Bà la môn Vassakāra (Vũ xá), Đại thần nước Magadha:

«Này Bà la môn, hãy đi đến đức Thế Tôn, và nhân danh Ta, cúi đầu đảnh lễ chân Ngài, vấn an Ngài có thiểu bệnh, thiểu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: «Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT BẢN NỘI
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, vấn an Ngài có thiểu bệnh, thiểu não, khinh an, lạc trú». Và khanh bạch tiếp: «Bạch Thế Tôn, Ajàtasattu Vedehiputta vua nước Magada muốn chinh phục dân Vajji, Vua tự nói: «Ta quyết chinh phục dân Vajji này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajji; Ta sẽ tiêu diệt dân Vajji, Ta sẽ làm cho dân Vajji bị hoại vong.» Đức Thế Tôn trả lời khanh thế nào hãy ghi nhớ kỷ và nói lại Ta biết. Các Đức Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.»

3. — *«Tôn vương, xin vâng», Bà la môn Vassakàra, Đại thần nước Magadha vâng theo lời dạy của Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Ràjagaha (Vương Xá) đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ đức Thế Tôn, khi đến liền nói lên những lời chào đón hỏi thăm xã giao với đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà la môn Vassakàra, đại thần nước Magadha, bạch đức Thế Tôn:*

«Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha cúi đầu đảnh lễ chân của Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có thiểu bệnh, thiểu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú. Tôn giả Gotama, Ajàtasattu Vedehiputta, vua nước Magadha muốn chinh phục dân xứ Vajji. Vua tự nói: «Ta quyết chinh phục dân Vajji này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajji. Tasẽ tiêu diệt dân Vajji. Ta sẽ làm cho dân Vajji bị hoại vong».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thiền Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ĐIỀU KIỆN HƯNG THỊNH CỦA MỘT QUỐC GIA

4. — Lúc bấy giờ, Đại Đức Ananda đứng quạt sau lưng đức Thế Tôn: Đức Thế Tôn nói với Đại Đức Ananda:

«Này Ananda, ngươi có nghe dân Vajji thường hay tụ họp đông đảo với nhau không?»

— «Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajji, thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau».

— «Này Ananda, khi nào dân Vajji thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau thời, này Ananda, dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, ngươi có nghe dân Vajji tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết không?»

— «Bạch đức Thế Tôn, con có nghe dân Vajji tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết».

— «Này Ananda, khi nào dân Vajji tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết thời, này Ananda, dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, ngươi có nghe dân Vajji không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajji như đã ban hành thời xưa không?»

«Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajji không ban hành

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajji như đã ban hành thuở xưa.»

— *«Này Ananda, khi nào dân Vajji không ban hành những luật lệ đã không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajji như đã ban hành thuở xưa thời, này Ananda, dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, ngươi có nghe dân Vajji tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajji và nghe theo lời dạy của những vị này không?»*

— *«Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajji tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajji và nghe theo lời dạy của những vị này.»*

— *«Này Ananda, khi nào dân Vajji tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajji và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, ngươi có nghe dân Vajji không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajji phải sống với mình không?»*

— *«Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajji không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajji phải sống với mình.»*

— *«Này Ananda, khi nào dân Vajji không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajji phải sống với mình thời, này Ananda, dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, người có*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nghe dân Vajji tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajji ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không.»

— Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajji tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajji ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp.»

— «Này Ananda, khi nào dân Vajji tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajji ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp thời, này Ananda, dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ananda, ngươi có nghe dân Vajji bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A la hán ở tại Vajji khiến các vị A la hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A la hán đã đến được sống an lạc không?

— «Bạch Thế Tôn, còn có nghe dân Vajji bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A la hán ở tại Vajji, khiến các vị A la hán chưa đến, sẽ đến trong xứ, và những vị A la hán đã đến được sống an lạc.»

— «Này Ananda, khi nào dân Vajji bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A la hán ở tại Vajji, khiến các vị A la hán chưa đến, sẽ đến trong xứ, và những vị A la hán đã đến, được sống an lạc thời, này Ananda, dân Vajji sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.»

* * *

TIEU
HUE QUANG
https://tieulun.hopto.org

Tôi cho trích một đoạn trong Kinh Mahàparinibbàn-asutta để tìm hiểu thái độ đức Phật, trước một vấn đề chính trị liên quan đến đất nước. Nước Magadha (Ma Kiệt Đà) là một nước quân chủ do Vua Ajàtasattu (A xà Thế) trị vì. Nước Vajji, giáp giới nước Ma Kiệt Đà phía Đông Bắc là một nước Cộng Hòa, do dân bầu cử các vị Đại diện thay dân cai trị. Có thể vì hai chế độ sai khác và Vua A xà Thế sợ dân Vajji chinh phục hay sợ dân chúng nước mình noi gương dân chúng Vajji đòi thay đổi chế độ, nên muốn khởi binh đánh nước Vajji. Vì tôn sùng đức Phật và tin vào sự sáng suốt của Ngài, Vua cử Đại Thần Võ Xá đến yết kiến đức Phật để hỏi ý kiến có nên đánh dân Vajji. Ở đây chúng ta thấy Đức Phật dè dặt không trả lời thuận cũng không trả lời nghịch. Nếu đức Phật trả lời nên đánh, thời chính đức Phật đã phạm tội Ba la di (Pàrajikà), do chính đức Phật thân chế.

Theo đức Phật, khuyên người khác giết và tùy hỷ người khác giết cùng đồng tội với tự thân giết người. Nhưng vì sao đức Phật lại không khuyên không nên đánh. Nếu đức Phật khuyên như vậy và Vua A Xà Thế nghe theo, sau này nếu dân Vajji nổi lên đánh và chinh phục nước Ma kiệt Đà, thời đức Phật phải gián tiếp chịu trách nhiệm và bị trách móc vì hậu quả ấy. Cho nên đức Phật gián tiếp hỏi Đại Đức A Nan về hiện trạng dân tình ở nước Vajji và dành phần quyết định cho Vua A Xà Thế và Đại thần Võ Xá. Đức Phật chỉ soi sáng sự quyết định bằng một lời khuyên chớ không tự mình quyết định một thái độ chính trị. Sự thận trọng của đức Phật nói lên tất cả sự tế nhị cần phải

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

có của một nhà tu hành khi đứng trước một vấn đề chính trị và ở đây, chúng ta nên nhớ đức Phật đã là một vị sáng suốt, toàn tri có thể biết trước được những sự việc sẽ xảy ra. Còn nói gì đến chúng ta những người có thể còn bị tham sân si chi phối, thời cần phải thận trọng đến bực nào.

Đối với một vị tu hành, không có kẻ thù, người thân, vì đức Phật dạy phải đối xử bình đẳng với tất cả sinh vật. Cho đến đối với kẻ làm hại đạo Phật, hoặc thù nghịch Quốc gia, vị Tỷ Kheo không thể có tâm thù hận hoặc hãm hại. Đối trị là trách nhiệm của cư sĩ và dân chúng. Người tu hành không thể đứng thế đứng của đảng phái và chủ nghĩa mà bô bào hãm hại đối phương, dầu dưới chiêu bài bảo vệ đạo pháp và dân tộc. Thái độ ấy không phải là thái độ thờ ơ khi đạo pháp suy vong và Quốc gia lâm nạn! Còn có một trăm cách tích cực, hợp với lòng từ, xứng với vị trí xuất thế để chấn hưng đạo pháp và bảo vệ Quốc gia, như hoằng pháp lợi sanh, giáo dục, cứu tế xã hội. Nhưng đã khoác chiếc áo Cà sa, xuất gia hành đạo, chúng ta phải giữ địa vị xuất thế, vô cầu. Trong đoạn Kinh trên, đức Phật đã cho chúng ta một bài học thái độ thật có ý nghĩa.

THÍCH MINH CHÂU

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

SỰ THẤT BẠI CỦA XÃ HỘI HỌC TÂY PHƯƠNG VÀ CON ĐƯỜNG TƯ TƯỞNG VIỆT NAM

I. PHẦN PHỤ

SỰ THẤT BẠI CỦA XÃ HỘI HỌC TÂY PHƯƠNG

Herbert Marcuse đã cho chúng ta thấy xã hội học đã phát khởi từ triết lý Hegel và «lịch sử của triết học Hegel trở thành lịch sử của một sự chiến đấu *chống lại* Hegel» (*Reason and Revolution, Hegel and the Rise of social theory*, trang 252). Saint Simon, Auguste Comte, Friedrich Julius Stahl và Lorenz von Stein, cùng với Feuerbach và Marx, là những người đã lập thành những nền tảng của lý thuyết xã hội, họ đã được Herbert Marcuse coi như là sự phản ứng đối lại *triết học tiêu cực* của Hegel (tất nhiên *tiêu cực* ở đây phải hiểu theo nghĩa biện chứng phủ nhận của Hegel). Biện chứng pháp của Hegel đã xung đột với thực tại xã hội đương thời, cho-

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

nên hệ thống của Hegel có thể được gọi là một nền *triết học tiêu cực (negative philosophy)* sau khi Hegel mất đi thì chúng ta thấy sự xuất hiện của một phản ứng đối nghịch lại *nền triết học phủ nhận* của Hegel, phản ứng đối nghịch ấy là nền *triết học tích cực* (positive philosophy), đưa lý trí lệ thuộc vào uy quyền của dữ kiện sở lập (established fact). Đối với Herbert Marcuse thì *«sự chiến đấu được khai diễn giữa nền triết học tiêu cực và nền triết học tích cực có thể cống hiến cho chúng ta nhiều gợi ý để đưa đến sự tìm hiểu về việc phát khởi của lý thuyết xã hội cận đại ở Âu châu»* (Preface to the original Edition, *Reason and Revolution*, xv). Sự tương tranh mâu thuẫn giữa nền triết học tiêu cực và tích cực ở tây phương cận đại và hiện đại thực ra đã phát khởi từ sự tương tranh mâu thuẫn giữa Platon và Aristote, nghĩa là giữa biện chứng pháp và sự quan sát thực nghiệm. Gaston Bouthoul đã nêu lên rằng chính Platon và Aristote là những người tiên khu (précurseurs) của xã hội học Tây phương và chính Platon và Aristote tiêu biểu cho hai khuynh hướng của phương pháp xã hội học Tây phương, hai vị trí qui định tất cả những trường phái chính trị học và xã hội học (*...les deux positions et les tendances entre lesquelles oscilleront désormais toutes les écoles politiques et sociologiques*). Platon có tinh cách biện chứng; Aristote có tinh cách thực nghiệm, thực dụng; một bên nặng về *lý*, một bên nặng về *sự*. Sự tương tranh mâu thuẫn giữa *lý* và *sự* nơi Platon và Aristote đã được tiếp nối nơi *lý* của Hegel và *sự* của Comte và H. Spencer, và đặc biệt nhất là nơi *lý* của Hegel và *sự* của Marx: biện chứng pháp tiêu cực của Hegel về *lý* đã được Marx chuyển hóa hành ra một sự phân tích tích cực về *sự*, tức là những

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

thế lực xã hội ở tương quan giao dụng, đối với Hegel thì *lý* điều động lịch sử, còn đối với Marx thì *lịch sử* tức là *cơ sở hạ tầng kinh tế*, nghĩa là *sự* lại điều động *lý*.

C. Wright Mills phân chia ra ba khuynh hướng xã hội học mà bất cứ tác phẩm xã hội học nào hiện nay cũng kẹt vào, không ít thì nhiều:

* *Khuynh hướng I: hướng đến một lý thuyết về lịch sử.* (chẳng hạn đối với Comte, Marx, Spencer và Weber thì xã hội học trở thành một công cuộc có tính cách *«bách khoa toàn thư»*, quan thiết với toàn thể đời sống xã hội của loài người).

* *Khuynh hướng II: hướng đến một lý thuyết thống hệ về «bản chất của con người và xã hội»* (chẳng hạn đối với Simmel và Von Weise thì xã hội học lại phải sử dụng những quan niệm để sắp loại phân hạng mọi tương quan xã hội và phải cung cấp kiến quan vào những sắc thái gọi là bất biến của chúng — Nói gọn là liên hệ tới một quan điểm trừu tượng và tĩnh chỉ về những thành tố tổ hợp của cơ cấu xã hội ở một mức độ tổng quát tính cao độ. Đại diện tiêu biểu trong xã hội học Mỹ là Talcott Parsons).

* *Khuynh hướng III: hướng đến những khảo sát nghiên cứu có tính cách thực nghiệm về những sự kiện và những vấn đề xã hội hiện đại.* (chẳng hạn những khảo sát cục bộ về thành phố, gia đình, liên lạc chủng loại chủng tộc, đoàn, nhóm, bè, phái, đám.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Những nhà xã hội học trở thành chuyên viên và đưa kỹ nghệ khảo sát vào gần hết mọi sự việc. Đại diện cho khuynh hướng này là George Lundberg Samuel Stouffer, Stuart Dodd, Paul P. Lazarsfeld).

Chúng ta có thể liệt *Khuynh hướng I và III* vào *khuynh hướng sự* và *Khuynh hướng II* vào *Khuynh hướng lý*: *sự* tương tranh mâu thuẫn giữa *lý* và *sự* đã được tiếp tục ở những ngành xã hội học hiện đại. Nhưng hiện nay ở thế giới, *khuynh hướng duy sự* càng lúc càng phát động mạnh mẽ, lấn áp cả *khuynh hướng duy lý*, nhưng dù là *lý* hay *sự* thì tất cả những nền khoa học và triết học Tây phương đều xuất phát từ một *đại sự* duy nhất, đó là *lý tính* của Hy lạp, tức là *logos*. Danh từ *sociologie* là do Auguste Comte bày đặt ra lần đầu tiên bằng cách ghép chữ Hy lạp «logos» với chữ La Tinh «socius». Sự ghép đôi hai ý tự Hy lạp La Mã ấy cũng là hậu quả của sự hình thành văn hóa Tây phương, sản phẩm của Hy lạp La Mã. Sự tương tranh mâu thuẫn (polemos) giữa *lý* và *sự* xuất phát từ sự tương tranh tính luận (polemos ontologique) của *Lý tính* hay *Logos* trong ý nghĩa nguyên thủy; từ khi *Logos* trong ý nghĩa nguyên thủy của Hy lạp (nghĩa là trong *fragment 50* của Héraclite) đã bị xuyên tạc trong hai ngàn năm văn hóa Tây phương thì *Logos* với ý nghĩa uyên nguyên là *Lý tính* lại đổi thành ý nghĩa thông thường là *lý sự* và do đó *logos* chỉ còn có nghĩa là một môn học có tính cách lý sự, một ngôn luận lý sự, một phán từ lý sự; *logos* có đủ mọi nghĩa lý sự, chẳng hạn như có ý nghĩa là «lý trí» «phán đoán» «ý niệm» «định nghĩa» «căn thể» hoặc «tương quan» (... Vernunft, Urteil, Begriff, Definition, Grund, Verhältnis). Thực ra ngay từ Platon và

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Aristote, ý niệm *logos* đã mơ hồ rồi, đến nỗi những ý nghĩa khác nhau đều tách biệt nhau hẳn và không còn được cột dính lại một cách dứt khoát từ một *ý nghĩa căn bản*, một *ý nghĩa nền tảng*, như Heidegger đã trình bày trong *Sein und Zeit*, trang 32: «*Der Begriff des logos* ist bei Plato und Aristoteles vieldeutig und zwar in einer Weise, dass die Bedeutungen auseinanderstreben, ohne positiv durch eine Grundbedeutung geführt zu sein» (đã dịch ra chữ Việt ở trên).

Ý niệm «Sociologie» có nghĩa là «logos» về «socius», mà «socius» có nghĩa là «bạn bè, đồng chí, đồng bào, đồng hành» do đó «Socius» là một «hữu thể» tức là «ens» của chữ La Tinh, mà chữ Hy lạp gọi là *On* mà quá trình diễn biến từ *On* của Hy lạp đến *esse* và *ens* của La Tinh là một quá trình quyết liệt điều động cai trị hoàn toàn hướng đi của văn minh kỹ thuật cơ khí Tây phương từ Auguste Comte cho đến Georges Gurvitch và Lévi-Strauss, những khoa học xã hội chỉ là một sự thay hình đổi dạng quanh quẩn trong «một kỹ thuật giải thích bằng những duyên do tối thượng» (mượn từ ngữ của Heidegger: «einer Technik des Erklärens aus obersten Ursachen»), nói khác đi, xã hội học chỉ là một khoa học có tính cách thể luận (ontisch) và hoàn toàn thất bại trong việc đặt lại vấn đề ý nghĩa tính thể (ontologisch) của «*tại thể tính* như là *cộng tính* và *tự ngã tính*» (Das In-der-Welt sein als Mit- und Selsbtsein).

Sự thất bại của xã hội học chỉ là phản ảnh của sự thất bại lớn rộng trong toàn thể văn minh Tây

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phương: sự thất bại trước một câu hỏi uyên nguyên hơn về thể tính (Wesen) của kỹ thuật mà Heidegger đã cố gắng đặt lên một sự thể nhận triệt để về kỹ thuật cơ khí trong tập « *Die Frage nach der Technik* » (cf. Heidegger, *die Technik und die Kehre*, Neske, 1962), chính Heidegger đã nhiều lần nhấn mạnh rằng thể tính của siêu thể học (siêu hình học) Tây phương đã được tựu thành thể hiện tối hậu nơi thể tính của cơ khí kỹ thuật và thể tính của siêu thể học là đồng nhất với thể tính của kỹ thuật cơ khí, như Jean Michel Palmier đã trích dẫn trong quyển *Les Écrits Politiques de Heidegger* (L'herne, 1968, trang 213): « *L'essence de la métaphysique trouve sa dernière réalisation dans l'essence de la technique, et est identique avec elle* » *(Holzwege, p. 69)*.

Có một điều không ai có thể phủ nhận là những khoa học xã hội đã thoát thai từ chủ nghĩa thực nghiệm và dù chủ nghĩa thực nghiệm có chối bỏ siêu thể học (siêu hình học) đi nữa thì đó cũng chỉ là sự tráo trở quanh quẩn trong nhà tù của Platon: « *tất cả siêu hình học, ngay cả thuyết đối nghịch lại với siêu hình học như chủ nghĩa thực nghiệm, tất cả đều nói bằng ngôn ngữ của Platon* » (Heidegger, *La fin de la philosophie et la tâche de la pensée*). Sự căng thẳng tương tranh trong lý tính (logos) đã *đưa* đến sự tựu thành của biện chứng pháp trong tư tưởng Platon và đưa Platon đến chỗ định ngôi *lý* vượt lên trên *sự*: từ đó *sự* mỗi phản ứng lại *lý* và điều này được thể hiện nơi luận lý học Aristote. *Lý* của Platon tựu thành nơi *lý* của Hegel; *sự* Aristote tựu thành *sự* của Auguste Comte và của Karl Marx. Những nhà xã hội học theo khuynh hướng I và III (theo sự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

phân chia của C. Wright Mills) thì tìm hiểu *sự của lý* và càng lúc càng đeo đuổi *sự* và bỏ quên *lý*, còn những nhà xã hội học theo khuynh hướng II thì tìm hiểu *lý của sự* và càng lúc đeo đuổi *lý* và bỏ quên *sự*, còn những nhà xã hội học nào muốn nối kết lại sự liên lạc quân bình giữa *lý* và *sự* (như C. Wright Mills chẳng hạn) thì lại chỉ trở thành *người lý sự* vì đã bỏ quên ý nghĩa uyên nguyên của *logos* trong buổi hình thành của văn minh Tây phương. C. Wright Mills muốn đổi danh từ «những khoa học xã hội» thành ra «những khảo cứu xã hội» (đổi «the social sciences» thành ra «the social studies»), vì ông cho rằng chữ «khoa học» (science) có một ý *nghĩa khá mơ hồ* (rather imprecise meaning) (xin đọc C. Wright Mills, *The Sociological Imagination*, Oxford University Press, 1959, trang 18).

Ngày nay, giá trị và giới hạn của khoa học đã bị đặt lại, tất cả những nền tảng tri thức của Tây phương đã lung lây tận gốc rễ, *những nền khoa học xã hội đã bị khủng hoảng mà không thể tìm ra đường để thoát khỏi sự khủng hoảng* (F. C. Wright Mills; op. cit., cf. 18-20), tuy thế mà vẫn có quá nhiều nhà xã hội học vẫn mù quáng, chẳng hạn như Edward Shils ở Cambridge vẫn cho rằng: «*Đối với những kẻ nào không còn tin tưởng vào Thiên chúa Giáo hoặc không còn tin tưởng vào chủ nghĩa Mát Xít thì xã hội học đang trở thành một tôn giáo đại dụng như hòa*. Xã hội học đang thay thế sự đọc kinh cầu nguyện và được coi như là nguyên liệu dùng để hướng dẫn, hướng đạo» (xin đọc *The ways of Sociology* trong *Encounter*, June 1967, trang 90). Mặc dầu Edward Shils là một nhà xã

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

hội học thông thái và rất nổi danh trong giới trí thức đại học Anh Mỹ, mặc dầu tôi có thiện cảm riêng tư đối với Edward Shils (Sau lần được dịp nói chuyện thẳng với ông tại đại học đường Chicago), mặc dù thế, tôi phải nói ngay rằng lời nhận xét của Edward Shils (được trích ở trên) là một lời nói ngây ngô hàm hồ, nói lên tất cả cái «óc địa phương tri thức» thiển cận của một nhà xã hội học tiêu biểu cho thái độ thiên chấp của phần lớn những nhà xã hội học Anh Mỹ; họ xem xã hội học như là giải pháp *vạn năng* cho tất cả vấn đề hỗn loạn của loài người! Nhưng bên cạnh Edward Shils chúng ta vẫn còn may mắn có được C. Wright Mills và mặc dù Wright Mills là một nhà xã hội học chính thống, nhưng Mills vẫn tỏ ra là một nhà xã hội học *ý thức nhất về giới hạn của xã hội học* (trong giới xã hội học, Mills vẫn có uy tín hơn và nổi tiếng hơn Shils).

Phần phụ này được viết ra là để chuẩn bị đưa vào phần chính của bài này, nói về *con đường tư tưởng Việt Nam*. Chỉ khi nào chúng ta ý thức tất cả giới hạn của trí thức tây phương thì tư tưởng Việt Nam mới mở ra *những khả tính tối hậu* để chúng ta lên đường trở về căn nguyên của *sự* và *lý* và chừng ấy mới trực nhận rằng *căn nguyên* ấy chính là tinh thần *sự sự vô ngại* của Hoa Nghiêm trong Phật Giáo. D. T. Suzuki đã một lần kêu gọi áp dụng tư tưởng *sự sự vô ngại* trong công cuộc xây dựng xã hội (The Essence of Buddhism, 1957, phần cuối). Điều này cũng đáng cho chúng ta lưu ý, cũng như việc làm của Ken Assano trong việc áp dụng tư tưởng Phật giáo trong xã hội học (*cf. The*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Fundamental Conception of Buddhist Sociology Tokyo, 1936), dù quyển sách này có tính cách hời hợt.

Tuy nhiên, trong việc áp dụng tư tưởng Đông phương vào xã hội, cũng như trong công cuộc xây dựng lý thuyết về xã hội Việt Nam, những nhà xã hội học Việt Nam có nên cần ý thức rằng :

1) Mượn những ý niệm của xã hội học Tây phương để tìm hiểu và phân tích xã hội Việt Nam thì chỉ là làm công việc lặp lại sự khủng hoảng xã hội học Tây phương và làm hậu cứ kỹ thuật cho cuộc khủng hoảng ấy được hoành hành tại cơ cấu xã hội Việt Nam.

2) Mượn phương pháp xã hội học, phương pháp khoa học, để tìm hiểu và phân tích xã hội Việt Nam thì có nghĩa là biến xã hội Việt Nam trở thành một *đối tượng* nghiên cứu ; do đó, *đối tượng hóa* xã hội Việt Nam thành ra *một vật thể* đặt dưới *tính cách tất định* (nécessité) của luật thống kê và của thái độ thể lý trí lập «l' Arraisonnement» (theo nghĩa đặc biệt của chữ «Ge-stell» trong tư tưởng Heidegger).

3) Xã hội học là môn học về *tất định tính*. Cảm thức xã hội (social sense), dù có tính cách bảo thủ, tự do hoặc cách mạng, dù có tính cách phong kiến, trưởng giả hay vô sản đi nữa thì «vẫn luôn luôn là một cảm thức thoát thai từ *tất định tính* hơn là từ *tự do* : có tính cách *thích ứng lệ thuộc* hơn là có tính cách sáng tạo» (cf. Nicolas Berdyaev

Creativity and The structure of society in The Meaning of the Creative Act, trang 255)

4) Xã hội học mang *tinh thần thực nghiệm* ngay tự bản chất và chính tinh thần thực nghiệm là cơ sở của ý thức hệ Mỹ và ý thức hệ Cộng sản: Một lý thuyết chân chính về xã hội Việt Nam phải đi ra ngoài ý thức hệ thực nghiệm duy sự vong lý để tìm ra một căn bản uyên nguyên của kinh nghiệm thuần túy.

Trong công cuộc phục hồi ý nghĩa trung tính của truyền thống. những nhà xã hội học VN có nên cần ý thức rằng:

1) Không phải giải thích lại tư tưởng Đông phương bằng những phạm trù ý niệm Tây phương là phục hội lại được những khả tính nguyên thủy của truyền thống.

2) Muốn phục hồi lại những khả tính nguyên thủy của truyền thống thì cần phải thể hiện cuộc chuyển hóa tiêu cực cho ngôn ngữ: nói về truyền thống thì đừng nói bằng ngôn ngữ hiện dung, vì nói bằng ngôn ngữ tích cực này thì có nghĩa là nói nghịch lại truyền thống: *làm gì có thể nói về cái mà chính lời nói ấy đi ngược lại cai mà nó nói về ?*

3) Ý nghĩa uyên nguyên của Khổng học, của Lão Học và Phật học chỉ xuất hiện khi nào chúng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ta đã tát cạn được sự ly tinh của toàn thể siêu thể học Tây phương và sống tới cùng độ tinh thần hư vô (nihilisme) của Tây phương để mà có thể chiến thắng nó, bỏ nó ra đằng sau (như Nietzsche đã nói trong *volonté de Puissance*).

4) Xã hội học là môn học có tính cách nô lệ, đây không phải là một *phán đoán giá trị* mà là một phán đoán có tính cách phê phán tri thức luận : Sự thất bại của xã hội học chính là vấn đề nan giải sau đây :

a) một nền xã hội học *«cụ thể»* thì sẽ có *«dữ kiện»* mà lại thất bại ở *dữ kiện tinh*, tức là *căn bản để qui định dữ kiện.*

b) Một nền xã hội học *hình thức* thì sẽ có phương pháp mà kết quả của phương pháp lại phải thất bại và sai lạc.

Sở dĩ có những điều trên là vì nhận thức căn bản này: *hoặc* phương pháp xã hội học phải là hậu quả của một nền xã hội học trưởng thành, như thế thì không còn đúng nghĩa là phương pháp; *hoặc* phương pháp xã hội học phải đi trước xã hội học thì lúc ấy khởi điểm của xã hội học phải chịu bắt đầu lại liên tri cho đến vô hạn, vì một nền xã hội học *triệt để* thì cần phải bắt đầu lại bên ngoài mọi sự kiện và dữ kiện. Mà đứng bên ngoài dữ kiện thì xã hội học sụp đổ.

Chỉ cần đặt lên nhận thức căn bản trên thì chúng ta thấy xã hội học không có căn bản, vì xã hội học

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

có được căn bản thì xã hội học không còn *học về xã hội*, nghĩa là không còn là xã hội học vì căn bản quyết định bản chất của xã hội học (theo nghĩa *Sociologie*) thì lại chính là *logos*, mà *logos* lại không phải là một đối tượng của sự học, vì sự học chỉ đến sau sự phân ly tính thể và đến sau sự xuyên tạc ý nghĩa chân chính của logos.

Bây giờ chúng ta đến *phần chính* của bài này, tức *con đường tư tưởng Việt Nam*, con đường này không là sự *tổng hợp* nào cả, dù là *tổng hợp* hiểu trong bất cứ ý nghĩa nào. Con đường ấy pnải bắt đầu bằng «song thoại» (Gespraech) với Heidegger, vì Heidegger là người đã đóng lại và phá vỡ truyền thống văn hóa Tây phương, *song thoại* với *thể tính* của tư tưởng Tây phương để chuẩn bị cho việc song thoại với Ấn độ, Trung quốc, Tây Tạng và Nhật bản, để mà lên đường trở về với sự im lặng của quê hương, qua sự song thoại của con người Việt Nam, không phải với ngôn ngữ ngoại lai, mà song thoại với Tiếng Nói của mấy ngàn năm phát ra từ sông Hồng và hiện vọng đến sông Cửu Long; chính Tiếng Nói ấy quyết định *xã hội tính của Việt Nam*, và qui định *thực tính* của Việt Nam, đồng thời đưa Việt Nam trở về Việt Nam trong sự gặp gỡ giữa tiếng nói và người nói, giữa tiếng nói và hơi thở, giữa tiếng nói và ý nghĩa căn bản của sự hiện diện mà tinh thần được hiểu như «định phận tại thiên thư» trong câu thơ của Lý Thường Kiệt, câu thơ nói lên bết khẩu khí của một dân tộc được nuôi dưỡng trong không khí của Thiền tông, một Tiếng Nói chứa đầy những khả tính tối thượng và được cô đọng trong hai chữ đơn sơ «con» và «cái» và chỉ khi nào

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

ta hiểu được ý nghĩa trung tính của câu «*con dại cái mang*» thì tất cả ý nghĩa thuần túy về xã hội tính Việt Nam mới hiện lên sắc thái huy hoàng và thâm thúy của cả một cộng thức âm u trong đáy lòng dân Việt. Và cũng từ đó, con đường tư tưởng Việt Nam mới trở thành con đường mở rộng trước việc «phục mệnh» cho nam nghĩa của đất và việt nghĩa của nước.

II. PHẦN CHÍNH

CON ĐƯỜNG TƯ TƯỞNG VIỆT NAM

1). Vấn đề căn bản của tư tưởng.

Vấn đề căn bản là vấn đề *về căn bản*, vấn đề về căn bản phải được đặt căn bản trong *căn bản của vấn đề*. Triết học phải được đặt căn bản trong triết lý (cũng như *doctrina* phải được đặt căn bản trong *Ratio*), triết lý phải được đặt căn bản nơi sự *giải thích* về ý nghĩa của «về căn bản». Đạo học phải được đặt căn bản nơi *sự giải minh* về ý nghĩa của «sự trở về căn bản»: «*về* căn bản» được đặt căn bản trong sự *trở về* căn bản:

— Vậy thì sự trở về có nghĩa là gì ?

Trở về là bước quay về sự gần gũi tại suối nguồn.

— *Was ist dann die Heimkunft.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Heimkunft ist die Rückkehr in die Nähe zum Ursprung (Heidegger, *Erläuterungen zu Hölderlins Dichtung*, p. 23)

Đạo học được đặt căn bản nơi đạo lý, đạo lý được đặt căn bản nơi *thể tính của đạo lý*, thể tính được đặt căn bản nơi *căn tính* : căn tính là căn bản của căn bản, hay gọi khác đi là « thể tính của căn bản », hay gọi thấp đi một cách triết lý là « bản thể của cơ bản » trong ý nghĩa truyền thống siêu hình học Đức quốc là « Vom Wesen des Grundes ».

Cần phải suy nghĩ sự khác nhau của những chữ sau đây : căn bản, căn cơ, căn cứ, căn đề, căn nguyên, căn tính, căn thể, cơ bản, cơ chỉ, cơ sở, bản nguyên, bản tính, nguyên bản, nguyên tính ; nguyên tuyền, nguyên ủy, uyên nguyên. Sự khác nhau phải được đặt căn bản nơi sự *giải minh* và sự *giải* nghĩa : *giải nghĩa* phải được hiểu là tách rời cái nghĩa (Sinn) ra ngoài ý nghĩa thông thường *hiển nhiên* của người đời (nghĩa hiển nhiên : Selbstverstandlichkeit) ; *giải nghĩa* là *nghĩa được giải, được chia gỡ ra, chia tách ra : cái nghĩa chia tách ra* được gọi trong triết lý Đức là « *Aus-ein-ander-setzung* » nghĩa là sự phân biệt những nơi chốn : nơi chốn xa lạ và nơi chốn quen thuộc, quê người và quê hương : nhờ sự chia tách, sự ly hương mà kẽ lữ hành mới tìm thấy sự thân cận với quê hương.

2). Con đường triết lý Việt Nam.

«Triết lý», «Triết học» là những chữ việt thông dụng hiện nay, được thể hiện hình thức trong ngữ thể La tinh, gốc mượn ở Tàu mà ý nghĩa thông dụng thì lại

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT THÂN NỮ
Thư Viện
HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

bị qui định bởi văn hóa Tây phương, xuất phát từ chữ *philosophia* cũa Hy lạp. *Triết lý* đúng theo nghĩa của chữ *philosophie* thì chỉ có dân Hy lạp mới có triết lý; *triết học* đúng theo nghĩa của *triết học* thì chỉ có những dân tộc Tây phương (hiểu sát hơn là Âu châu) mới có triết học: *học về triết lý* hiểu theo nghĩa *philosophia*. Gọi là *triết lý Trung Quốc, triết lý Ấn độ, triết lý Nhật bản, triết lý Việt Nam*, chỉ là mượn phạm trù *triết lý* của Tây phương để gọi một cái gì xuất hiện gần đây, sản phẩm của sự đối mặt giữa Đông và Tây. Mấy chữ *triết lý, triết học* của Việt ngữ là đứa con thoát thai từ công cuộc dịch thuật của Nhật bản trong thời kỳ du nhập văn minh Tây phương: chính triết gia Nhật bản Nishi Amane là người đầu tiên đã dịch chữ «philosophie», «philosophy» là «Tetsugaku» và *Tetsugaku* được viết ra chữ Hán là *triết học*. Mấy chữ *triết lý, triết học* xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1874 tại Nhật bản, đây là sự xuất hiện đầu tiên của *triết lý, triết học* trong ý nghĩa thông dụng hiện nay. Những chữ «triết», «lý», «học» đã xuất hiện từ lâu ở Trung Quốc, nhưng đợi đến năm 1874 thì «triết lý», «triết học» mới mang ý nghĩa mà người ta thường dùng hiện nay. *Năm 1874 là năm bom nguyên tử nổ tại Hiroshima và Nagasaki*, chứ không phải ngày 6 tháng 8 năm 1945 và ngày 9 tháng 8 năm 1945 (cũng như mới đây Heidegger đã nói với báo *L'Express* rằng: «*bom nguyên tử đã bắt đầu nổ trong thi bản của Parménide, triều dương của tinh thần khoa học, cách đây 2500 năm*», cf. *L'express* 2-8 déc. 1968). Câu vừa trình bày có vẻ khó hiểu? Chỉ khó hiểu khi người ta chưa hiểu được *bản tính của kỹ thuật cơ khí*: kỹ thuật cơ khí là sự tựu thành của mấy ngàn năm

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

siêu hình học (triết lý) trong truyền thống Tây phương.

Con đường triết lý Việt Nam phải là con đường hủy diệt triết lý: nghĩa là *đi ra ngoài* triết lý Tây phương bằng cách *đi vào trong bản tính của triết lý Tây phương:* tại sao *đi ra ngoài* có nghĩa là *đi vào trong*? Tại sao thế? Nguyên lý triệt mâu thuẫn của luận lý học không cho phép ta lý luận mâu thuẫn như vậy. Nhưng vấn đề vẫn đặt lên: căn bản của luận lý học là gì? Chính căn bản của luận lý học bị qui định bởi bản tính của siêu hình học Tây phương. Ngay đến chiến tranh Việt Nam hiện nay cũng bị qui định bởi siêu hình học Tây phương.

Con đường triết lý Việt Nam là con đường đi ra ngoài triết lý để trở về Việt Nam. Chữ «triết» gồm có chữ «chiết» có nghĩa «bẻ gẫy», «tách lìa ra». Trường sở của triết lý là nơi chốn xa lạ; trường sở của Việt Nam là nơi chốn quen thuộc: trở về Việt Nam là trở về quê hương: nghĩa là gần gũi tại suối nguồn:

> — Điều thâm thiết nhất và cao đẹp nhất của quê hương là điều này: chỉ duy nhất được sự thân cận ở suối nguồn.
>
> — Das Eigenste und das Beste der Heimat ruht darin, einzig diese Naehe zum Ursprung zu sein.
>
> (Martin Heidegger)

— Suối nguồn là nguồn gốc của con sông làm phì nhiêu xứ sở và để cho *con cái* của mặt đất được làm nơi lưu trú của chúng.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

— Die Quelle ist der Ursprung des Stromes, der das Land urbas macht und die Erdensöhne in ihm wohnen lässt.

(Martin Heidegger)

Con đường của Việt Nam bắt đầu từ một con sông, đó là sông Cái hay Hồng Hà. Chính từ vùng trung châu của sông Hồng vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch mà tổ tiên dân Việt đã lưu trú để rồi rải rác ngàn năm tiến về phương Nam, hướng về những bình nguyên thênh thang của Cửu long giang từ cuối thế kỷ XVII.

Hai con sông đánh dấu hai hướng đi của sử mệnh tư tưởng Việt Nam: Sông Hồng phát nguồn từ Vân Nam ở Trung Hoa và Sông Cửu Long phát nguồn từ Tây Tạng: *kinh nghiệm thuần túy về cụ thể* của Trung Hoa đã tiến về phương Nam qua Vân Nam để rồi chạy thẳng xuống miền Nam trong *kinh nghiệm thuần túy về Không Tính* của Tây Tạng. Một điều nên để ý: sông Cửu Long là con sông lớn nhất ở Việt Nam.

Đối với Hoelderlin, sông Ister (tức là dòng sông xanh Danube) là con sông của quê hương Đức và đối với Heidegger thì cũng thế:

— Sông là suối nguồn, chính suối nguồn sau khi chảy phăng ra biển lại tự ẩn thể trong biển.

— Der Strom *ist* die Quelle, so dass sich zufolge seines Ausgangs ins Meers die Quelle selbst im Meer verbirgt.

(Martin Heidegger)

TIỂU LUẬN
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Sông Hồng và sông Cửu Long là hai con sông đưa ta trở về suối nguồn của quê hương, từ khi hai con sông trở thành đối tượng khai thác của cơ khí kỹ thuật thì chiến tranh đã bùng nổ nơi đây; và ngày nay, tại miền Nam này, trên sông Cửu long không còn thấy bông bèo, bông lục bình mà chỉ thấy những xác người chết trôi lềnh bềnh; *kinh nghiệm thuần túy về không tính* đã bị quên lãng và chỉ còn lại *chủ nghĩa hư vô:* xã hội Việt Nam sụp đổ và con người Việt Nam đã quên mất ý nghĩa của *Việt Nam*, nghĩa là vượt lên (Việt) để tiến về phương Nam (Nam) và phương Nam là trường sở (topos) mà nơi đó chân lý hiện lên trong sứ mệnh của Không Tính; phương Nam không có nghĩa địa lý và không có nghĩa địa phương: phương Nam là chỗ tựu thành của trường sở (topos: lieu) như Lão đi về phương Nam Trung Hoa, Huệ Năng đi về phương nam Trung Hoa, như kinh nghiệm thuần túy về Không Tính của Bát nhã Phật giáo đi về phương nam Ấn độ, cũng như kinh nghiệm về khai tính châu lý của Tây phương là nằm tại Hy lạp, tức là phương Nam của bán đảo Balkans.

Con đường triết lý Việt Nam đang đi (unterwegs) trên một *trường sở;* trong danh từ triết Đức, *trường sở* là *Ort* mà *giải nghĩa* trong chữ Đức là *Erórterung* và *Erórterung* có ẩn nghĩa là *chỉ định trường sở* (Ort), nói khác đi là phân biệt những nơi chốn, chốn lạ và chốn quen, quê người và quê hương: nhờ sự chia tách, bẻ gẫy (nghĩa chữ «chiết» trong «triết lý») mà kẻ lữ hành mới tìm thấy sự thân cận với quê hương.

PHẠM CÔNG THIỆN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

CHÚ THÍCH SƠ LƯỢC VỀ ĐẶC TÍNH CỦA TƯ TƯỞNG ẤN ĐỘ, TRUNG QUỐC, TÂY TẠNG VÀ NHẬT BẢN.

a) Ấn độ: kinh nghiệm *thuần túy* về *tiêu cực tính*:

1. qua Rg. *Veda* trong bài linh ca «Nàsadàsiya» (lúc ấy không *vô thể* mà cũng không *hữu thể*).

2. qua Yàjnavalkya, đạo sĩ vĩ đại nhất trong *Upanisads* trong *Brhad. Up*, IV, 5, 15: «Àtman chỉ có thể diễn tả qua cách phủ nhận; *không là thế, không là thế (neti)*»

3. qua *Prajnàpàramitàhrdayà sùtra* như được cô đọng trong câu «Sarva dharmàh Cùnyatà laksanà anutpannà aniruddhà amalà na vimalà nonà na pari pùrnàh... «(thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm...».

4. qua Nàgàrjuna (khoảng 150-250) nơi *Màdhyamika kàrikà*: «anirodham anutpàdam anuchchhedam asbàshvatam anekàrtham anànàrtham anàgamam anirgamam» (không diệt, không sinh, không đoạn không thường, không nhất, không dị, không lai, không khứ).

b) Trung Hoa: kinh nghiệm *thuần túy về cụ thể tính* hay tích cực tính:

1. cơ cấu của ngôn ngữ Trung Hoa có tính cách

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

tượng hình và chỉ sự (lục thư: tượng hình, chỉ sự, hội ý, hài thanh, chuyển chú, giả tá).

2. căn bản là *cụ thể*, ngay ý niệm trừu tượng nhất của Trung Hoa cũng cụ thể, như chữ «Đạo», «lý», «dịch», «mâu thuẫn», vân vân, những chữ trừu tượng này đều ám chỉ một sự vật cụ thể như «đường», «vân trong đá», «mặt trời và mặt trăng», «cái mâu và thuẫn», vân vân.

3. ngay đến Lão tử, dù kinh nghiệm của Lão tử là kinh nghiệm tiêu cực về vô thể nhưng vẫn không thuần túy như Ấn độ, vì chính chữ Hán *vô* (無) cũng là dấu hiệu mang một ý nghĩa cụ thể: đống cây (無) bị lửa đốt (灬: 火).

4. ngay đến chữ *Thiên* (天) cũng hội ý cụ thể: *thiên* theo nghĩa *Thượng đế* và *thiên* theo nghĩa *từng trời ở trên* đều nằm trong một chữ duy nhất.

c) Tây Tạng: Kinh nghiệm *thuần túy* về *Không tính*:

1. mỗi khi chữ phạn diễn tả *ý nghĩa phủ nhận* thì chữ Tây Tạng đổi thành một câu dịch đồng nghĩa với hình thức xác nhận:

— chữ phạn: *amogha* (không phải vô bổ) — chữ Tây Tạng: *donyod* (bổ ích); chữ phạn: *apramàda* (không sao lãng) — chữ Tây Tạng: *bag* (cố gắng miệt mài), vân vân...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

2. Nói như Hegel thì *phủ nhận của phủ nhận* là *xác nhận*, nhưng dây không phải là biện chứng của Hegel; chữ Tây Tạng cùng một dòng với chữ Tàu, như vì chịu ảnh hưởng sâu đậm của chữ sanskrit cho nên cơ cấu ngôn ngữ trở nên trừu tượng, và nhất là chịu ảnh hưởng sâu đậm của tinh thần dịch hóa pháp của Nâgârjuna qua sự đón nhận không tính (sùnyatà), sự chuyển dịch từ *phủ nhận* qua *xác nhận* kia là việt thức vô phân biệt, không xem sự tiêu cực, sự phủ nhận như là xấu, hiểu theo phủ nhận thông thường: *không chết* tức là *sống*.

3. «chúng ta là những con ong của vô hình» (Nous sommes les abeilles de l'invisible) — «chúng ta ngây say hút mật hữu hình để tích lũy nó trong tổ ong vàng của vô hình» (nous butinons éperdument le miel du visible, pour l'accumuler dans la grande ruche d'or de l'invisible» (R.M.Rilke, *Lettres de Muzot*, p. 335, cité par Heidegger in *chemins*, 252). Câu này của Rilke có thể dùng để nói về dân tộc Tây Tạng; họ là «những con ong của vô hình» (có những đạo sĩ Tây Tạng xem nhẹ hữu hình đến nỗi họ tự nhốt vào trong một hang đá, chỉ chừa một lỗ hở nhỏ để nhận đồ ăn, rồi sống suốt đời trong hang đá ấy, vì đối với họ, đó là con đường ngắn nhất để đón nhận vô hình).

4. Tư tưởng Nàgàrjuna đã được đón nhận tại Tây Tạng qua tinh thần quyết liệt nhất, đó là tinh

thần của Candrakirti, không phải *Madhyamaka kàrikà* được thông dụng ở Tây Tạng mà trái lại chính là những cuốn luận của Candrakirti về Màdhya mika lại được thông dụng nhất (như tập *Madhyamakàvatàra, Prasannapadà madhyamakavrtti*). Sản phẩm Tây Tạng của tinh thần *không tính* là quyển *BardòThõdol*, chữ «thó-dol» ở đây có nghĩa là «giải phóng bằng nghe», nghe tiếng gọi của vô hình để chết vào một nỗi chết bí mật khả dĩ chuyển hóa tất cả sự sống thành ra sự hồi sinh vô tận trong từng giây phút tuyệt vời.

Kinh nghiệm thuần túy là gì? Không Tính? cụ thể là gì? tiêu cực tính là gì? cách hỏi «là gì» là dùng để hỏi về sự thể.

d) Nhật bản: Kinh nghiệm thuần tuý về *sự thể*:

1. D.T.Suzuki: «dân Nhật sống bằng Không giáo và chết bằng Phật giáo».

2. Keitaro Nishida: Kinh nghiệm thuần tuý và luận lý trường sở.

3. tinh thần dân tộc Nhật được thể hiện trong ý nghĩa: «kannagara no michi», «mono no aware» «lariki» và «sabi» (cf. D.T. Suzuki, *Japanese Thinking* in *History of philosophy eastern and western*, ed. S. Radhakrishnan).

4. Hajime Nakamura: «Ấn độ và Hy lạp đã gặp

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

nhau trong những vấn đề căn bản » (cf. Hajime Nakamura, *The Rise of Philosophy in the Western Light*, in vol. II. pp. 417-500)

KẾT LUẬN

Vấn đề này cần phải đặt lại trong *vấn đề về căn bản* (đã được nêu lên đầu phần chính bài này).

P.C.T.

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TỔNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện Huệ Quang
https://tieulun.hopto.org

LỜI ĐỨC KẾT

Hơn một trăm năm nay, nhân dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, không lúc nào là không đặt vấn đề tân tiến hoá xứ sở với mục đích xoá bỏ những trang lịch sử nhục nhã, những trang sử thời bị đô hộ, chèn ép, bóc lột vì quốc gia Việt Nam lạc hậu, yếu hèn, không đủ sức cưỡng lại ngoại bang. Trong tình cảnh mất chủ quyền, nền giáo dục của ta cũng do ngoại bang điều khiển lái theo chiều hướng họ muốn. Tư tưởng của ta bị Âu Mỹ hóa dần dần. Nền giáo dục và tư tưởng (mới) đó đã đưa đến tình trạng phần đông giới trí thức Việt Nam xác Việt mà hồn Tây (hay Mỹ), tư tưởng như Tây, cư xử như Tây. Nếu Việt Nam ngày nay không mất hẳn tính chất Việt, một phần lớn là nhờ dân chúng gặp cái rủi, mà nay thành cái may, là bị bỏ quên nên không được, hay bị Tây hóa, và một phần nhỏ nhờ có một số nhỏ trí thức, tuy buộc phải theo phong trào

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Tây hóa, nhưng vẫn thắc mắc về giá trị của nền giáo dục Âu Mỹ, và không chịu bỏ hẳn những giá trị Đông phương. Nhờ đó mà Việt Nam không hoàn toàn mất gốc, và những tư tưởng Đông phương được duy trì.

Ngày nay, sự khủng hoảng của xã hội Tây phương, phát sinh từ sự khủng hoảng trầm trọng của tư tưởng của họ, buộc ta đặt lại vấn đề ai phải ai trái, ai hơn ai kém, nhất là trong lúc một số tư tưởng gia Tây phương đang hướng về Đông phương để tìm lối thoát. Nếu ta cứ đi theo vết xe Tây phương, thì một ngày không xa lắm chính chúng ta cũng sẽ lâm vào sự khủng hoảng hiện nay đang làm lung lay nền văn minh của họ. Không có gì phi lý bằng thái độ nhắm mắt theo người như vậy.

Nói đến tân tiến hóa xứ sở tất nói đến xã hội học. Trước năm 1930, vấn đề không được đặt như vậy. Thế hệ trước ta, khi nói đến vấn đề tân tiến hóa Việt Nam, ít nghĩ đến sự tìm hiểu cơ cấu xã hội, nhất là xã hội Việt Nam, và hệ thống tư tưởng làm nền tảng cho xã hội đó. Họ chú trọng đến khoa học, kỹ thuật, nghĩa là ngọn nhiều hơn gốc, vỏ nhiều hơn ruột. Những người đầu tiên đặt vấn đề cơ cấu xã hội là những người sau này ngả hẳn về cọng sản. Họ đặt đúng vấn đề, nhưng rủi thay, họ đi trật hướng, và kết quả là tàn phá, tang tóc, chia rẽ, mà nước ta đã chịu đựng từ ba mươi năm nay: thiên đàng cọng sản (thiên đàng thực sự thay vì thiên đàng lý thuyết) là một thiên đàng máu lửa. Không ai phủ nhận điều đó được. Nguyên do sự kiện đó là họ đã đi trật hướng tư tưởng, hay nói đúng hơn, là họ đã chấp nhận mù quáng một hệ thống tư tưởng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

và một phương pháp nghiên cứu, suy luận có thể thích hợp (*có thể* thôi chớ không hẳn gì chắc) cho xã hội Nga nhưng tai hại cho xã hội Việt Nam.

Nhưng không phải chỉ có những người mù quáng theo tư tưởng và phương pháp nghiên cứu và suy luận cọng sản mới sai lầm. Những người theo tư tưởng và phương pháp nghiên cứu và suy luận Âu Mỹ chống cọng cũng sai lầm nốt. Họ cũng nhắm mắt chấp nhận phương pháp, ngôn ngữ và các đề nghiên cứu của Tây phương. Cho nên ta không lấy làm lạ gì khi thấy những giải pháp họ đưa ra để tân tiến hóa xã hội Việt Nam đã đưa đến thất bại. Nguy hơn nữa, họ đã mở rộng cửa cho sự xâm nhập văn hóa ngoại lai, biến văn hóa Việt Nam thành một nền văn hóa vụ lợi tôn sùng cá nhân, sức mạnh đồng tiền và khí giới.

Như ai cũng biết, xã học ngày nay xuất phát từ Auguste Comte, người đã cố gắng đem khoa học vào xã hội học với mục đích chế ngự xã hội như ta có thể chế ngự sự vật bằng các môn khoa học thiên nhiên. Cho nên danh từ mà Auguste Comte dùng đầu tiên là (Physique Sociale). Ý niệm đứng sau danh từ đó là xã hội là đối tượng cho nghiên cứu khoa học. Từ đó đi thẳng, ta sẽ đến quan điểm coi con người như một sự vật, và các giá trị tinh thần bị gạt bỏ ra ngoài. Đó là hướng đi đã đưa xã hội học, nhất là ở Hoa kỳ, đến sự bế tắc ngày nay.

Ở Việt Nam, Khoa Học Xã Hội là một ngành học rất mới. Vì vậy, trước sự bế tắc của Khoa Học Xã Hội Âu Mỹ, ta cần hết sức dè dặt. Ta cần xét kỹ phương pháp

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN HỘI
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

đã được áp dụng ở Tây phương, mà ta đã được hấp thụ, và từ đó tìm một hướng mới cho Xã Hội Học Việt Nam. Đó là mục đích của những tác giả đã cọng tác trong tập *Tư Tưởng* đặc biệt này. Đây chỉ là bước đầu. Không ai trong chúng tôi dám tự hào rằng mình đã tìm ra hướng mà mọi người phải theo. Nhưng những hướng đưa ra là những hướng *có thể* được nghiên cứu, mổ xẻ, sửa đổi, và trong công cuộc đó chúng tôi sẽ được dịp học hỏi suy nghĩ thêm, để rồi, cùng nhau, tất cả những ai tha thiết với sự phục hưng một nền *quốc học* vừa duy trì được cái gì có giá trị trong văn học nước nhà (nghĩa là những gì cha ông ta đã ra công tìm kiếm), vừa thâu hóa được những cái hay của văn học ngoại quốc, để làm căn bản cho sự tân tiến hóa nước nhà.

Căn bản tư tưởng của xã hội Việt Nam là hai hệ thống Ấn độ và Trung Hoa, cũng như tư tưởng Tây phương là sự hòa hợp của hai luồng tư tưởng La tinh và Saxon. Vì vậy mà văn hóa của ta là một nền văn hóa dung hòa ba luồng tư tưởng Khổng giáo, Lão giáo và Phật giáo. Muốn cải tiến xã hội Việt Nam, ta phải hiểu rõ căn bản Khổng-Lão-Phật. Từ đó, ta sẽ nghiên cứu các phương pháp xã hội học Tây phương, xem ta có thể giữ lại những gì và sửa đổi những gì, để đi tới sự thiết lập một Xã Hội Học độc đáo Việt Nam, thích hợp với Việt Nam về nội dung cũng như hình thức, và có thể giúp một phần đắc lực và việc cải tiến xã hội Việt Nam, trong tinh thần Việt Nam.

Tập *Tư Tưởng* này gồm một số bài tuy đề tài khác nhau, nhưng đều hướng về một điểm; ta có thể xét tư tưởng Đông phương hoặc Tây phương dưới những khía

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

cạnh mới, làm tiêu tan sự tự ty của người Việt Nam khi so sánh Đông và Tây, và mở một hướng mới cho sự nghiên cứu một số vấn đề liên hệ mật thiết đến sự cải tiến xã hội Việt Nam.

Bài của Giáo Sư Bửu lịch cho ta thấy rõ mối ưu tư của những nhà xã hội học Pháp rất khác những mối ưu tư của người Việt Nam. Những ưu tư đó là ưu tư của một xã hội đang tiến mạnh đến một nền văn minh kỹ nghệ và thành thị, trong sự nhận định rằng nếu không có những biện pháp hợp thời để giải quyết những vấn đề do sự sống chen chúc và máy móc trong những thành thị càng ngày càng lớn thì nước Pháp sẽ đi đến sự bế tắc kinh khủng, và hầu như vô phương chạy chữa của xã hội Hoa kỳ hiện nay (rác, bụi, kẹt xe, cướp bóc, ám mạng, thiếu hụt ngân sách, buồn tẻ và trơ trọi). Bài đó cũng nói đến cái nạn mà Giáo Sư Wright Mills gọi là «điều tra để điều tra», chú trọng hình thức hơn là hữu ích, và như Giáo sư Stanislav Andreski đả cáo gắt gao trong *The Uses of Comparative Sociology* (Berkeley, 1965), càng bày ra danh từ có vẽ uyên bác bao nhiêu là tự cho rằng mình khoa học và thông thái bấy nhiêu.

Bài của Giáo sư Nguyễn Xuân Lại có thể coi như một sự chuyển tiếp từ quan điểm Tây Phương qua quan điểm Đông phương. Giáo sư Lại rất dè dặt khi đưa ra một vài ý kiến về phương pháp nghiên cứu làng xã Việt Nam, nhất là trong sự áp dụng phương pháp có thể hiệu nghiệm ở phương Tây đã không những không đem đến kết quả gì, mà trái lại còn tai hại nếu đem áp dụng vào Việt Nam. Nói vậy không phải là nói các tác giả Âu Mỹ đều dở cả. Nhưng trừ Paul Mus, người Pháp, tác giả

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

quyển *Việt Nam: Sociologie d'une guerre* (Seuil, Paris 1952) và Gerald Hickey, người Mỹ, tác giả quyển *Village in Viet Nam* (Yale, 1964) thì chưa có người Âu Mỹ uào hiểu rõ xã hội Việt Nam và đưa ra một phương pháp hiệu nghiệm cho việc nghiên cứu xã hội Việt Nam.

Với bài của Giáo Sư Kim Định ta bước vào một khung cảnh mới, khung cảnh Việt Nam, với sự định nghĩa danh từ «xã hội». Phân tách danh từ «xã hội» như Giáo Sư Kim Định đã làm có thể là khởi điểm cho một phương pháp hoàn toàn mới, hoàn toàn Việt Nam, và nhất là rất sát với thực tế. Nếu ta thấy trong chữ (xã) hai phần: *thị* (tâm linh) và *thổ* (đất đai), thì xã hội Việt Nam là một sự tập hợp của các làng xã, của tâm linh và điền thổ. Có nhìn như vậy thì ta mới hiểu vấn đề Việt Nam tận gốc của nó. Và muốn nhìn như vậy, *ta phải biết chữ Nho*, một khí cụ mà người Mỹ, và những người Việt chỉ có văn hóa Âu Mỹ không có. Ta có thể áp dụng phương pháp đó vào sự xét căn bản «quốc gia» Việt Nam. Theo Âu, hoặc Mỹ, nghĩ đến danh từ *state, état*, là nghĩ đến các cơ cấu căn bản của nó (lập pháp, hành pháp, tư pháp và các định chế khác). Nhưng trong tư tưởng Việt Nam, «quốc gia» là một danh từ mới. Danh từ xưa là «xã tắc». Cả hai chữ *xã* và *tắc* đều gồm chữ *thị* «tâm linh» và chỉ định nơi thờ tự. Ngay cả danh từ «quốc gia» cũng đầy ý nghĩa: *state, état*, của ta gồm hai phần căn bản — *quốc*: nước, và *gia*: nhà, gia đình — khác hẳn quan niệm Âu Mỹ!

Cũng trong tinh thần đó, Giáo Sư Tôn Thất Thiện đặt lại vấn đề dân chủ, đã phá quan điểm cho rằng Khổng giáo là hủ bại, lỗi thời, và sự nhầm mắt theo

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

Âu Mỹ để tìm một giải pháp chính trị hiệu nghiệm cho Việt Nam mà quên rằng những giải pháp ngoại lai, không bắt nguồn từ tư tưởng Việt Nam, khó mà đem lại kết quả mà *dân Việt Nam* mong muốn.

Bài của Giáo Sư Vũ Văn Mẫu có một tầm quan trọng đặt biệt cho những nhà xã hội học Phật tử nói riêng, và tất cả những nhà xã hội học Việt Nam nói chung. Nó đặt vấn đề: tinh thần Phật giáo có phù hợp với tinh thần khoa học xã hội hay không, và tinh thần Phật giáo có thể làm căn bản cho một chính sách xây dựng một xã hội lành mạnh hay không? Giáo Sư Mẫu trả lời là có, và những lý do Giáo Sư đưa ra để chứng minh đều đó có thể mở đường cho một chương trình nghiên cứu sưu tầm rộng lớn cho những người thiết tha với nền quốc học.

Bài của Giáo Sư Ngô Trọng Anh đi sâu một bước nữa vào lãnh vực tư tưởng Phật giáo trong sự liên quan của nó với Xã Hội Học, nhất là trong tư tưởng Hoa Nghiêm. Theo tư tưởng này thì «Cá nhân thế nào thì xã hội thế ấy, và ngược lại». Đây cũng là quan điểm của Xã Hội Học ngày nay, một Xã Hội Học đã đi xa quan điểm của Auguste Comte (nhấn mạnh ảnh hưởng của xã hội đối với cá nhân). Tuy nhiên khác với xã hội học theo Hoa nghiêm thì cá nhân phải tự chuyển tánh chứ không phải trông nhờ vào xã hội, một phản ảnh của chính mình.

Tiếp theo, Thượng Tọa Thích Minh Châu nhắn nhở ta rằng Đức Thích Ca tuy để ý chính trị, nhưng phân

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

biệt rõ thái độ chính trị của những người tu hành và của cư sĩ hay dân thường.

Cuối cùng, Phạm Công Thiện cảnh cáo ta nên tránh đem khủng hoảng tư tưởng Tây phương vào Đông phương, nhất là qua danh từ. Tác giả phân tách danh từ «sociologie», và nêu hậu quả của sự dùng danh từ đó: hậu quả đó là sự thất bại của Xã Hội Học Âu Mỹ. Danh từ «sociologie» gồm hai phần: *logos* (lý sự) và *socius* (hữu thể). Sự thất bại do ở đó mà ra. So sánh sự phân tách này với sự phân tách của Giáo Sư Kim Định (*xã hội*: sự tập hợp của làng xã trên căn bản *tâm linh* và *điền thổ*) ta thấy sự khác biệt rất xa và rất quan trọng. Và sự khác biệt đó là đều làm cho những người chú trọng đến vấn đề về nguồn và tái lập quốc học cần suy nghĩ nhiều.

Đặt vấn đề tâm linh không những là đặt vấn đề căn bản tư tưởng Đông phương. Riêng về Khoa Học Xã Hội, đặt vấn đề đó là đi vào sự tranh luận rất gắt gao giữa chính những nhà xã hội học Tây phương ngày nay. Khoa Học Xã Hội đó có hai xu hướng chính: 1) khoa học là khoa học và phải gạt bỏ tất cả những vấn đề giá trị, những gì vô thể ra ngoài, và 2) Khoa Học Xã Hội liên hệ mật thiết đến con người, và nói đến con người là nói đến giá trị (vì con người không phải là một sự vật), cho nên Khoa Học Xã Hội không thể gạt bỏ giá trị hay những gì liên hệ đến tâm linh ra ngoài được. Quan điểm đầu là quan điểm thịnh hành ở Hoa kỳ, và quan điểm thứ hai là quan điểm phần đông học giả Âu châu, nhất là ở Anh quốc và Thụy Điển. Quan điểm Mỹ được trình bày rất rõ trong *Essays in Sociological Explanation*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

https://tieulun.hopto.org

của Neil J. Smelser (Prentice Hall, New Jersey, 1968) và quan điểm Âu được trình bày trong quyển *Social Science and Social Purpose* của T.S.Simey (Constable, London, 1968). Chúng ta phải tự kiếm riêng một đường nào đem lại cho xã hội Việt Nam một cuộc sống tâm linh lẫn vật chất, đoàn thể lẫn cá nhân. Nhưng con đường đó phải là một con đường đưa ta đến một tư tưởng độc đáo Việt Nam. Đó là con đường mà chúng tôi đang cùng tìm kiếm với nhau, và với những ai đồng chí với chúng tôi, qua tạp chí *Tư Tưởng*.

Một điểm nữa cần được nêu lên là vấn đề phổ biến tư tưởng Việt Nam ra ngoại quốc. Như Giáo Sư Lê Văn Siêu nhấn mạnh trong *Việt Nam Văn Minh Sử Cương* (Lá Bối, Saigon 1964), thế giới chỉ biết văn minh Việt Nam qua những tác phẩm của tác giả Tây phương, cho nên quan niệm — và chính sách — của họ về Việt Nam rất sai lạc. Nhưng muốn thay đổi tình trạng này, ta cần không những nghiên cứu sáng tác, mà còn cần trình bày tư tưởng của ta qua những tác phẩm bằng ngoại ngữ có giá trị, được phổ biến khắp nơi trên thế giới. Nếu không thực hiện được việc đó, ở ngoại quốc người ta vẫn sẽ đinh ninh rằng Việt Nam chỉ là một nước «mọi rợ» trước kia nhờ Pháp, và nay nhờ Mỹ, mà được «khai hóa» một phần nào. Đó là một trách nhiệm nặng nề, đòi hỏi ở học giả Việt Nam một lòng yêu nước nồng nhiệt rất nhiều khả năng và công tâm.

TÔN THẤT THIỆN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

SINH HOẠT VẠN HẠNH

✳

★ KHÓA HỘI THẢO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH.

Theo chương trình ấn định, Viện Đại học Vạn Hạnh đã tổ chức một khóa Hội thảo về hoạt động của Viện trong niên khóa 69-70. Các đề tài thảo luận trong khóa Hội thảo gồm có:

— Kiểm điểm công tác toàn Viện trong niên khóa 68-69 và những dự định trong niên khóa mới.

— Tường trình về tài chánh, ngân sách của Viện và vấn đề phân định quyền hạn các Nha sở, Phân khoa, Trung tâm.

— Chương trình cải tiến, lịch trình hoạt động của ba Phân khoa Phật học, Văn học, Khoa học Xã hội và Trung tâm Ngôn ngữ.

— Vấn đề tổ chức, lịch trình hoạt động và dự án chi thu của Thư viện.

— Vấn đề nhân viên Giảng huấn, nguyên tắc tuyển dụng, thù lao v.v..., thâu nhận sinh viên, thẻ sinh viên, thi cử, học bổng, sinh viên chỉ được ghi tên tại một Đại học...

TIEULUAN
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

— Vấn đề sinh viên chuyên cần và biện pháp đề nghị
— Các phân khoa mới. Vấn đề Cao học.

— Vấn đề sinh viên, lịch trình hoạt động về thể thao, xã hội, văn nghệ.

— Hoạt động tu thư, tủ sách Đại học, Tư tưởng, Vạn Hạnh Bulletin.

— Hoạt động triển lãm, diễn giảng, chiếu phim v.v.

— Vấn đề phân phối phòng ốc, ngân sách, nhân viên...

Tham dự khóa hội thảo gồm chư vị trong Hội đồng Quản trị, Khoa trưởng, Phó khoa trưởng, Giám đốc, Phó giám đốc và một số Giáo sư và nhân viên thuộc phần hành liên hệ.

★ PHÁI ĐOÀN VẠN HẠNH THAM DỰ CÁC HỘI NGHỊ QUỐC TẾ.

Theo lời mời của các Tổ chức Đại học Quốc tế:

— Hiệp Hội các Viện trưởng Đại học Á Châu (ASAIHL).

— Viện Đại học Hong Kong.

— Viện Đại học Quốc gia Tự Trị Mễ Tây Cơ (Mexico).

— Viện Đại học Vienne (Áo quốc).

Viện Đại học Vạn Hạnh đã cử các phái đoàn tham dự các Hội nghị Quốc tế sau đây:

— Giáo sư Tôn Thất Thiện dự Hội nghị về Khoa học

HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Xã hội tại Viện Đại học Nanyang, Singapore, từ 23 đến 26-7-69.

— Giáo sư Lê Tôn Nghiêm và Giáo sư Tôn Thất Thiện dự Hội nghị về Giáo dục Cao đẳng Á Châu tại Viện Đại học Hong Kong, từ 18 đến 30-8-69.

— Thượng tọa Thích Minh Châu, Đại Đức Thích Nguyên Tánh dự Hội nghị về Hướng nghiệp Giáo dục tại Viện Đại học Quốc gia Tự trị Mễ Tây Cơ (Mexico), từ 17 đến 21-8-69.

— Thượng tọa Thích Minh Châu, Đại Đức Thích Nguyên Tánh, Giáo sư Vũ Văn Mẫu, Giáo sư Tôn Thất Thiện dự Hội nghị về vai trò Đại Học trong việc tìm kiếm Hòa Bình tại Viện Đại học Vienne (Áo Quốc), từ 25 đến 29-8-69.

Trước khi dự Hội nghị Mexico, Thượng tọa Thích Minh Châu và Đại Đức Thích Nguyên Tánh sẽ ghé San Francisco thăm các sinh viên của Viện hiện đang tòng học tại Hoa Kỳ, và sau khi dự Hội nghị Vienne, Phái đoàn sẽ ghé Pháp, Đức để mời một số Giáo sư và sinh viên tốt nghiệp về dạy tại Viện Đại học Vạn Hạnh.

★ HOẠT ĐỘNG TU THƯ VẠN HẠNH.

Ngoài tạp chí *Tư Tưởng* và *Vạn Hạnh Bulletin* xuất bản hàng tháng, Ban Tu thư Đại học Vạn Hạnh hiện đang cho

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUÊ QUANG
https://tieulun.hopto.org

in tại ấn quán Vạn Hạnh ba tác phẩm quan trọng sau đây :

— *Lịch sử Siêu Hình Học* của Giáo sư Lê Tôn Nghiêm, sách dày trên 700 trang.

— *Tự điển Pháp Chính Kinh Tài* (Pháp luật, chính trị, kinh tế, tài chánh) của Giáo sư Vũ Văn Mẫu, sách dày trên 1000 trang.

— *Đại Thừa liên hệ với Tiểu Thừa* do T. T. Thích Minh Châu dịch, sách dày khoảng 800 trang.

★ SINH HOẠT SINH VIÊN.

Mặc dầu đang bận rộn với các kỳ thi cuối năm, Đoàn Bóng rổ Sinh viên Đại học Vạn Hạnh đã nhận lời mời của Đại tá Chỉ Huy trưởng Biệt Động Quân dự các trận đấu bóng rổ giao hữu vào các ngày 1 và 2-7-69 tại Vận động trường Cộng Hoà nhân « Ngày Biệt Động Quân » kỷ niệm 9 năm thành lập Binh chủng.

Trong khi đó, Đoàn Văn nghệ Sinh viên Đại học Vạn Hạnh cũng đã tổ chức một buổi đọc thơ và nhạc của Phạm Thế Mỹ vào lúc 20 giờ ngày 19-7-69 tại giảng đường 18, thu hút được một số đông sinh viên, và hiện đang tập dượt rất riết để chuẩn bị một chương trình văn nghệ đặc sắc sẽ trình diễn tại Nha Trang và Đà Lạt vào các ngày 6, 7, 8, 9, 10-8-69, theo lời mời của Giáo hội địa phương.

Ngoài ra, các sinh viên vừa thi cử xong đang nghỉ xả

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁI VIỆN HUẾ QUANG

https://tieulun.hopto.org

hơi để chờ ngày lên Quang Trung học một tháng Quân sự Học đường.

★ VẠN HẠNH VỚI HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI.

Qua sự trung gian và giới thiệu của Viện Đại học Vạn Hạnh, cơ quan xã hội Oxfam (Anh Quốc) đã giúp trang bị các cơ sở xã hội sau đây:

— Giúp Cô Nhi Viện Tây Lộc Huế 3.000.000$ (ba triệu) để xây cất lại phòng ốc bị hư hại trong biến cố tết Mậu Thân.

— Giúp Ký Nhi Viện Nha Trang 1.000 bảng Anh (287.000$) để mua 1 xe lam và sắm một số giường ngủ cho các em, và cho Ký Nhi Viện này vay 2.000.000$ (Hai triệu) để xây cất một lò bánh mì để làm cơ sở kinh tài.

— Giúp Phật Học Viện Huệ Nghiêm (Gia Định) xây cất một giếng nước và một nhà chứa nước trị giá 1.700.000$

Ngoài ra, Viện cũng đang can thiệp với Cơ quan này trang bị giúp cho một số Ký Nhi Viện hiện đang hoạt động tại các Tỉnh.

TIEULUAN

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THÁP VIỆN HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org

Mục Lục

TẠP CHÍ TƯ TƯỞNG BỘ MỚI SỐ 3

			trang
1.	Xã hội học Pháp ngày nay	Bửu Lịch	3
2.	Vài ý kiến về phương pháp nghiên cứu làng xã Việt Nam	Nguyễn xuân Lại	25
3.	Nho học và vấn đề cải tạo xã hội	Kim Định	45
4.	Quan niệm Dân chủ trong hệ thống tư tưởng Khổng học	Tôn thất Thiện	65
5.	Tinh Thần Phật giáo và Khoa học Xã hội	Vũ văn Mẫu	81
6.	Tư tưởng Hoa nghiêm về Con người Xã hội	Ngô trọng Anh	119
7.	Đức Phật với vấn đề chính trị	T.T. Thích minh Châu	157
8.	Sự thất bại của Xã hội học Tây Phương...	Phạm công Thiện	167
9.	Lời đúc kết	Tôn thất Thiện	191
10.	Sinh hoạt Vạn Hạnh		201

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUẾ QUANG
https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG TRÌNH CỦA
TẠP CHÍ TƯ TƯỞNG BỘ MỚI

Đã phát hành :

* **Số 1, ngày 1 tháng 6, 1969 :**
Hiện Tượng Học của Husserl
do giáo sư Phạm Công Thiện phụ trách

* **Số 2, ngày 1 tháng 7, 1969 :**
Khả Tính của Phật Giáo
trong Vấn Đề Hòa Bình
do giáo sư Ngô Trọng Anh phụ trách

* **Số 3, ngày 1 tháng 8, 1969 :**
Những Vấn Đề của Xã Hội Học
và Chính Trị Học
do giáo sư Tôn Thất Thiện phụ trách

Sẽ phát hành :

* **Số 4, ngày 1 tháng 9, 1969 :**
Những Vấn Đề của Giáo Dục Việt Nam
và Giáo Dục Quốc Tế
do giáo sư Dương Thiệu Tông phụ trách

* **Số 5, ngày 1 tháng 10, 1969 :**
Những Vấn Đề Quan Trọng
trong Tư Tưởng Heidegger
do giáo sư Lê Tôn Nghiêm phụ trách

* **Số 6, ngày 1 tháng 11, 1969 :**
Những Vấn Đề Phân Tích Cơ Cấu
trong Tư Tưởng Lévi-Strauss
do giáo sư Bửu Lịch phụ trách

* **Số 7, ngày 1 tháng 12, 1969 :**
Những Vấn Đề Văn Học và Nghệ Thuật
do giáo sư Vũ Khắc Khoan phụ trách

In tại ĐĂNG-QUANG 734A Phan thanh Giản — Saigon. Giá 40$00
Giấy phép số 852/BTT/BC

https://tieulun.hopto.org

đón đọc :

TƯ TƯỞNG số 4

Những vấn đề của giáo dục Việt Nam và giáo dục quốc tế

do giáo sư Dương Thiệu Tống phụ trách

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG
https://tieulun.hopto.org